

BÙI CHÍ VINH

GIAI THOẠI CỦA THI SĨ



1. Phát minh của thi sĩ

2. Giai thoại của thi sĩ (phần 1)

3. Giai thoại của thi sĩ (phần 2)

4. Giai thoại của thi sĩ (phần 3)

5. Giai thoại của thi sĩ (phần 4)

PHÁT MINH CỦA THI SĨ

Về trí nhớ của tôn sư Lê Quý Đôn

Hồi nhỏ tôi rất phục Lê Quý Đôn, thần đồng về mặt trí nhớ. Theo truyền thuyết ông có thể đọc vanh vách những gì mình chỉ nhìn thoáng qua hoặc nghe qua một lần, ông đã từng cứu bồ một bà chủ quán rượu bị mất sổ ghi nợ chép trên vách vì cháy nhà. Ông cũng đã từng thoát một trận đòn của thân phụ nhờ ứng đối trước mặt khách của cha một bài thơ Đường Luật về rắn mà câu nào cũng đề cập đến từng chủng loài bò sát.

Tôi không “xịn” như tiên sinh Lê Quý Đôn, nhưng theo lời bạn bè thì trí nhớ cũng thuộc hàng cao thủ. Từ lúc 11 tuổi đến nay tôi đã làm trên 1000 bi thơ đủ nội dung thể loại và tự hào thuộc tối thiểu cũng hơn 800 bài mình ưa thích. Khác với bậc trí giả Lê Quý Đôn, tôi bắt buộc phải thuộc thơ mình vì yếu tố thời thế. Nói hú họa, chẳng may tôi bị bọn cường quyền bạo chúa nào đó bịt miệng thì với trí nhớ trời cho, ít ra tôi cũng để dành một số lượng thơ cần thiết để lại cho thế nhân qua ghi chép hoặc khắc thơ truyền khẩu trong bàn rượu thân hữu.

Năm nay bước qua tuổi ngũ thập tri thiên mệnh đáng lẽ trí nhớ kém dần, nhưng cũng may rơi vọt cuộc đời không ngừng quất vào nên trí nhớ của thi sĩ lần lượt lại khôi phục. Nếu thiên tài Lê Quý Đôn có bài thơ thất ngôn bát cú câu nào cũng nói về RẮN thì tôi cũng nói chỉ cha ông bằng bài thơ năm chữ câu nào cũng nói về CHÓ, vừa mua vui trong bàn rượu, vừa được chủ quán cho “xù” trong việc trả tiền. Nhân đây, bằng trí nhớ cá nhân, tôi chép lại bài thơ RẮN của Lê Quý Đôn và bài thơ CHÓ của tôi để mọi người tùm tùm cười chơi.

BÀI THƠ RẮN ĐẦU BIẾNG HỌC

*Chẳng phải LIU ĐIU cũng giống nhà
RẮN đầu biếng học lẽ không tha
Thẹn đên, HỒ LỬA đau lòng mẹ
Nay thét, MAI GẦM rát cổ cha
RẮO mép chỉ quen lời lếu láo
LẮN lưng cam chịu vệt năm ba
Từ nay TRÁU lỗ siêng năng học
Kéo HỒ MANG danh tiếng thế gia*

BÀI THƠ VỀ CHÓ

Sáng sớm nghe tiếng KHUYẾN
Giữa trưa bén mùi CÂY
Chiều bước vào quán CẦU
Chú TUẤT nằm đâu đây

Tiếng ĐỒNG QUÊ là NAI
Tiếng giang hồ là CỐM
Gần MỰC thì chú đen
Gần đèn thì chú ĐỐM

Thăm chú nhớ BÁNH TRÁNG
Mới nhất BẠCH nhì VÀNG
Nhâm nhi dăm XI ĐỀ
Mới tứ VÊN tam KHOANG

VỀ bà HỒ XUÂN HƯƠNG, thủy tổ thơ tiếng lái

Ngoài trường hợp độc đáo của tôn sư Lê Quý Đôn về mặt trí nhớ như đã nói ở trên, còn một nhân vật nữa trong văn học sử Việt Nam mà tôi cực kỳ ngưỡng mộ. Đó là nữ sĩ Hồ Xuân Hương, từng được mệnh danh là “Bà Chúa thơ Nôm”, từng được coi là một trong những người phụ nữ hiếm hoi trên trái đất dám thực hiện nữ quyền một cách triệt để nhất trong thời đại phong kiến trên đe dưới búa bất chấp có thể bị nguy hại đến tính mạng. Tuy nhiên, những danh xưng ấy vẫn chưa đủ để nói về sự mở mang ngôn ngữ của bà. Theo tôi, thiên tài Hồ Xuân Hương còn là thủy tổ làm thơ về tiếng lái, là chương môn nhân đầu tiên của môn phái “đảo ngữ” một cách kỳ ảo tạo nên tứ thơ đối nghịch khôn lường mà những người đi sau như Bùi Giáng tha hồ kế thừa để phát huy nghệ thuật chơi chữ.

Hồ Xuân Hương là một nhà thơ ngôn ngữ hai mặt, người đời thường truyền tụng là thơ “đổ tục giảng thanh”. Nhưng thơ tiếng lái của bà lại chơi đòn tếu ngoe là “chuyên thanh sang tục”.

Một minh chứng trong bài “KIẾP TU HÀNH” như sau:

*Cái kiếp tu hành nặng đá đeo
Vị gì một chút tẻo tèo teo
Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc
Trái gió cho nên phải lộn lèo*

Nếu chịu khó đọc kỹ và có máu giang hồ một chút, ai nấy phải bật cười bởi “đá đeo” tức là “đéo đa”, “trái gió” tức là “chó dái”, “lộn lèo” tức là “lẹo... l”

Một thí dụ khác trong bốn câu đầu bài thơ “CHÙA QUÁN SỨ”:

*Quán Sứ sao mà cảnh vắng teo
Hỏi thăm sự cộ đảo nơi neo?
Chày kình, tiểu để sông không đấm
Tràng hạt, vãi lần đếm lại đeo...*

Tương tự bài trước, nếu chiết tự ba chữ “đảo nơi neo” tức là “đéo nơi nao”, “sông không đấm” tức là “đâm không sưng”, “đếm lại đeo” tức là “đéo lại đêm”.

Sự tài hoa của nữ sĩ họ Hồ biến thành phát minh mở đường cho các thi sĩ. Tôi không có máu ngông cuồng như Bùi Giáng khi xài tiếng lái bắt chước bà, tôi cũng không sử dụng tiếng lái trong chốn phòng the, tôi “thảy” tiếng lái của thế kỷ 21 vào những nỗi đau thể thái nhân tình, những trận phong ba cơn áo tạo nên tiếng cười cay đắng cho những ai đang bị áp bức. Ít nhất tôi cũng thu thập từ truyền khẩu, giai thoại của nhân dân để viết hơn 10 bài thơ tiếng lái, xin chép ra đôi bài sau để mọi người thưởng lãm. Đó là 2 bài thơ mang tựa “QUỐC KỶ” và “ĐẢO NGŨ HÀNH”.

QUỐC KỶ

*CỜ VÀNG thì tình CÀNG VỜ
CỜ XANH sao rụng CẢNH XƠ xác cành
CỜ ĐỎ ông CỜ ĐỔ anh
CỜ HỒNG cái CÒNG HỜ nhanh lắm bỏ
Treo CỜ GÌ đỡ KỶ GIỜ?
Ê, CỜ TÂY hạ CÂY TƠ ra đời!*

ĐẢO NGŨ HÀNH

*Hành đảo ngữ kể từ GIẢI PHÓNG
Thi ca làm PHỎNG DÁI niêm vần
Muốn in báo phải làm đầy tờ
Nhưng ta nào phải kẻ lòn tròn*

*Ta nào phải là ông Hàn Tín
Phò Lưu Bang phản bạn lừa thầy
KỸ SƯ vì thế thành CƯ SĨ
THẦY GIÁO từ đây chịu THÁO GIÀY*

*Họp ĐỒNG CHỈ thấy toàn ĐÌ, CHÓNG
XỐ VIẾT ngày nay khoái XIẾT VÔ
Hình treo LỘNG KIẾNG như LIỆNG CỐNG
Để thẳng TỒ DỰ hét TỰ DO*

Chú đeo BẮNG ĐỎ mà BỎ ĐẮNG
Mượn SAO VÀNG che đậy SANG GIÀU
CẮNG BÔNG nhờ nói CÔNG BẰNG nhi
LƯU MANH nào lại chẳng LẠNH MƯU?

Theo CHÍNH PHỦ ai ngờ CHÚ PHỈNH
Vào CHIẾN KHU thì bị CHÚ KHIÊNG
Mồm ĐÁNH MỸ mà tâm ĐĨ MÁN
TIỀN ĐÁU? chú chặn họng ĐÁU TIÊN

GIÁO CHÚC đòi meo đành DỨT CHÁO
Làm NHÀ THƠ vô bót NHỜ THA
THIÊN TÀI không đủ THAI TIỀN hả?
CÁT ĐUỐC về quê CUỐC ĐẤT à!

KHIÊNG CHÁN ta làm thơ KHÁNG CHIẾN
Gào THI ĐUA chú bịp THUA ĐI
LÀM THƠ mà LỖ THAM mới nhục
THÌ CẬY cày mất đất THẤY KỲ

LÃNH TỰ sạch nhờ ôm TỬ LẠNH
BẮN NGƯỜI DO bác BỎ NGƯỜI DÂN
BẮC ĐI quá sớm thành BI ĐÁT
NGHỆ SĨ tụi con NGHĨ XỆ quân...

Về loại thơ “bỏ dấu xuống chữ” của chính tôi

Sau những cơn stress nặng về cơm áo gạo tiền công danh địa vị phù phiếm hư ảo, con người ta luôn cần có sự thư giãn. Nối tiếp tiền nhân, tôi tự thể nghiệm mình qua kiểu thơ chơi chữ đời mới cho thanh thản tâm hồn. Cụ thể tôi bỏ các dấu gồm “dấu huyền, dấu sắc, dấu hỏi, dấu ngã, dấu nặng” xuống các mẫu tự của 24 chữ cái hoặc các từ để chúng thành thơ.

Xin giới thiệu cùng các bạn một số bài thơ về chữ A, B, C, các từ bão, quậy, thơ như sau:

A

Con gái ta thường kêu bằng: ả
Đôi khi đụng “xâm” đổi thành: a
Các em xinh đẹp thì ta: á
Giống Chung Vô Diệm thì ta: ạ
Á ạ gặp ta cũng phải: à

B

Nhìn em, ta muốn: bé
Muốn bé thì phải: bê
Bê em như bê: bệ
Bê bê dễ rớt: bễ
Đặt xuống giường, ta: bè

C

Trong tình yêu không xài: xế
Làm như thế hai đứa: xệ
Thà rằng giận nhau, ta: xê
Ta đi bộ, em đạp: xế
Lúc gói chần, bụng sẽ: xề

BÃO

Giữa cuộc đời giông: bão
Ta ruột xé gan: bào
Văn miếu nuôi cường: bạo
Triều đình nuôi hổ: báo
Mình ta nuôi chiêm: bao

QUẬY

Ở biển ta là cá: quấy
Sao người đem bỏ mặt: quầy
Giang hồ có câu phải: quấy
Lẽ nào ta chịu lãn: quay
Lẽ nào ta không dám: quây

THỚ

Có con ong: thợ
Không thèm hít: thờ
Khí hậu đến: thờ
Cho nên có: thờ
Mật thành ra: thơ

19.7.2008

GIAI THOẠI CỦA THI SĨ, PHẦN 1

Vừa rồi sau khi ra mắt hai tập THƠ TÌNH BÙI CHÍ VINH và THƠ ĐỜI BÙI CHÍ VINH trong nước lẫn trên mạng, tình cờ tôi được nghe một số giai thoại hay hoặc không hay của thiên hạ bàn tán về mình. Đối với tôi, hay hoặc không hay đều vẫn là giai thoại. Nhưng giai thoại phải có cơ sở xác đáng, có thực tế chứng minh, có những người trong cuộc chứng kiến thì giai thoại đó mới trường tồn, truyền khẩu hợp lý và khoa học được. Những giai thoại đồn đại chung quanh hình tích, sự đi đứng, năng khiếu làm thơ ứng khẩu của tôi xuất hiện ngay từ sau giải phóng, lúc tôi còn rất trẻ, đang làm việc tại một tờ báo và chỉ mới 21 tuổi đầu. Giai thoại mỗi ngày mỗi phát triển thêm lúc tôi đi bộ đội, rồi đi giảng hồ, rồi làm đủ mọi thứ nghề để sống, thậm chí cả giai thoại lúc tôi bày tỏ chính kiến của mình...

Trong phạm vi bài viết này tôi xin mở đầu bằng một giai thoại quái đản nhất vừa nghe được. Sự quái đản ở đây tùy nghi ai muốn hiểu sao thì hiểu trong khi câu thơ đồn đại về tôi lại khởi nguồn từ một tình bạn rất đẹp. Cụ thể từ hai câu thơ tam sao thất bản sau đây:

*“Trọc đầu BÙI làm sao CHÍ ở
Nhục còn chưa có lấy gì VINH”*

Và họ nói rằng hai câu thơ trên là do Bùi Giáng ứng khẩu tặng tôi trong bàn nhậu lúc tôi đang múa may chữ nghĩa, khiến tôi hoàn toàn tâm phục khẩu phục. Suy nghĩ như thế không riêng gì tôi mà những người quen biết tôi đều phải phì cười. Bởi một lẽ đơn giản, tác giả hai câu thơ trên không phải là Bùi Giáng tiên sinh mà là ông anh Mặc Tuyền, một nhà thơ kiêm kịch tác gia bụi đời làm “chọc què” tôi khi tôi mạt lộ đang ngồi ở vỉa hè phụ sửa xe cùng anh Phan Văn Bông tự Bế Văn Bông mưu sinh kiếm sống vào thời điểm cuối thập niên 80 đói rách. Thời điểm ấy nạn dịch bo bo khoai mì hoành hành, mâm cơm không có gạo trắng mà ăn, Mặc Tuyền cố kiềm chế sự ngông cuồng của tôi nên làm hai câu khá cảm động. Vừa chơi chữ, vừa nói về chữ “nhục”, nhục ở đây có nghĩa là “thịt”, thi sĩ lớn cỡ nào mà đầu cạo trọc và thiếu thịt ăn thì bao tử cũng đói meo và chí khí lẫn chí mèn cũng đi chơi chỗ khác.

Còn Bùi Giáng tiên sinh đương nhiên thuộc về đẳng cấp khác. Ông và tôi không phải huynh đệ hoặc thân thiết tri kỷ nhưng khi gặp nhau chưa bao giờ ông dèm pha biếm nhẽ thế hệ sau mình. Giai thoại giữa tôi và ông độc đáo hơn nhiều. Cách đây hơn 20 năm tôi và Hồ Lê Thuần (con trai cố bí thư Thành Đoàn trước 1975 là Hồ Hảo Hớn) vi hành xuống miệt Gò Vấp chợ Long Hoa lúc nửa đêm. Nhằm vào lúc Bùi Giáng rời chùa Long Huệ gần đó ra chợ quậy tung bùng khói lửa với một cây chổi rách tượng trưng cho ấn kiếm. Gọi là ấn kiếm vì Bùi Giáng luôn vỗ ngực xưng vương bất cứ lúc nào cao hứng. Đêm đó chúng tôi ngồi uống rượu vỉa hè

chứng kiến “vua cỏ” Bùi Giáng làm bà con chạy tán loạn và nhìn ông múa chổi tiên về phía chúng tôi. Ông vừa đi vừa khắc thơ rồi dòm trừng trừng vào mặt tôi. Trong cơn say xin ngắt trời, Hồ Lê Thuần xúi tôi đọc thơ đáp lễ. Thế là người ngời người đứng xuất khẩu thành thi qua lại liên tục. Không biết Bùi tiên sinh “phê” thơ tôi ra sao, chỉ biết Người tự động quỳ xuống bàn chúng tôi dâng cây chổi rách lên và tuyên bố “*Đêm nay Trẫm thay mặt cựu hoàng Bảo Đại giao ấn kiếm cho thế hệ Hồ Chí Minh*”. Câu nói đầy tính “chính trị” và đôi phó của Bùi Giáng bắt buộc tôi phải nhận cây chổi và làm một bài thơ tặng ông tại chỗ, có chép lại nhét túi ông đảng hoàng, xin mạn phép ghi ra đây để khép lại lời đồn về sự “tâm phục khẩu phục” của tôi trước Bùi Giáng:

CÁCH LẠY CỦA BÙI GIÁNG

*“Liên tôn, l... tiên, liền tôn”
Bác Bùi chưa gặp đồng môn đây mà
Ta hăm bảy tuổi đãng khoa
Bác hơn sáu chục mới là Trạng Nguyên
“Bác đi, bi đát” con điên
Để mua trí tuệ “l... tiên, liên tôn”
“Riêng ta” thành “ra tiên” con
Lúc say xin võ hậu môn cười khà
“Bán dùi Bùi Giáng” xốt xa
“Bình Chí Vui” ta vốn là “Bùi Vinh”
Bác không màng nhắc triều đình
Có đâu ta nở cô tình làm vua
Chi bằng giữa chợ say sưa
Bùi to Bùi nhỏ đi lừa các em
Kìa sao bác lạy như điên
Đợi ta đỡ dậy chiêu hiền nữa sao?!?”*

Ngoài ra tôi còn chép cho Bùi tiên sinh bài thơ BÌNH CHÍ VUI khi ông muốn tôi bình tĩnh chí nam nhi trở lại để có thể tồn tại trước bọn sâu bọ làm người. Tôi đã làm bài thơ này theo “môđen “ tiếng lái và chơi chữ của ông:

BÌNH CHÍ VUI

*“Bùi Chí Vinh, Bình Chí Vui”
Không bình chí, chắc tiếng cười mất tiêu
Chí trong bình, chí mốc meo
Chui ra bình, chí mới nhiều nhục vinh
Bùi làm thiên hạ giật mình
Sờ ngay “cái đó” kéo em méch lòng
“Bùi như lạc” nhậu sượng không?”*

*“Trần như nhộng” Bùi tông ngông đái chơi
Bất bình nên chí chưa vui
Các em nên gọi ông Bùi Chí Vinh*

Chuyện gặp Nguyễn Đức Sơn giang hồ hơn. Trước đó khi mạn đàm về thi ca cùng đồng nghiệp, tôi luôn luôn khẳng định miền Nam trước giải phóng có 4 chương môn nhân đại diện cho 4 trường phái thi ca tiêu biểu. Đó là Bùi Giáng thơ trên trời, Nguyễn Đức Sơn thơ dưới đất, Thanh Tâm Tuyền thơ tự do kiểu Tây phương, Tô Thùy Yên thơ hành cổ điển kiểu Đông phương. Vì thế lần hạnh ngộ Nguyễn Đức Sơn trên cao nguyên Đại Lào sơn lam chướng khí, tôi đã ăn những gì ông tự trồng tự hái và đã đầu khâu những gì ông muốn.

Nguyễn Đức Sơn vốn sở trường thơ lục bát và nổi tiếng trước những bài thơ tinh gọn đến mức độ tối thiểu về chữ mà vẫn dào dạt ý tứ. Có bài thơ chỉ hai câu, mỗi câu hai chữ như “*Cái lỗ – Tôi cổ*” đủ nói hết về chế độ mẫu hệ, về nơi khai sinh ra loài người. Có bài thơ chỉ ba câu, mỗi câu một chữ như “*Hột – Thì – Le*” đủ nói hết về bản chất sinh tồn thiện ác của nhân loại. Và tôi đã mượn những ý thơ độc đáo đó để đưa vô bài thơ làm tặng ông như một thứ giai thoại truyền khẩu:

ĐỤNG ĐỘ NGUYỄN ĐỨC SƠN

*“Hột thì le” thật đó sao?
Ta dân “thầy lỗ” đến chào đồng môn
Xưa nay hai kẻ du côn
Ít khi đời sống cô hồn như nhau
Như miếng trầu khác miếng cau
Nhưng có cau, chẳng có trầu, như không
Như không sinh chuyện động phòng
Hột sao le được “nụ hồng thi ca”
Như không sinh nở đàn bà
“Cái lỗ tôi cổ” thành ra tầm thường
Ta thừa văn, bác dư chương
Hôm nay một chén Hồ Trường chao nghiêng
“Thiên tài” nhờ lỗ “tai thiên”
Buồn lên núi hú chẳng phiên Tarzan
Buồn hái nấm luyện thành sâm
Buồn quay vào vách thương thắm Đạt Ma
Buồn hơn xuống động bẻ hoa
Buồn hơn chút nữa kiếm ta đỡ buồn
Kiếm ta ta cứ ngông cuồng
Sánh vai với Nguyễn Đức Sơn cũng kỳ
“Kỳ” thì theo “Thiệu” mà đi
Ta theo bác đã chắc gì tịnh tâm
Chẳng thà bút vẩy thơ đâm
Rong chơi đợi trận cát lằm đi qua*

*Đừng khen chê trước mặt ta
Sợ e tiếng gáy làm gà ghét nhau
Chẳng thà trong cuộc bể dâu
Cưa nhau chén rượu cho sâu chia hai...*

Riêng đối với Phạm Thiên Thư thì tôi “quậy” theo kiểu bụi đời hơn. Năm 1980 tôi được nghỉ phép mặc đồ bộ đội rách xác xơ đi lang thang cùng Hoàng Linh qua đường Lý Chính Thắng (tức Yên Đổ cũ). Hoàng Linh là bạn giang hồ của tôi, anh là con trai nhà văn Hoàng Ly và là em vợ Phạm Thiên Thư lúc đó. Anh giới thiệu tôi với Phạm tiên sinh đang mở tiệm hót tóc và bỏ mỗi rượu ngay trên đường này.

Cuộc hội ngộ diễn ra y chang truyện kiếm hiệp của Kim Dung. Ngoài trời mưa tầm tã, bên trong tiệm Phạm tiên sinh ngừng hót tóc cho vị thân chủ mặt mũi kỳ dị và kéo vị ấy ngồi xuống rót chai rượu màu xanh tiếp tôi và Hoàng Linh. Sau tuần rượu đầu đàm đạo về thơ, vị khách lạ đứng dậy chỉ vào mặt tôi và phán “*tuổi Giáp Ngọ phải không, sanh vào cuối tháng 9 âm lịch phải không, chào đời nửa đêm phải không?*” Rồi ông ta đứng dậy bỏ đi một mạch. Lời phán của kẻ dị nhân khiến tôi hoang mang nhưng hai anh em Phạm Thiên Thư, Hoàng Linh chỉ khẽ gật gù khoái trá. Đến giờ này tôi vẫn chưa hiểu dị nhân đó là ai và tại sao chỉ sau một quẻ Dịch ông ta lại biết ngày giờ năm sinh tháng đẻ của tôi trong khi cả bàn không ai biết. Hôm đó trong lúc cụng ly nghe Phạm tiên sinh thổ lộ về cuộc đời trôi nổi lên voi xuống chó của ông làm tôi ngậm ngùi vô tận. Tôi thừa biết họ Phạm sở trường về thơ bốn chữ nên ứng khẩu tặng ông bài thơ cùng thể loại mà ông ưa thích. Bài thơ như sau:

GHEO PHẠM THIÊN THƯ

*Rượu Phạm Thiên Thư
Thơ Bùi hiền sĩ
Một chén càn khôn
Đất trời túy lúy*

*Tương huynh tên “Thị”
Nên mời vào chùa
Dè dàu tửu sắc
Cũng ghiền nam mô*

*Huynh giữ một bồ
Chứa toàn thị chó
Ta giữ bồ kia
Chứa toàn tín nữ*

*Vì huynh quân tử
Như Nhạc Bất Quần
Ta đành tiểu tử*

Như Điền Bá Quang

*Tiểu Ngạo cung đàn
Một gian lều cỏ
Huynh mới bẻ gươm
Ta còn mãi võ*

*“Đoạn Trường” hai chữ
Huynh ngâm nát lòng
“Vô Thanh” đâu chữ
Cửa thiền huynh trông*

*Ta con nhà tông
Giống lông giống cánh
Quen ngủ chiếu rom
Dùng com khổ hạnh*

*Gặp chiều mưa lạnh
Chén tạc chén thù
Dem thơ tặng Phạm
Đéch cần Thiên Thu!*

Cũng trong thời gian đó tôi lang bạt rất nhiều nơi, làm quen với nhiều người, trong đó có thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn từ Phan Thiết vô là tác giả tập thơ CHIẾN TRANH VIỆT NAM VÀ TÔI nổi tiếng. Nguyễn Bắc Sơn có hẹn hò đầu với Trần Mạnh Hảo nên rủ tôi lên chung cư Hội Văn Nghệ số 190 Nam Kỳ Khởi Nghĩa lai rai ba sơi chơi. Khi đi, tôi có rủ thêm Trần Hữu Dũng, Vũ Ngọc Giao là hai chiến hữu giang hồ cùng cạ chén tang bồng hồ thi.

Rượu vào lời ra. Tôi và Nguyễn Bắc Sơn thay phiên nhau khạc thơ chan chất. Có lẽ Nguyễn Bắc Sơn không ngờ tôi là một kẻ hậu sinh chưa hề có tên tuổi trước giải phóng mà khạc thơ quá đã, nên anh “bốc” liền một câu: “*Thằng cha Bùi Chí Vinh này làm bài thơ nào cũng hay hết, nhưng thơ họ Bùi là Đồ Long Dao, còn thơ Nguyễn Bắc Sơn ta mới là Ý Thiên Kiếm*”. Nguyễn Bắc Sơn đâu biết câu phát biểu đó vô tình làm “mồi” cho một bài thơ giai thoại về anh và tôi sau này. Bài thơ được tôi ứng khẩu tại chỗ như sau:

CÁCH NHẬU VỚI NGUYỄN BẮC SƠN

*“Ta làm thơ bài nào cũng hay”
Nghe gã Nguyễn Bắc Sơn nói thế
Té ra gừng già ngươi chưa cay
Ta chỉ hạt tiêu mà rơi lệ
Làm thơ ta làm từ bụng mẹ
Đợi ngươi nổi tiếng là ta sinh*

*Sinh sau để muện giống Hạng Thác
Cho người Không Tử đỡ hợn mình
Sinh sau để muện giống chim hạc
Cho đàn cò đôi đỡ ăn đêm*

*Nhà ngươì bóc ta cứ như chươg:
Rằng thơ ta nông như Tạ Tôn
Câu trước câu sau Đồ Long Đao
Vàn dưới vàn trên Ý Thiên Kiếm
Đao kiếm dành cho bọn cường hào
Có đâu đưa vào thơ bố trận
Tại đời lảm muối nên thơ mặn
Chứ thiết gì ta nghiệp võ công
Kìa coi hoàng đế Quang Trung đó
Đến chết còn ghê chữ má hồng*

*Tiếc rằng ngươì không là thiếu nữ
Thiếu nữ bóc, ta thành vua Trụ
Nhà ngươì bóc, ta thành bia hơi
Uống say bọt bay hết lên trời...*

Đôi ảm với Nguyễn Bắc Sơn tại nhà Trần Mạnh Hảo mà quên nhắc đến họ Trần thì quả là điều không phải phép. Khi tôi 15 tuổi tham gia phong trào sinh viên học sinh đấu tranh đô thị ở Sài Gòn thì bộ đội Trần Mạnh Hảo đã siết cò AK ở trong rừng. Ngay giải văn học TPHCM đầu tiên sau giải phóng 1976 – 1977 tôi và Trần Mạnh Hảo đã biết nhau khi anh đoạt giải thơ với tập TIẾNG CHIM GỖ CỬA còn tôi đoạt giải thơ với tập HẠNH PHÚC CÓ THẬT. Tôi với anh còn thân nhau bởi cùng đi lưu diễn đọc thơ các trường đại học cùng với Nguyễn Duy, Văn Lê, Nguyễn Nhật Ánh. Phải nói thật tôi thân với Trần Mạnh Hảo hơn những nhà thơ ngoài Bắc khác một phần vì quê quán cha tôi thuộc tỉnh Nam Định, đồng hương với anh.

Trần Mạnh Hảo và tôi mỗi người đều tạo ra những sóng gió và dư luận riêng bởi cá tính và thơ của mình. Trong bàn nhậu đám đông, tôi và anh luôn luôn giữ vai trò chủ lực trong việc đọc thơ phục vụ bè bạn bằng thơ trí nhớ hoặc thơ ứng khẩu. Ai cũng khẳng định rằng tôi và anh đều có trí nhớ đặc biệt, thuộc lòng bất kỳ bài nào của mình viết ra, cho dù là viết giỡn chơi. Thậm chí giới giang hồ mỗi lần nghe tôi và anh đấu khẩu bằng thơ đều gọi là “Nam Chinh, Bắc Chiến”. Một lần ngồi dưới chân cầu Công Lý trước nhà chị Phương Huệ, có mặt khá đông bá tánh tín đồ Phật Giáo, Trần Mạnh Hảo đã cao hứng đọc oang oang bài thơ chinh phục thiên hạ. Bằng trí nhớ tôi chép ra đây sau một thời gian quá lâu hơn 20 năm, nếu có sơ xuất hoặc thiếu câu nào đoạn nào mong Trần Mạnh Hảo thông cảm:

PHÙNG PHẬT, SÁT PHẬT

*Phùng Phật phải sát Phật
Sát Phật, Phật quay về
Ngộ rồi mà chưa ngộ
Tỉnh tỉnh mà mê mê*

*Thúy Kiều vừa thành Phật
Mười lăm năm tu hành
Cõi tâm là cõi Phật
Lâu không lâu không xanh*

*Phật tự thân người đẹp
Không dung, sao Phật Bà
A Di Đà sát Phật
Phật hóa thành đôi ta!*

Tôi thấy tình hình căng quá bèn giải thoát cho các tín đồ Phật Giáo bằng bài thơ thức ngộ sau đây:

PHÙNG PHẬT, CỨU PHẬT

*Trần Mạnh Hảo sát Phật
Giữ lại mình Quan Am
Nói theo kiểu phàm tục
Diệt dục mà sinh dâm
Nói theo kiểu cờ bạc
Úp Tây mà lật Đâm
Nói theo Bùi hiền sĩ
Muốn vậy chừa hai trăm!*

Bao giờ cũng vậy, những cuộc đấu khẩu thơ giữa tôi và Trần Mạnh Hảo đều làm thiên hạ bật cười nhẹ nhõm tới bên sau khi thần kinh căng thẳng cũng tới bên. Anh em văn nghệ mà. Những người có khả năng khuấy đảo thiên hạ chỉ đếm trên đầu ngón tay, tại sao lại không biết thương nhau bảo vệ nhau trước những cặp mắt cú vọ của đám tiểu nhân rình mò tâu hót ám hại.

Một giai thoại nữa có liên quan tới Trần Mạnh Hảo khi họ Trần dẫn theo hai vị chức sắc thuộc tỉnh Hà Nam Ninh đến Hội Văn Nghệ 81 Trần Quốc Thảo ăn nhậu và ra câu đối thách thức. Chuyện đó đã hơn 15 năm. Hôm đó tôi đang ngồi uống bia dưới gốc cây đa cùng với Nguyễn Quốc Chánh, Đoàn Vị Thượng ... và nhiều anh em văn nghệ khác. Hai bên chào nhau và ráp bàn. Trần Mạnh Hảo tuyên bố “*Có một câu đối chúng tôi ra về mà từ Bắc vô Nam chưa ai đối được hoàn hảo về mặt nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Nếu các bạn trong bàn giải được, chúng tôi cá độ một châu nhậu thả giàn*”.

Vế đối ra như sau:

“BATA đi giày vải”

Phải thú thật là vế ra quá độc. Bởi băng “Hà Nam Ninh” của Trần Mạnh Hào gồm đúng 3 người, mà cả 3 đều đi giày vải, và giày vải đều mang hiệu BATA. Thế là anh em chiến hữu đều hướng mắt về phía tôi. Trong tình thế chỉ mình treo chuông, tôi gật đầu cái rụp.

Sau 15 phút động não nhằm xác minh một đơn vị tiểu thủ công nghiệp mang tên “Đại Chúng” chuyên sản xuất dép râu ở Chợ Lớn, tôi hùng hồn đứng dậy đối lại như sau:

“ĐẠI CHÚNG lét dép râu”

Câu đối lại đã quá rõ ràng. Khi ba cán bộ đi giày Bata thì đám đông đại chúng nghèo khổ đành phải mang dép râu lét bánh. Thế là sau một hồi tranh cãi gọi điện thoại bàn xác minh cơ sở sản xuất dép lớp Đại Chúng có thật hay không thì băng Trần Mạnh Hào đành phải chùng độ chứ còn phải hỏi.

Cũng trong giai thoại về câu đối, nhân đây tôi nhắc chuyện này như một nén nhang thấp tặng linh hồn hai vị thuộc giới văn nghệ đã khuất. Đó là hai nhà thơ trào phúng Tú Rùa và bác Cử Tạ vốn là hai nhân vật nằm trong hai câu đối của tôi. Chuyện xảy ra vào cuối thập niên 80 khi tôi và Lê Dụng (con trai cố nhạc sĩ Hoàng Việt) đến nhà Tú Rùa chơi. Nhà thơ trào phúng Tú Rùa vừa là chủ tiệm may đất khách vừa là một cộng tác viên đặc lực của báo Văn Nghệ TP nơi Lê Dụng công tác. Trong lúc trà dư tửu hậu chén tạc chén thù ông chủ tiệm may Tú Rùa cao hứng phán một câu *“Nghe đồn Bùi Chí Vinh có khả năng ứng tác về ca từ thi phú cổ điển. Vậy ông có ngon làm hai câu đối nói về chí khí của Tú Rùa tôi trong sáng như sao Tua Rùa trên bầu trời đêm thì tôi sẵn sàng đãi ông và Lê Dụng suốt một ngày khắp các quán Sài Gòn”*. Lời phán của Tú Rùa như một tiếng sét đánh ngang mày. Mà đã là sét đánh thì nháng lửa và tung tóe như sao. Bất giác tôi liền tưởng đến bác Cử Tạ phụ trách mục “Ôn Cố Tri Tân” trên báo Long An cuối tuần thường hay bốc thuốc Đông Y ở khu Ông Tạ. Tôi nháy mắt với Lê Dụng như một nhân chứng và xuất khẩu thành...hai câu đối như sau:

*TÚ RUA “rua” SAO RUA
CỬ TẠ tạ ÔNG TẠ*

Tôi thấy Lê Dụng khoái trá còn Tú Rùa lặng người. Trong ba từ “rua” của vế trên thì chữ “rua” thứ nhì là tiếng Pháp có nghĩa là “bắt tay”. Tương tự trong ba từ “tạ” của vế đáp thì chữ “tạ” thứ nhì thuộc tiếng Hán có nghĩa là “vái chào”. Và kết quả là chúng tôi say xỉn quắc cần câu như thế nào có lẽ các bạn cũng hình dung ra được.

Cũng trong thập niên 80 tôi thường xuống khu Ông Tạ giao du với gia đình nhà văn Lưu Ngũ và các hảo hớn anh chị sống ngoài vòng pháp luật ở khu vực đó. Lưu Ngũ xuất thân là cựu trung úy Biệt Động Quân của quân đội Sài Gòn sau giải phóng đi học tập cải tạo và trở thành nhà văn bắt đầu nổi nhờ đoạt giải văn học thành phố năm 1976 – 1977 với truyện dài VŨNG LẦY. Anh chán ghét chiến tranh đến mức độ chỉ muốn làm con người, nhưng làm con người giữa thời đại “bo bo” và “xuyên tâm liên” thì quả khó làm sao. Trong một đêm nhậu đã đời với những kẻ “Đảng nghi ngờ, nhân dân chú ý” chúng tôi đã đi lang thang trên đường phố chỉ toàn xe đồ chạy bằng than, nhìn thấy những chiếc xích lô kiếp ngựa thồ mà phu xe toàn là cựu chiến binh bộ đội lẫn quân đội chế độ cũ, chúng tôi tiếp tục nhìn thấy những giọt lệ ứa ra từ các mệnh phụ phu nhân, các tiểu thư nghèo khổ phải “đứng đường” đón khách kiếm tiền độ nhật. Bài thơ SINH NGHI HÀNH mở đầu một giai thoại truyền khẩu sau này ra đời từ đó:

SINH NGHI HÀNH

*Sinh nghi ta viết một bài hành
Vợ nghi chồng, em út nghi anh
Cha nghi con cái, bè nghi bạn
Thủ trưởng thì nghi hết ban ngành
Láng giềng dòm ngó nghi hàng xóm
Ngoài đường nghi phố chứa lưu manh
Ngay ta khi viết bài in báo
Cũng nghi mình kiếm chác công danh
Trời ơi, mọi chuyện sinh nghi thật
Chén kiêu thường nghi kỵ chén sành*

*Thời buổi công hầu như chén cứt
Thiếu chó, mèo ăn cũng rất nhanh
Mèo ăn cho chó leo bàn độc
Vừa sũa vừa nhai riết cũng rành
Trẻ con khát sữa, ai cho bú
Vú mẹ gầy, sâu rúc nồi canh
Quang Trung bỏ núi Tây Sơn xuống
Hoảng hốt vì gương vỡ chẳng lành
Nguyễn Du chỉ một đêm dạo phố
Đoạn Trường ngồi viết lại Tân Thanh
Thúy Kiều phát triển nhiều như thế
Thảo nào đất nước hóa lâu xanh
Nhà tù phát triển nhiều như thế
Kẻ sĩ làm sao dám học hành*

*Ta làm thơ mà lòng đứt ruột
Suốt đời bao tử chạy loanh quanh
Lãnh tụ nói “đói quên nghi kỵ”*

On ấy ngàn năm sáng sử xanh

Trước khi tạm ngưng phần đầu bài viết GIAI THOẠI CỦA THI SĨ này, tôi thiết tưởng không có gì ý vị hơn khi nhắc đến một ông bạn phương xa là Nguyễn Lương Vy. Hồi còn ở trong nước chưa định cư ở Mỹ, Nguyễn Lương Vy sống cùng địa phương với tôi và những lúc buồn bã cô độc, anh thường ghé nhà rủ tôi nhâm nhi chén rượu quên sầu. Anh buồn vì một lý do cực kỳ giản dị: anh là một con người chứ không phải một con thú hoặc một cỗ máy. Thậm chí anh còn rung động nhanh hơn con người bình thường một bậc, bởi anh là... thi sĩ.

Nguyễn Lương Vy thường ngồi bứt tóc trong lúc đánh cờ tướng. Đánh xong bàn cờ là tóc anh rụng như mưa. Anh sống nửa dại nửa khôn nửa tỉnh nửa điên như thế nên phải tự giải thoát mình trong triết lý Phật Giáo. Mỗi lần say xin anh thường thuyết giảng cho tôi nghe về tiểu thừa đại thừa, về sắc sắc không không, về cõi luân hồi sát na sát khí... để cho tôi “choáng” mà bớt quậy. Nào dè tôi quậy còn tung bùng hơn. Tôi có tặng anh bài thơ sau đây trước khi anh sum họp gia đình bên Mỹ:

PHẬT SỐNG

*Chư huynh bàn về tu luyện
Đưa đại thừa, đưa tiểu thừa
Đưa nào cũng sắp thành Phật
Chỉ mình ta còn gươm khua*

*Đời này nói đến hơn thua
Biết bao giờ cho hết chuyện
Ta thấy chư huynh yêu chùa
Cũng là tự thân bảo hiểm*

*Nhưng tu như vậy còn kém
Biết khôn lựa góc bô đề
Có người tu hang Pắc Bó
Sau này thành Phật sóng ghê!*

7 - 2008

GIAI THOẠI CỦA THI SĨ, PHẦN 2

Khi đặt bút viết GIAI THOẠI CỦA THI SĨ tôi không hề nghĩ rằng đây là bài đầu tiên vén màn cuộc đời hoặc hồi ký cá nhân của người viết. Chỉ đơn giản cảm thấy ngứa ngáy tứ chi cảm thấy miệng cần nói ra những điều mình biết được cho nhẹ lòng để đánh tan một số nghi hoặc từ phía người đời. Đơn giản chỉ là như thế. Tôi luôn luôn chủ trương viết về cái đẹp của các nhân vật mình đề cập v cố gắng không

đá động đến phần u tối, phần “sống để bụng chết mang theo” của họ. Tôi quan niệm đã coi một người nào đó là bạn, là huynh đệ thì tôi sẽ chỉ chơi với phần ưu điểm mà họ có. Còn chính quyền và ai đó chụp mũ, kết án hành vi của những người tôi đề cập thì là chuyện thiên hạ. Tôi không quan tâm. Tự truyện của tôi chẳng những không đẩy bất kỳ ai đến chân tường mà ngược lại thanh lọc chất người và chất thú dưới ánh mặt trời. Thanh lọc và chiến đấu với bọn bất lương quen thói dim kẻ sĩ lẫn trắng sĩ xuống tận đáy xã hội. Trên cơ sở đó tôi bắt đầu cuộc ghi chép văn minh và vệ sinh cho phần hai của bài viết này. Đó là khoảng thời gian đẹp để tôi có cơ hội giao du với các chính khách, thân hào nhân sĩ, các kỳ nhân quái khách trong những lãnh vực khác nhau.

Những năm đầu sau giải phóng khi còn phụ trách biên tập trang văn nghệ cho báo Tuổi Trẻ, tôi có chơi với một người bạn công tác tại Thành Đoàn xuất thân từ phong trào công giáo Thanh Lao Công tên là Nguyễn Trì tự Trương Hùng Thái. Nguyễn Trì tuy làm cách mạng nhưng có máu giang hồ hảo hớn mê truyện Bình Xuyên, truyện 108 anh hùng Lương Sơn Bạc hơn là mê “*Thép Đã Tôi Thế Đây*” của Paven. Tôi thường xuống khu Bà Quẹo, Bình Hưng Hòa ngao du sơn thủy cùng Nguyễn Trì và đọc thơ uống rượu cho bá tánh hâm mộ nghe. Trong một lần say khướt, hai đứa tôi kéo ra quán ngã tư miệt Tân Kỳ Tân Quý uống nước chanh “giải cảm”. Không ngờ ở bàn kế bên một đám anh chị sống ngoài vòng pháp luật đang cụng ly bàn chuyện làm ăn, tất cả đều cười trần xâm mình văn vện và chửi thề ồm tỏi. Sau đợt chửi, do chia chác không đều hay sao đó, một vỏ chai bia bị đập bẻ toang và hai cây mã tấu được thầy lên bàn cái rầm. Không khí căng thẳng như sắp xảy ra một trận huyết chiến. Tôi và Nguyễn Trì đều hồi hộp thì ... một kẻ đẹp trai làm lì nhất trong bàn gằm lên như sư tử hồng để tạo sự chú ý rồi lẳng lẳng cầm ly rượu xây chừng vừa uống cạn đưa lên miệng nhai rôm rốp như nhai bánh trắng. Anh chàng nhai hết nửa ly thì lè lưỡi ra cho đồng bọn thấy mớ mảnh thủy tinh vụn nhọn lều, xong xuôi tiếp tục chiêu một ngậm rượu ực gọn xuống bao tử và nhai tiếp nửa ly còn lại với hai tròng mắt đỏ ngầu. Khởi phải nói, đám anh chị há hốc mồm kinh hãi mạnh ai nấy thu “đồ nghề” rút lui có lẽ độ chứ sao. Bởi đối với một kẻ dám nhai ly khinh thường tính mạng mình thì chuyện nhai xương đối thủ chỉ là đồ bỏ.

Lúc ra về Nguyễn Trì thề thào với tôi “*Thằng đó có võ gông hoặc võ bùa làm bọn kia sợ chết khiếp*”. Tôi bóp mạnh vào tay Trì làm bầm “*Tao sẽ nhai được như thằng đó. Chỉ có cách đó thì đụng độ mới bớt đổ máu*”. Đã nói là làm. Trở về trụ sở cơ quan ở số 12 Duy Tân (bây giờ đổi thành đường Phạm Ngọc Thạch) đêm nào tôi cũng tập nhai ly. Tôi nhai hết những chiếc ly xây chừng nhỏ xíu mà chị hậu cần không hề hay biết. Tôi nhai rồi phun ra chứ không nuốt những mảnh thủy tinh vào bụng. Mới đầu tôi có bị đứt lưỡi, rách môi, trầy nướu tóe máu nhưng dần dà rút được kinh nghiệm, mỗi lần cắn ly tôi cho vành ly chỉ chạm vào phần cứng áp lực giữa hai hàm răng. Khi ly bẻ toang, tránh phần môi dưới và phần tay cầm bị chỗ nứt xé toạc. Tôi đã nhai từ những chiếc ly nhỏ, ly mỏng dính cho đến những cái ly cối dành uống bia dày cộm. Tôi còn thí nghiệm qua nhai chén sành, chén kiêu,

tròng mắt kính... và đều thành công. Có nghĩa là “trăm hay không bằng tay quen” chẳng có bùa ngải, võ gông, thần quyền nào cả. Nói là nói vậy nhưng để có hứng thú nhai ly, trong bàn nhậu bắt buộc phải xảy ra biến cố. Khi đó tôi tu rượu ừng ực, con hứng nổi lên, men nồng bốc hỏa...tôi gần như bị “nhập” trước mắt bè bạn hoặc kẻ thù. Lúc đó thay vì thượng cẳng chân hạ cẳng tay để bị tổn thương, tôi đã làm cho chiến hữu khâm phục hoặc kẻ thù im phăng phắc. Chẳng những nhai mà tôi còn nghiền vụn những mảnh thủy tinh nhọn lều thành cám và nuốt gọn với ý niệm trong đầu “bản thân thủy tinh vốn dĩ là cát mà ra, cát cát cát...”. Tôi đã sống và nhai ly một cách “cối trên” như thế khi gặp lại Nguyễn Tri khiến hấn hoảng hồn. Những người khác trong giới văn nghệ chứng kiến năng khiếu quái đản đó của tôi cũng không ít, kể cả dân anh chị giang hồ...

Hơn 15 năm trước tôi và Nguyễn Quốc Chánh đã từng “cứu bò” nhà thơ Hội Văn Nghệ Cần Thơ Võ Minh Đường, phóng viên báo Tuổi Trẻ Nguyễn Ngọc Vinh trong một chiều nhậu tại quán số 43 đường Đồng Khởi với nội dung “*Đường và Vinh bị đắm thủy thủ viễn dương và lũ con ông cháu cha đời mới ăn hiếp*”. Thế mà Nguyễn Ngọc Vinh sau này cao hứng bày đặt “test” tôi nhai ly tại quán Trống Đồng thuộc khuôn viên Tao Đàn. Bạn bè đã thích thì chịu ngay. Trước sự chứng kiến của khá đông anh em văn nghệ chiều hôm đó tôi đã xin quắc cần câu để “nhai” và “nuốt” phân nửa ly bia cối dày cộm chỉ chừa phần đáy và phần tay quai ly. Sẵn đà phấn khích cao độ tôi đã nhai tiếp cặp kính mát của Ngọc Vinh rồi nhả gọn ra, và đến giờ này tôi vẫn còn ân hận...Tôi ân hận bởi những chuyện tầm ruồng trẻ con bông bột không cân xứng với chí hướng của một kẻ làm thơ dám lập ngôn và đương đầu với những cái lớn hơn trong cuộc đời. Đến giờ này trong bụng tôi đã nuốt tương đương “4 ly lớn thủy tinh” cộng thêm một trận xuất huyết dạ dày suýt qua đời tại bệnh viện Saint Paul chỉ vì đồng mảnh chai vó vắn. Tôi đã nằm hôn mê 2 ngày 2 đêm tại Saint Paul, được linh mục làm phép Xức Dầu Thánh dành cho người hấp hối, với sự tức tực của bà mẹ nghèo “có công với cách mạng” rung rung nước mắt. Có lẽ khi viết những dòng này tôi sẽ từ bỏ luôn ý niệm “biến thủy tinh thành cát” như lời tụng thầm trong mỗi lần nhai.

Sự khủng hoảng lý tưởng của tôi trong giai đoạn đó được thể hiện qua bài thơ LỘ BẢN CHẤT thường được mọi người yêu cầu đọc lên mỗi lần đối ẩm:

LỘ BẢN CHẤT

*Tất nhiên đây không phải là lần đầu
Anh đã cư xử với em như một người phạm tục
Dù thân thể anh không có gì xuất sắc
Trán không triết học giống Ăng Ghen, đầu không được hói giống Lênin
Sự dũng cảm của anh có khi trở thành phản động với Paven
Và thần kinh anh “mát” làm buồn lòng Các Mác
Nói chung anh là thằng cha có tử vi không đạt
Thầy tướng ở Lăng Ông mới liếc đã thờ dài*

Cha mẹ sinh con không ai muốn con gầy
Nhưng anh ôm nhách đến nổi thành bất hiếu
Ai cũng muốn người yêu mình có nụ cười hàm tiếu
Nhưng anh đã cười méo mó rất khó coi
Chưa kể những đêm say xỉn đã đời
Anh rất giống kẻ tình nghi hình sự
Anh cũng hay “kên xì po “ với đám du côn ngoài chợ
Và thích so găng với những kẻ cầm còi
Em chỉ cần sáng trí một chút thôi
Sẽ thấy anh xa huy chương mà rất gần tù tội

Nhưng đây không phải lần đầu anh lại nói
Mỗi chúng ta đều có cuộc sống của mình
Đừng đem nỗi buồn tham nhũng cùng anh
Rồi hà tiện sự hồn nhiên cần thiết
Anh không phải là cái phao “Acsimét”
Để em bám vào lơ lửng đời nhau
Anh càng không phải là một con sâu
Lợi dụng tình yêu để thành chú bướm
Trời sinh hai tay anh dài như vợ
Vừa để quàng vai vừa để thượng đài
Trời sinh hai chân anh lấm vết chai
Đủ đi bộ và đủ tìm nhà trọ
Buồng phổi anh cháy dần vì thuốc lá
Trái tim anh hằng khốn nạn vì yêu
Anh có cái đầu thì thơ chiêm mất tiêu
Khiến bao tử cứ loét ra vì rượu
Đó là những điều mà nếu em tham dự
Đừng bao giờ xâm lược đến đời nhau
Không ai ưa bọn Hồng Vệ Binh mới lớn chút nào:
“Em ơi dang ra cho anh làm cách mạng
Nhích lại gần anh là mất Đoàn mất Đảng”
Nhưng cũng không ai ưa thứ ái tình ăn trộm
An cướp ăn xin ăn giựt ăn mày
Bởi vì ái tình đâu phải đĩa trái cây
Mà lúc tim đói há mồm ra cắn

Erich Segan nói “Yêu là đừng hỏi hận”
Anh cũng tiếp lời: Yêu là phải chịu chơi
Lúc yêu nhau mình đã rất lắm lời
Nên lúc đôi thoại em làm ơn tiết kiệm
Ở đời sống anh là thằng gác kiếm
Thì với ái tình anh không muốn rửa tay
Đời sống gờm nhau ngôn ngữ “tao mày”

*Trong tình ái gọi tiếng “em” mát ruột
Ở đời sống người ta cần phong tục
Trong ái tình anh chỉ thích làm dân
Em là Thảo Bích Dung Phương Nhạn Thu Vân
Kim Đào Liễu Phụng Giang... gì cũng mặc
Miễn là chúng ta tôn trọng ngâm nguyên tắc
Anh là đàn ông, em là đàn bà
Chúng ta khác nhau từ lúc lọt lòng ra*

*Nên đây không phải lần đầu anh phẫn nộ
Nhưng trong tình yêu nếu em làm toán đố
Thì xin mời em mai cấp sách đến trường
Anh vốn sợ giáo điều như sợ bằng cửu chương
Đừng xoa đầu anh như xoa đầu đứa trẻ
Đừng bắt chước nữ hoàng đi săn nô lệ*

*Đừng để anh phải chửi tục thật kỳ
Thà mang tiếng Mã Giám Sinh còn hơn là ôm hận Trương Chi!*

Cũng cần mở ngoặc đơn chỗ này, giữa một xã hội mà tuổi trẻ không dám yêu nhau, sẵn sàng vì địa vị mà sống giả dối với nhau theo kiểu “em ơi dang ra cho anh làm cách mạng, nhích lại gần anh là mất Đảng mất Đoàn” như thế, tôi đã sống trong cảnh hiểm nguy rình rập thường xuyên. Tại nhiều quán nhậu khác nhau tôi đã từng bị đám xã hội đen lẫn xã hội đỏ bao vây đe dọa bằng bạo lực “hội đồng”, từng bị vài tên “tiểu sát tử” xông qua bàn khiêu khích với ý đồ buộc tôi phải tử chiến để gài vào hành vi phạm pháp dân sự, nhưng tôi đều vượt qua những “lỗ chân trâu” đó. Tôi không đại gì “thí mạng” mình trong những trò hề chính trị rẻ tiền. Có lẽ các anh Cung Tích Biền, Hồ Thành Đức hiểu sự liều lĩnh của con người tôi hơn ai hết, khi tôi đi bộ đội về phép dám mang lựu đạn của đơn vị để đi cầm cố cho các anh lấy tiền đãi nhậu bạn bè. Dù sao ba cái chuyện “anh hùng rơm” ấy giờ đã xưa như trái đất.

Thời điểm sau khi bị buộc cởi áo lính cũng là thời tôi thê thảm nhất. Đi đâu tôi cũng nghe đồn rằng cấp trên “cấm đăng bài Bùi Chí Vinh trên báo bằng... miệng” nếu kẹt quá vì phải phục vụ yêu cầu của quần chúng thì “chỉ đăng Thơ Tình và duy nhất Thơ Tình”. Tôi phải tồn tại mưu sinh bằng một nghề mới là... làm thơ bóng đá. Thuở ấy Hồ Nguyễn phụ trách tờ Long An Bóng Đá và tờ Long An Cuối Tuần rất ưu ái tài nghệ làm thơ đa hệ và hoàn cảnh bi đát của tôi bèn đề nghị cứ mỗi số báo ra tôi phải có một bài thơ về thể thao hoặc trào phúng hài hước. Nhờ vậy tôi đã chế tạo thêm một trường phái mới về thơ là THƠ BÓNG ĐÁ với hơn 300 bài thơ đã đăng báo kể từ 1978 đến nay. Hơn 300 bài thơ trên đã được nhà báo Huy Vĩnh công nhận như một thứ kỷ lục Việt Nam trong cuốn GUINNESS THỂ THAO do anh là tác giả. Những bài thơ thành một loại biên niên sử ghi chép các giải World Cup,

Euro lần các giải vô địch Việt Nam mà sau này nếu có dịp tôi sẽ in ra. Bây giờ tạm giới thiệu cùng các bạn hai bài thơ về bóng đá tiêu biểu:

ANH VÀ QUẢ BÓNG

*Đời sống có gì hơn quả bóng
Tay trơn không níu được bao giờ
Hạnh phúc có hơn gì quả bóng
Lúng mấy lần xì hết ước mơ*

*Vậy mà anh vẫn rất trẻ thơ
Thấy bóng lăn là chân động đậy
Bóng lăn đến một nơi nào vậy
Sao bàn chân mãi ở bậc thềm?*

*Bàn chân có lúc cạnh chân em
Khi hai đứa dìu nhau trên sỏi
Bàn chân có lúc lạ chân em
Khi trên cỏ: banh và đồng đội*

*Biết nói thế nào về cái lưới
Về xà ngang, cột dọc, khung thành
Hay chỗ đó lọt vào nông nổi
Quả bóng tình em buốt ngực anh*

*Quả bóng tròn như thể công danh
Anh chụp suốt một đời không dính
Chỉ thương thâm những cọng cỏ xanh
Không lớn nổi trên sân mùa lạnh*

*Sau trận đấu khán đài hiu quạnh
Như Charlot, anh hát một mình
Có ngọn cỏ biết yêu buồn quá
Níu giày anh để đến thăm em*

HOAN HÔ BRAZIL

*Không riêng mình anh, tất cả đã sẵn sàng
Mọi nhà thơ bắt đầu cầm lấy viết
Các nhạc sĩ đều chuẩn bị dây đàn
Những phòng tranh sửa soạn trưng bày không kiểm duyệt*

*Bảy ngành nghệ thuật đã họp nhau ra nghị quyết
Phiên họp cuối cùng là hai chữ: Brazil*

“Nghệ thuật thứ tám” khiến hành tinh khùng khiếp
Brazil Brazil như máu thịt của mình

Brazil Brazil trống ngực đập bình bình
Khi quả bóng lăn, cầu thủ đều chơi nhạc
Quả bóng rơi đều lên mỗi trái tim
Rap Rock, Disco phải chuồn đi chỗ khác

Quả bóng Brazil làm loài người biết hát
Anh biết làm thơ và em biết nhảy đầm
Quả bóng Brazil cho địa cầu bóng mát
Mọi thứ đều hàng kẻ cả chiến tranh

Quả bóng Brazil lăn trong ngực anh
Lúc nổi lên thành bài thơ em đang đọc
Em đã biết gì về sông Amazon
Nơi mặt trời Brazil sừng sững mọc

Ở đó có đứa bé da đen ôm mặt khóc
Đập bể máy thu thanh vì quả bóng bị “xì”
Đế mười năm sau thành ông vua thứ nhất
Mở đầu thời kỳ vương quốc Pêlê

Ở đó sân gôn trên đường phố vỉa hè
Những “Pêlê nhỏ” mê banh hơn vào lớp
Học kiểu nhà trường, tiền đạo dễ bị “me”
Không thể sút những đường banh khó nhất

Sút Parabol, sút Hypebol, sút nổ tung hình học
Pythagore sống lại cũng hoảng hồn
Đội đầu căng, đội đầu thẳng, đội đầu chìm, đội đầu khép góc
Socrate có đội mò cũng chẳng thể đội đầu hơn

Ở đó em ơi không có hoàng hôn
Tên họ Vava, Didi, Garincha... có nghĩa là buổi sáng
Cúp “Nữ Thần Vàng” trở thành của hội môn
Cho kẻ cầu hôn ba lần chiến thắng

Ở đó người ta quỳ sinh sau mỗi lần bại trận
Các cô gái gọi Pêlê và nguyên rủa căm thù
Quốc Hội ngưng họp chuyển sang phần “quốc táng”
Cờ rủ treo ba ngày, toàn Nam Mỹ âm u

Anh sẽ kể với em về trận thua Uruguay

*Bảy người chết vì đứt tung mạch máu
Hàng ngàn người phát điên, hàng triệu người máu meo
Bệnh viện thiếu lương y vì bác sĩ cũng... từ trần*

*Quả bóng chính là tôn giáo của Brazil
Đó cũng là đạo mà anh đang theo đuổi
Em đừng ngạc nhiên trên chiếc giường đám cưới
Sẽ có quả banh da làm biên giới giữa hai người*

*Chỉ trừ khi em biết đặt bóng vào môi
Bằng không chắc anh sẽ suốt đời ở góa
Cám ơn Pêlê và “một ngàn một trăm trái phá”
Dạy anh biết yêu em và phát triển tín đồ*

Sau màn bóng đá là tiếng ồn về khả năng chuyển hệ từ thơ sang văn xuôi của tôi. Phải công nhận rằng khi dựa lưng vào chân tường tôi chuyển hệ thật nhanh, phản xạ nghề nghiệp để mưu sinh và để tự tồn tại. Lúc sinh con trai đầu lòng năm 1990, NXB Long An qua trung gian Mặc Tuyền đặt hàng tôi viết tiểu thuyết YÊU ĐIỀU THỰC NỮ. Đây là tiểu thuyết đầu tay của tôi được hoàn thành trong vòng đúng 15 ngày. YÊU ĐIỀU THỰC NỮ hao hao như một kiểu tự truyện, vừa ra đời lập tức được bán hết, được một NXB khác tái bản, và được Hãng Phim Giải Phóng kết hợp với Đài Truyền Hình Cần Thơ thực hiện thành phim nhựa màu 35 ly Agfa đầu tiên trong thời điểm đó. Phim do ông Huy Thành đạo diễn với dàn diễn viên trẻ tuổi ăn khách Lê Công Tuấn Anh, Thành Lộc, ca sĩ Ngọc Sơn, Diễm Hương, Kim Khánh, Thế Anh... chiếu rộng rãi khắp các rạp trên toàn quốc. Phim YÊU ĐIỀU THỰC NỮ sau đó được một Việt Kiều mua đứt bản quyền đem sang Mỹ kinh doanh và coi như tuyệt bản ở Việt Nam. Sẵn đà thắng lợi, hàng loạt tiểu thuyết của tôi với đề tài tương tự về giới trẻ tiếp tục xuất hiện trên diễn đàn các báo cho tuổi mới lớn qua hình thức đăng Feuilleton, xuất bản thành sách và sau đó làm phim như TÓC TIÊN, CỔ VEN ĐƯỜNG, MỆNH MÔNG TÌNH BUỒN...

Năm 1994, ông Nguyễn Thắng Vu giám đốc NXB Kim Đồng lúc đó có vào Sài Gòn gặp tôi và đưa nguyên tác tiếng Đức cuốn TKKG của nhà văn Stefan Wolf lần bản dịch tiếng Việt của dịch giả Vũ Hương Giang, đề nghị tôi phóng tác thành bộ truyện trường thiên thiếu niên giang hồ võ hiệp mang hơi hướm ngôn ngữ và cuộc sống thời kỳ hiện đại. Không hiểu ai giới thiệu tôi cho ông, nhưng qua sự tin nhiệm của ông Nguyễn Thắng Vu, tôi thấy có bổn phận phải đưa đến cho độc giả trẻ tuổi Việt Nam đang thiếu thốn thức ăn tinh thần một bộ truyện bổ ích nói lên được ước mơ, khát vọng hành hiệp của các em. Tôi liền tưởng đến phong cách dịch tài hoa của Ngọc Thứ Lang qua cuốn BỐ GIÀ của Maria Puzzo mà tôi từng mê đắm. Thế là 70 cuốn TỨ QUAI TKKG ra đời gây sóng gió dư luận trong suốt 2 năm với số bản in trung bình mỗi cuốn là 60 ngàn bản hằng tuần, phá mọi kỷ lục về số lượng phát hành lúc đó (và tới tận bây giờ). Sau thành công bất ngờ của TKKG, ông Nguyễn Thắng Vu tiếp tục đặt hàng tôi bộ truyện đặc sản Việt Nam mang tựa

NĂM SÀI GÒN và bộ truyện này trong năm 1997 cũng tiếp tục gây chấn động dư luận với 40 cuốn, mỗi cuốn ra hằng tuần có số lượng in trung bình 20 ngàn bản, cũng là con số kỷ lục của một bộ sách Việt Nam cùng với KINH VẠN HOA của Nguyễn Nhật Ánh. Bộ truyện NĂM SÀI GÒN đã thực hiện thành phim truyền hình năm 2006 – 2007 với bước đầu 15 tập mang tên NGŨ QUÁI SÀI GÒN chiếu trên màn ảnh nhỏ khắp cả nước. Bí quyết duy nhất của tôi khi viết những bộ truyện bán chạy có lẽ không khác gì người tù vượt ngục Henry Charriere phát biểu với báo chí khi viết cuốn PAPILLON. Đó là “*Nếu viết hồi ức về cuộc đời kiêu đó có nhiều người mua thì tôi dư sức viết được*”. Nghe thì đơn giản nhưng để đạt khái niệm “dư sức viết được” có khi phải đời bằng máu và nước mắt suốt cả cuộc đời.

Cũng trong thời gian này tôi còn mở màn cho đầu sách truyện tranh màu của NXB Kim Đồng bằng 15 cuốn HẢI ĐẠI BÀNG nói về tuổi thơ của những đứa trẻ giống tôi ở những khu xóm bùn lầy nước đọng. Tôi chỉ đáng tiếc bộ truyện NĂM SÀI GÒN vì những lý do khác nhau phải “chết non” ở tập 40, trong khi tôi chuẩn bị cho năm nhân vật của mình đi chu du vòng quanh thế giới cho đến cuốn 70. Bộ truyện kết thúc đột ngột kéo theo bao nhiêu là thư từ và nước mắt của những độc giả trẻ tuổi khắp ba miền đất nước đổ về tôi như một lời trách móc.

Năm 1994 với tôi có khá nhiều biến cố. Ngoài chuyện “ăn nên làm ra” trong lãnh vực văn xuôi, tôi còn tham dự Hội Nghị Nhà Văn Trẻ toàn quốc tổ chức tại Hà Nội. Theo lịch trình của Ban Tổ Chức đại hội thì tôi và Phan Thị Vàng Anh sẽ phát biểu về thơ và về văn. Trên diễn đàn, thay vì đọc diễn văn tôi lại hùng hồn bày tỏ nguyện vọng khí phách của một người cầm bút cô độc qua bài thơ TUYÊN NGÔN THI. Bài thơ làm choáng váng hai hàng ghế đầu của giới lãnh đạo chính trị, văn hóa ngồi phía dưới. Nhưng ngược lại tạo nên sự phấn khích tột độ chưa từng có của đa số những người cầm bút trẻ hôm đó. Tôi đã nhận được những tràng pháo tay vang dội, những cuộc đề nghị phỏng vấn riêng của báo chí, truyền hình, tuy nhiên điều quan trọng nhất là bài TUYÊN NGÔN THI không bao giờ được xuất hiện nguyên văn trên mặt báo. Nó mãi mãi tồn tại như một giai thoại độc nhất vô nhị tại thủ đô Văn Miếu cho đến lúc mạng Internet xuất hiện trên toàn cầu:

TUYÊN NGÔN THI

Bằng sáng tác của mình – Tôi đánh tan những điều nghi hoặc – Tôi trông cỏ khắp nơi trên mặt đất – Chuẩn bị cho cỏ tích loài bò – Tôi nắm tay Whitman, tôi quàng cỏ Rousseau – Dem cỏ bao vây triều đình và nhà ngục – Dem cỏ tấn công bọn vua quan phàm tục – Làm rêu mọc đầy râu, làm hoang phế mọi lâu đài – Tôi sẽ dùng cỏ trong thơ đeo lưng lẳng ở vành tai – Thay các trang sức, các huân chương hèn mọn – Tôi sẽ trông vào khuôn mặt háo danh một sợi dây thông lọng – Được tết bằng cỏ mọc ở nơi mát vệ sinh duy nhất trên đời – Còn loài cỏ đẹp mà tôi hằng chúc tụng – Chính là vòng nguyệt quế thơ tôi.

Bằng sáng tác của mình – Tôi thực sự ăn mày phép lạ – Tôi thương Rimbaud, tôi mê Remarque quá – Các bạn đi bộ khắp Châu Âu không có một mái nhà – Tôi

cũng đã mỗi giờ trên lộ Nguyễn Du – Gối quy xuống lẻ đường Cao Bá Quát – Tôi đập lên xương sườn hai nhà thơ Việt Nam có cuộc đời đầy bất trắc – Nghe nhói đau ở phía dạ dày – Thế kỷ trước tôi, ở Tiên Điền ở Quốc Oai, hai người đồng nghiệp – Tôi chắc đã từng tê buốt chỗ này đây.

Bằng sáng tác của mình – Tôi tặng tuổi thọ cho người sắp chết – Tôi giúp đỡ những ai thất nghiệp – Phát chẩn thi ca để kiếm việc làm – Với trẻ nhi đồng, tôi cẩn thận hỏi han – Xin được tháp tùng lên bầu trời mà Giê Su, Thích Ca dành cho con nít – Với đàn bà, tôi tỏ ra ưa thích – Xin được phiêu lưu xuống hỏa ngục nàng dành – Tôi đã cạo đầu và dài tóc rất nhanh – Đã khiếm nhã và cực kỳ lễ phép – Tôi đỏ tô đen vô cùng khắc nghiệt – Cách ăn mặc trong thơ như y phục tặc kẻ – Nếu có lần nào áo quần đứt cúc – Đó cũng là lần tôi tập si mê.

Bằng sáng tác của mình – Tôi xuất bản không cần trang bị – Sách vở cung đình đang chờ cân kí – Tôi cân kí lô cái lưỡi của mình – Dù vua chúa triều thần tiểu tiện lên các phát minh – Dẫn tôi uốn lưỡi bảy lần thì cho nói – Uốn một lần coi như tốt nghiệp nghề múa rối – Lần thứ hai đạt danh hiệu hát tuồng – Lần thứ ba chuẩn bị phong quan – Lần bốn lần năm thì tha hồ chức tước – Uốn đến lần cuối cùng hẳn quyền to cả nước – Vì cái lưỡi bẩm sinh đã bị bảy lũy thừa – Cũng may là tôi không biết dạ biết thừa – Nên cái lưỡi vẫn còn nguyên mùi vị – Mỗi lần lưỡi cong là nhảy ra thẳng thi sĩ.

Bằng sáng tác của mình – Tôi nhổ nước bọt vào những điều lừa mị – Tôi hôn thiết tha người con gái nghèo làm dĩ – Và bạt tai đũa công chúa hờm mình – Tôi cho Lệnh Hồ Xung nói tục với Doanh Doanh – Và Trương Vô Kỵ gọi Triệu Minh bằng ả – Tôi theo phò người giang hồ quân tử – Và tẩy chay đám quyền quý nịnh thần – Tôi sẵn sàng đập xích lô đến chỗ hẹn với tình nhân – Và mặc quần rách đùi nàng đi ăn phở – Tôi sẽ trò chuyện với nàng bằng ngôn ngữ dân đen mặt lộ – Và đối thoại với vua quan bằng ngôn ngữ thiên tài – Tôi sẽ làm cho các nhà bác học – Thấy mình còn cận thị trước tương lai.

Bằng sáng tác của mình – Tôi bắt tay bè bạn anh em – Bắt tay các tiệc tùng giai cấp – Cảm ơn chút rượu về khuya cho tôi cảm giác – Cảm ơn bữa ăn mẹ cha dưa mắm rau cà – Cảm ơn những bài thơ sinh đôi sinh ba – Để khó nhọc như từng lon gạo chợ – Cảm ơn những người tôi yêu không thành chồng thành vợ – Và hồi kẻ thù tôi nữa, cảm ơn!

Cũng bài thơ TUYÊN NGÔN THI năm 1995 kỷ niệm 20 năm giải phóng một lần nữa tôi có dịp đọc tại Nhà Văn Hóa Thanh Niên thành phố khi cùng với 19 đồng nghiệp khác được biểu dương về sự nghiệp sáng tác văn học. Hôm đó có mặt các vị chức sắc, đầu ngành thành phố ngồi dưới, người bạn Đỗ Trung Quân trong vai trò MC đã cao hứng giới thiệu tôi lên đọc bài thơ mà anh gọi là “danh bất hư truyền” này. Một lần nữa bài TUYÊN NGÔN THI gây hiệu ứng dây chuyền mạnh mẽ với khán giả đến nỗi Đỗ Trung Quân bị “văng miếng”. Tôi nghe anh em vẫn

nghệ đồn là họ Đỗ bị rò gáy khuyến cáo còn tôi có quan chức đề nghị là “*Nếu chịu chơi dám ăn dám nói như vậy thì trả lại ba triệu đồng giải thưởng cho nhà nước*”. Trời đất, giải thưởng là do nhân dân đóng thuế mà ra (trong đó có cả tôi) ấy là chưa kể ba triệu bạc lì xì cho 20 năm lao động đổ mồ hôi chất xám của một thi sĩ thua xa số tiền hồi lộ của một cán bộ bắt lương mỗi ngày, thì xin lỗi... còn lâu tôi mới ngu ngốc nhà lại những đồng tiền xương máu của chính tôi từng đóng thuế.

Nhiều người cho rằng tôi có tài tiên tri. Họ nói rằng tôi có khả năng đoán việc sắp xảy ra cho vận mệnh đất nước từ những bài thơ thời sự mang tính dự ngôn. Chẳng hạn các bài thơ như CON ĐĨA, TÂM SỰ CỦA NGƯỜI MÁY... Bài thơ CON ĐĨA tôi đã chớm thai nghén ý tưởng từ những chuyến viễn du ra Bắc, tiếp xúc với các giới thân hào nhân sĩ trí thức ngoài đó, để rồi thấy rằng dòng sông Bến Hải oan nghiệt hơn cả một cuộc chiến tranh 30 năm. Sự đứt khúc tạo nên hai chủ nghĩa xuất phát ngược chiều nhau không dễ gì hàn gắn chỉ trong vài thế hệ. Tôi xin chép bài thơ ra đây:

CON ĐĨA

*Đất nước đứt làm đôi
Như đứt đôi con đĩa
Mỗi con lớn lên không hề ngấm nghĩa
Phía phần đuôi đau nhức của mình*

*Lịch sử dùng phẫu thuật văn minh
Nói hai chú ký sinh làm một
Rồi thả lại vào ao nhưng đĩa không bơi được
Bởi hai cái đầu quay hai hướng khác nhau*

*Đất nước tôi như hai phần con đĩa
Dính liền bằng...lưỡi dao!*

Năm 1994 ra Bắc tôi không còn cơ hội gặp Lưu Quang Vũ, người anh em giang hồ tài hoa quen biết sau giải phóng qua sự giới thiệu của Lưu Trọng Văn. Đơn giản là vì anh đã chết một cách bất đắc kỳ tử. Bất đắc kỳ tử đến độ cái chết của anh đến bây giờ vẫn còn là một dấu hỏi với quá nhiều lời giải đáp. Khi anh mất, tôi có làm vài câu thơ tưởng niệm về hai vở kịch nổi tiếng của anh là NHÂN DANH CÔNG LÝ và TÔI VÀ CHÚNG TA như sau:

*CÔNG LÝ là một KÝ LÔNG
Lúc cân, chẳng biết phải NHÂN DANH gì?*

*Mời đâu TÔI VÀ CHÚNG TA
Đến khi màn khép TAO VÀ CHÚNG BÂY!*

Một người cầm bút khác ngoài Bắc vô Nam tìm gặp tôi là nhà văn Bảo Ninh thành danh với cuốn NỖI BUỒN CHIẾN TRANH. Hôm đó cách đây hơn 15 năm, chiều mưa rả rích ở một quán nhậu trên đường Mạc Đĩnh Chi có tôi, Bảo Ninh, Nguyễn Trọng Tín, Vũ Ngọc Giao, Trần Hữu Dũng... Trong cơn say, hai kẻ hành khất chống nạng bán vé số rong ôm đàn guitar phím lôm hát bài nhạc SƯƠNG TRẮNG MIỀN QUÊ NGOẠI náo nùng đến bàn chúng tôi chào mời khách. Tôi bàng hoàng bởi anh chàng cụt giò nghêu ngao vọng cổ có khuôn mặt bầu bĩnh chính là một người lính Sài Gòn cũ trong Xóm Lách mà tôi cư ngụ. Tôi kể chuyện đó cho Bảo Ninh, một người cầm súng ở chiến tuyến ngược lại. Cảm giác rờn rợn và liêu trai ấy đã giúp tôi hoàn thành bài thơ ĐÊM LÍNH CŨ đọc cho bạn bè, và sau đó chép vào sổ tay theo yêu cầu của Bảo Ninh. Không biết người bạn giang hồ phương Bắc giờ này còn lưu những bút tích đó hay không?

ĐÊM LÍNH CŨ

*“Lội bùn dơ bằng lau lách xuyên đêm”
Bài nhạc đầy cải lương nói về người lính
Nam Bắc phân tranh, chiến hào Nguyễn Trịnh
Điệu Habanara nón sắt úp trên đầu*

*“Sương trắng rơi vai tôi ướt rồi sao?”
Vai ai ướt, Bắc Kỳ hay Nam Bộ?
Đời lính thú lưu đồn quên cố thổ
Một chữ lính viết hoa, bao ngôn ngữ đều thừa*

*Gặp lại bạn bè cũ vẫn như xưa
Thằng nào cũng hát những bài ca tang chế
Điệu Bolero như một lời trách khế
Tiếng đàn đêm bỗng hóa tiếng than dài*

*Phải rồi tiếng đàn quen thuộc ở Chu Lai
Nấp hầm đầy rêu ta ngồi bưng mặt khóc
Nghe gõ nhịp điệu sênh tiền lóc cóc
Nhạc ngựa reo thắp thỏm giọng nam trầm*

*Phải rồi tiếng đàn quen thuộc ở Chư Pông
Dân “sinh Bắc tử Nam” không cần Trương Lương thổi sáo
Thằng ca sĩ lính Cộng Hòa cụt đầu, cây guitar chảy máu
Khán giả hét “xung phong” qua tiếng pháo ngậm ngùi*

*Phải rồi phải rồi, tiếng đàn quen thuộc ở đây thôi
Thằng đang là đồng chí, thằng từng là chiến hữu
Cũng tiếng đàn ấy tưởng xưa mà chẳng cũ
Dù đứt một dây, gân cổ vẫn nghẹn ngào*

*Mười năm mới gặp nhau, mỗi đứa một cơn đau
Cởi áo binh chủng sao hồn còn vẫn vẹn
Nói gì đây khi rửa tay gác kiếm
Chỉ biết lặng im chờ thái độ tiếng đàn*

*Nhưng tiếng đàn của binh nhì thì không chọn lọc giống sĩ quan
Lại Habanara, lại Bolero, lại những bài hát ấy
Không phải Tango, không phải Valse quý phái
Mà rất rưng rưng con mắt kẻ giang hồ*

*Giải phóng về ta bỏ súng làm thơ
Bạn bè tàn phế phải ăn mày hát dạo
Tiếng đàn từ đó trở thành ra giọt máu
Máu đã ứa ra không thể ứa hai lần*

*Không thể quay đầu trước xương máu nhân dân
Và đóng ngược vào đời mình đinh nhọn
Cảm ơn lời ca và tiếng đàn chưa muộn
Đã đánh thức ta sau mười tuổi công hầu*

Theo tôi, sự tiên tri và cảnh báo những bi kịch của thời đại không chỉ dành độc quyền cho cá nhân tôi mà là tài sản tinh thần chung của các thi sĩ có tài năng bẩm sinh, từng trải vốn sống và chịu sự vùi dập sóng gió của định mệnh. Vấn đề là kẻ nào “dám ăn dám nói dám viết đầu tiên”. Những kẻ đi tiên phong trong lãnh vực thơ tiên tri đều có sứ mạng thiêng liêng như các thánh tông đồ trong Thiên Chúa Giáo hoặc các hành giả trong Phật Giáo. Họ có thể tử đạo vì thơ của mình nhưng tên tuổi họ mãi mãi bất tử trong lòng quần chúng.

Trong những người khuyến khích tôi làm thơ “thời sự” để lưu lại cho đời sau ngoài các bậc tiền bối như Trang Thế Hy, Sơn Nam, Kiên Giang, Phạm Thiên Thư, Cung Tích Biền... còn có những chính khách “VIP” như Trần Bạch Đằng, Huỳnh Bá Thành...

Năm 1981 khi rời khỏi bộ đội, tôi bắt đầu phát hiện những thằng “Cuội” trong các lãnh vực chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa... Chúng tồn tại và phát triển bằng hệ thống vây cánh mới, vừa liên minh vừa sẵn sàng tiêu diệt lẫn nhau nhằm bảo vệ quyền lợi riêng. Chỉ tội nghiệp chú Cuội của Hãng Nga quá trong sáng trước bài thơ này:

CUỘI

*Sáu năm ta mới rành chú Cuội
Chê gốc đa, Cuội ở văn phòng
Chê cuộc bộ, Cuội trèo xé hộp*

Ở rừng về Cuội sợ đau chân

*Cuội quên hết muối mè, cơm nắm
Thực đơn bảy món Cuội cười khà
Căng bụng Cuội hô hào nghị quyết
Kế hoạch nào cũng xạo bỏ cha*

*Ai cũng biết mặt trăng có Cuội
Nhưng Cuội mặt trăng khác địa cầu
Đĩa nào Cuội “dạ dày dân tộc”
Để con không lỗ đít về sau!*

Một bài thơ khác cũng mang tựa đề một chữ, được tôi đọc trong bản nhậu của một Mạnh Thường Quân bất đắc chí thách thức tôi làm bài thơ về đề tài CÚT. Với vị đại gia bất đắc dĩ đó, bàn tiệc ê hề sơn hào hải vị chỉ tương đương một đồng phân. Tôi đã khạc như sau:

CÚT

*Con gì ăn không ỉa
Cút voi toàn bã mía
Cút chim lấm cào cào
Cút loài người ra sao?*

*Lấy giùm ta kính lúp
Phân tích vãn minh cút
Cút nhiều nhờ ăn no
Cút ít nhờ bo bo*

*Đói thì đầu gối bò
Bò mỗi thời mỗi khác
Bò làm sao ra cút
Có cút là có cơm*

*Thường ta rặn thấy rom
Trong rom thấy thóc sạn
Giận dạ dày khôn nạn
Không ị ra bánh mì*

*Cục cút nhiều trọng lượng
Để dành cho vua quan
Riêng cút ta lỏng bông
Phải thuộc về nhân dân!*

Như đã đề cập về mối quan hệ của tôi với các chính khách như Trần Bạch Đằng, Huỳnh Bá Thành... Kỷ niệm tiếp theo xem như một nén nhang thấp viếng linh hồn hai người đã khuất. Năm 1988 tôi lập gia đình tổ chức đám cưới ở Hội Liên Hiệp Thanh Niên do Huỳnh Tấn Mẫm chủ tịch Hội làm “chủ xị”. Quan khách có cấp bậc cao nhất tham dự lúc đó là Trần Bạch Đằng đương nhiên ở cương vị “chủ hôn”. Bàn của ông Trần Bạch Đằng tức ông Tư Ánh có mặt nhiều vị lãnh đạo cấp Thành Phố. Lúc lên phát biểu, chú Trần Bạch Đằng có nhắc nhở vợ tôi rằng “*Lấy thằng Vinh là con phải trang bị một khẩu súng để bóp cò lúc cần thiết*”. Câu nói vừa hài hước vừa mang tính ẩn dụ đã thắt chặt tình chú cháu hơn bao giờ hết, thậm chí pha chút tình phụ tử bởi tôi là một đứa trẻ mồ côi cha từ năm 17 tuổi (cha tôi chết năm 1971 vì những vết thương do bị tra tấn trong nhà tù khi hoạt động cách mạng). Những lần đến nhà ông, lúc đi với Nguyễn Quốc Chánh lúc đi với vợ con, hai chú cháu đều tranh luận nhiều chuyện nảy lửa. Nguyễn Quốc Chánh khoái đấu khẩu với “chú Tư Ánh” về chính trị, còn tôi chỉ thích lam bàn quanh vấn đề văn nghệ chuyên môn và nhân cách kẻ sĩ. Vài lần thấy chú Tư đăm chiêu trước sự phát biểu cực đoan của Chánh, tôi có quay qua hội ý với thím Tư (là cô Chơn, cựu Thứ trưởng Bộ Tư Pháp, vợ ông Trần Bạch Đằng) thì thím Tư Ánh cười hiền hậu “*Không sao đâu con à. Thím rất thích được nghe tuổi trẻ phản biện về chính trị*”. Khi tôi ví von Trần Bạch Đằng là một Nguyễn Trãi thời nay nhưng thiếu minh chúa Lê Lợi thì ông có vẻ chột dạ. Ông hỏi tôi “*Mày nghĩ về Nguyễn Trãi ra sao?*” thì tôi đọc bài thơ này cho ông nghe khiến ông rất hể hả:

SỰ NHỆ DẠ CỦA NGUYỄN TRÃI

*Sử cho hay Nguyễn Trãi bị tru di
Cốt đạo Nho mà không rành Khổng Tử
Thân chưa tu đã muốn bình thiên hạ
Trị quốc thua cái váy của đàn bà*

*Ta cũng muốn làm ông tướng bình Ngô
Trông thời này khác thời xưa chúa đất
Ngờ đâu mình quân chỉ yêu mến công thần
Lúc hạt gạo vẫn còn nguyên hạt thóc*

*Gạo thành cơm để dành cho hoàng tộc
Lúa nổi thóc trôi đám tiện dân nghèo
Nghĩ mà thương những anh chàng đánh giặc
Tuổi về hưu còn mài kiếm trắng treo*

*Ta đốt binh thư ra ngủ ở chuồng heo
Sợ sự thông thái làm mình mê nghiệp bá
Rôi lỡ tay đi cướp ấn công hầu
Mùi cứt lợn lại chông lên lịch sử*

*Chẳng thà một lòng quăng con trụy thủ
Ngồi khắc thơ coi lũ cá hóa rồng
Kìa Nguyễn Công Trứ xưa còn rành tục ngữ:
“Cùng thì tắc biến, biến thì thông”.*

Còn với sư huynh Huỳnh Bá Thành, tôi lại có nhiều kỷ niệm khác. Cuối thập niên 80 anh Huỳnh Bá Thành lúc đó là Tổng Biên Tập báo Công An TP lúi tôi về viết mảng văn hóa văn nghệ của tờ báo khi tôi đang thất nghiệp. Trong cương vị mới tôi đã làm được “rất nhiều chuyện” với anh, trừ chuyện thơ. Anh nói “*Chú mày lo viết truyện dài Feuilleton và làm phim cho hãng Người Bảo Vệ mới thành lập của báo. Riêng THƠ ĐỜI thì cứ ghi chép theo kiểu thời sự hàng ngày để thế hệ sau này đọc và biết những gì xảy ra của nước ta thời điểm đó. Có điều chừng nào anh chết thì chú mày mới in THƠ ĐỜI nhé.*”

Thừa hương hồn anh Huỳnh Bá Thành, tôi đã làm những gì anh khuyến cáo và dặn dò. Có lẽ dưới suối vàng anh hẳn còn nhớ những đêm anh em tâm sự cụng ly nhau, tôi đã làm anh khinh khoái và nhẹ lòng biết bao nhiêu trước những bài thơ theo thể Hành về nỗi đau cơm áo gạo tiền của nhân dân thống khổ. Trong phạm vi bài viết này, tôi xin chép lại bài thơ phổ biến nhất anh đã từng nghe và được các nhạc sĩ giang hồ chuyển thành ca khúc với ca từ tam sao thất bản. Đó là bài XÍCH LÔ HÀNH.

XÍCH LÔ HÀNH

*Tưởng mình ta đạp xích lô
Nào hay phó xá ngựa thồ như nôm
Buộc cho ta miếng băng đen
Để cho cặp mắt làm quen mù lòa
Xỏ giày vào mồm nữa cha
Để cho số tuổi ta già theo răng
Giật cương đi, hồi mấy tháng
Ê sao nước mắt chọt lặn xuống cằm*

*Ta đi dụ khị người phàm
Thấy huynh hiền sĩ từ quan lên rừng
Dạ dày ta nhảy lung tung
Nhảy dăm phút nữa dám khùng nghe cha
Cũng may vừa tới ngã ba
Cô em yếu điệu tà tà leo lên
Lưng ta khòm giống cái yên
Chông mông em cỡi, mùi thiên nháp nhô*

*“Ba đồng một cuốc, mại dzô”
Có con ngựa đực vừa ho vừa gào*

Ta thò ngang động hoa đào
Thấy dăm kỹ nữ chém nhau giành bẻ
Thò ngang đống rác thúi ghê
Thấy bầy tiểu tử chửi thề giành moi
Thò ngang khách sạn em ơi
Chó ngòi ăn nhau, còn người ăn xin

Nhưng mà chớ có rùng mình
Tại ta kéo thẳng chưa linh em à
Gân chân lồm tựa ổ gà
Mặt xương bụng lép đéch ma nào ngồi
Mới ra nghề tướng khơi khơi
“Bác Hồ ngó thẳng” đâu chơi gà mờ
Dạ dày lại đánh lô tô
Mồm ta méo xệch bên bờ tử sinh

Như là thiếu phụ tắt kinh
Ruột xe có chữa thành linh, chết cha
Té ra trong cõi người ta
Ruột lô ruột xịn khéo là ghét nhau
Đém tiền còn thiếu xu hào
Đém ta thấy chớm bệnh lao mắt rồi
Vá giùm chút bạn hiền ơi
Chiếc xe cà chớn của thời cà chua!

Cũng bài thơ này và bài VE CHAI HÀNH được tôi đọc cho ông Võ Văn Kiệt thời ông làm Bí Thư Thành Ủy Sài Gòn khi ông mời nhóm sáng tác của báo Tuổi Trẻ trong đó có tôi đến nhà dùng bữa cơm thân mật. Trong lúc trà dư tửu hậu, ông nghe báo cáo rằng có một nhà thơ nổi loạn chuyên làm “Thơ Đen” truyền khẩu trong nhân dân. Các đồng nghiệp khác có vẻ lo âu nhưng tôi thản nhiên công khai hóa nổi niềm mình trước vị lãnh đạo cao nhất của thành phố. Nghe xong ông Kiệt vỗ tay gật gù khoái trá khiến bầu không khí bớt căng thẳng. Tôi không biết ông nghĩ về tôi ra sao chứ những chính sách của ông ban hành sau này với giới trí thức và văn nghệ sĩ “dám ăn dám nói” rõ ràng bị... siết chặt hơn.

Một kỷ niệm có dính dáng tới ông là tôi vài lần chở nhà văn Sơn Nam đậu trước biệt thự nhà ông để lão tiên bói Sơn Nam gõ cửa xin “viện trợ” của đồng chí cũ thời cùng chung tình ủy Long Châu Hà. Những lúc đó tôi thấy thương kiếp nhà văn của ông Sơn Nam vô cùng. Ngày xưa vua chúa phải hạ mình đi cầu hiền sĩ còn thời nay hiền sĩ phải đi cầu cạnh ngược lại. Đúng là kiếp cầm bút bọ bèo giữa bể dâu chính trị.

Nói là nói vậy chứ trong cửa tử luôn luôn có cửa sinh. Đã là một nhà văn nhà thơ đứng về phía nhân dân thì buổi giao thời chủ nghĩa với những cảnh “bức tranh vân

cầu vẽ người tang thương” như thế bao giờ cũng là môi trường thuận lợi nhất để ra đời những tác phẩm lớn. Chỉ trừ khi bản thân người cầm bút bất tài và thích đồ thừa. Cũng may trong cuộc đời lang bạt giang hồ tôi luôn được tiếp xúc với nhiều kỳ nhân dị sĩ trên các lãnh vực nghệ thuật khác nhau để “hâm nóng” sáng tác.

Chẳng hạn trong hội họa tôi có dịp giao du với những họa sĩ, điêu khắc gia vừa có tài năng vừa hào khí ngất trời trong... bàn rượu, đủ để làm được bài thơ HỌA HÀNH. Đó là các họa sĩ từng vẽ chân dung tôi mà tôi còn lưu giữ như Nguyễn Trung, Nguyễn Trọng Khôi, Khánh Trường, Vi Vi Võ Hùng Kiệt. Đó còn là các bậc đàn anh tên tuổi khác như Hiếu Đệ, Rừng, Nguyễn Khai, Hồ Thành Đức, Hồ Hữu Thủ, Trịnh Thanh Tùng...

HỌA HÀNH

*Làm thơ mà quây toàn họa sĩ
Là “thi hữu họa, họa hữu thi”
Ai dám bảo đó điều cấm kỵ
Ngày xưa Lý Bạch quây Vương Duy*

*Lý Bạch quây Vương Duy còn đỡ
Ta nâng ly toàn đưng dân gâm
Mỗi tên cầm cọ chùng dăm vợ
Nói gì tiếu thiếp đến chào sân*

*Mỗi tên cầm cọ dăm người mẫu
Chữ mẫu nghe đâu giống mẹ hiền
Các em làm mẫu, ta làm phụ
Phụ mẫu kẻ nhau dễ đảo điên*

*Mà cật vấn chi nhau chữ sex
Picasso biết được mắt lòng
Chagal biết được dâm xích mịch
Họa pháp làm sao cọ khỏi run*

*Cọ run thì cũng như ngòi viết
Người mẫu, nàng thơ có khác gì
Có em trường phái đều thua hết
Tranh cõi trần, chữ cõi dâm thi*

*Đọc dâm thi chỉ cần manh giấy
Xem tranh phải ngó lại túi tiền
Tội nghiệp bạn chọn nghề quý phái
Gỗ, lụa, màu... giá rẻ vài “thiên”*

*Oi, Khôi, Trung, Đệ, Trường, Khai, Đức...
Hội họa ngày nay xuống chợ trời
Tranh ảnh quốc doanh bày như rác
Gác cọ, mình đi uống rượu chơi...*

Chẳng hạn trong âm nhạc, môn phái gần gũi với thi ca nhất, tôi tha hồ “đi bụi” với nhạc sĩ Trần Quang Lộc, Lã Văn Cường, Vũ Ngọc Giao, Nguyễn Hải... Cách đi bụi với mỗi người cũng khác nhau. Năm 1975, lúc còn làm biên tập viên trang văn nghệ báo Tuổi Trẻ tôi gần như là cặp bài trùng với họa sĩ “đa hệ” Nguyễn Trọng Khôi, bởi Khôi là họa sĩ trình bày đầu tiên của tờ báo vừa có thể sáng tác nhạc. Anh có đặc điểm là hát rất hay bằng giọng “têno” bài MỘT CỐI ĐI VỀ của Trịnh Công Sơn lúc bài nhạc này bị cấm. Trong bàn nhậu bạn bè, tôi phun thơ giang hồ liên tục còn anh kết thúc bằng bài hát BÀI CHÒI về người chồng nhà quê bị vợ phụ rẫy khiến ai nấy bật cười ha hả. Năm 1977 tôi bắt đầu quen với Lã Văn Cường như một cặp bài trùng thứ hai. Cuộc hội ngộ của chúng tôi ly kỳ như... phim. Lã Văn Cường thách tôi cứ sau một bài thơ là Cường sẽ hát đáp lễ bài nhạc do Cường sáng tác. Và trên thực tế Cường đã thực hiện đúng như vậy. Tôi đọc 50 bài thơ và Cường hát đủ 50 bài nhạc cho đến lúc cả đám trong bàn đều quắc cần câu. Với Vũ Ngọc Giao thì đượm mùi tráng sĩ hơn. Năm 1978 khi nằm ở Ban Tổ Chức Thành Đoàn chuẩn bị lên đường nhập ngũ, tôi đã cùng Vũ Ngọc Giao nhạc sĩ guitar cổ điển một thơ một nhạc ngả nghiêng phục vụ công chúng xó chợ lề đường dọc khu Bà Lê Chân, Trần Quang Khải... trong những quán nghệ sĩ thời đó của Huy Tường và cà phê Hạ Trắng. Sau này đi bộ đội về tôi lại tiếp tục “bài trùng” với nhạc sĩ kiêm ngâm sĩ Nguyễn Hải của xứ Ngũ Hành Sơn và với Trần Quang Lộc, người sáng tác bài VỀ ĐÂY NGHE EM với những giai điệu và ca từ rất đổi tình tự dân tộc ngọt ngào. Đây là thời gian tôi làm thơ về đề tài âm nhạc nhiều nhất. Bài guitar sau đây là một ví dụ tiêu biểu:

GUITAR

*Một bài thơ cho cây đàn
Như bài hát cuộc đời ban cho mình
Như là lúc mới làm quen
Anh không dạy dốt yêu em bằng lời
Anh ôm guitar lả lơi
“Tout L’amour” dạo hết thời con trai
Trong vườn hoa giấy vừa bay
Khi rơi xuống ở trong tay hỡi nào*

*Trong tay hoa ở rất lâu
Trong anh, em ở bạc đầu chưa xa
Cám ơn nhạc cám ơn hoa
Cám ơn phụ nữ sinh ra loài người
Cám ơn tất cả lứa đôi*

*Biết nghe âm nhạc nói lời mới mai
Biết anh mỗi bận so dây
Là em đang dạo gót hài trong anh
“Love is blue” tình yêu xanh
Thiếu guitar sẽ trở thành đen thui...*

Chẳng hạn bên điện ảnh, tôi từng hạnh ngộ và la cà với rất nhiều người, những người có bụng “lân tài” giúp đỡ tôi về mặt tinh thần lẫn cơm áo cũng không ít. Tôi có thể kể tên đến cố đạo diễn Hồng Sến, cố diễn viên Lê Chánh, đạo diễn Hồ Ngọc Xum, tài tử đẹp trai Nguyễn Chánh Tín... Các huynh đệ khác như Lê Cung Bắc, Châu Đen, Phạm Thùy Nhân...

Với đạo diễn Hồng Sến thuở còn sinh tiền mỗi lần có cha ông lên thăm là ông luôn nhớ đến tôi. Ông đãi tiệc bắt tôi đọc hai bài thơ ÔNG GIÀ RỪNG SÁT và ÔNG GIÀ BẮT RẮN cho phụ thân ông thưởng lãm. Các bạn thử tưởng tượng Hồng Sến hơn tôi gần 20 tuổi thì “ông cụ” của ông phải bô lão đến chừng nào. Thế mà khi đọc xong hai bài thơ trên, đôi mắt “bô lão” của ông ướt như trẻ con. Đến giờ này tôi vẫn hãnh diện về những buổi đọc thơ cho gia đình đạo diễn Hồng Sến lúc ông còn sống.

Với Nguyễn Chánh Tín thì lại hoàn toàn bất ngờ. Chúng tôi làm quen nhau ở nhà họa sĩ kiêm diễn viên Lê Chánh trên đường Vườn Chuối đầu thập niên 80. Thuở ấy tất cả đều nghèo, trên mâm rượu chỉ có “xì sô” Gò Đen, Cây Lý và me xoài cóc ôi. Thuở ấy Nguyễn Chánh Tín đã là một ca sĩ phòng trà thành danh và là diễn viên điện ảnh có khuôn mặt “mỹ nam tử” hút hồn phụ nữ, còn tôi là một thi sĩ giang hồ bụi bặm. Thuở ấy chỉ cần “ngửi” nhau qua một bài nhạc có đẳng cấp hay qua một bài thơ khẩu khí độc đáo là mọi người đã thương nhau như ruột thịt. Thuở ấy đẹp đến nỗi mãi hơn 20 năm sau này tôi mới tái ngộ Nguyễn Chánh Tín mà hai người vẫn nhớ như in những bài thơ đã đọc, những bài nhạc đã hát ngày xưa lúc anh Lê Chánh còn sống. Chính kỷ niệm gần bó hơn 20 năm trước đã kết dính tôi và Nguyễn Chánh Tín thành “cặp bài trùng” hiện nay trong điện ảnh. Hiện nay chúng tôi đang hợp tác làm việc cùng nhau qua thương hiệu một hãng phim tư nhân được thành lập vào năm 2007 mang tên là CHÁNH TÍN FILM. Tôi đảm nhận việc viết kịch bản phim còn Nguyễn Chánh Tín làm đạo diễn. Chúng tôi chủ trương khôi phục dòng phim kinh dị đã mất tích từ sau giải phóng bằng hàng loạt phim nhựa ngắn 45 phút chiếu các rạp lớn trên toàn quốc và phát hành đĩa DVD tại Bắc Mỹ và Châu Âu. Chúng tôi đã thực hiện liên tiếp 4 phim mang tựa NGÔI NHÀ BÍ ẨN, SUỐI OAN HỒN, CHẾT LÚC NỬA ĐÊM, BỐN THÍ NGHIỆM TRONG ĐÊM TÂN HÔN và hiện lên kế hoạch làm 2 phim kinh dị, hành động mang tựa NỖ MÁU, SÁT THỦ ra mắt công chúng trong và ngoài nước vào dịp Tết Nguyên Đán sắp tới.

Cuộc đời Nguyễn Chánh Tín cũng thăng trầm không kém gì tôi. Anh từng vượt biên nhiều lần và bị bắt một lần để đời. Nếu không nhờ ông Dương Đình Thảo,

giám đốc Sở Văn Hóa Thông Tin Thành Phố lúc đó bảo lãnh đóng phim VÁN BÀI LẬT NGỬA của Trần Bạch Đằng thì chắc bây giờ còn lâu anh mới tái xuất giang hồ cùng tôi lần nữa. Lần được ông Dương Đình Thảo “cứu bò” đó, Nguyễn Chánh Tín đã gây dấu ấn xuất sắc trong làng điện ảnh nước nhà với vai diễn trung tá tình báo Nguyễn Thành Luân, một nhân vật ảo từ nhân vật có thật là trung tá Phạm Ngọc Thảo. Nếu ai đó “chụp mũ” anh vì anh tham gia một cuốn phim “Việt Cộng” thì họ đã quá lắm. Thật ra Nguyễn Chánh Tín chỉ là một thanh niên Việt Nam yêu nước đến tận cùng không hề phân biệt chủ nghĩa quốc gia hay cộng sản. Nhân nhắc đến ông Dương Đình Thảo, một chính khách của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam từng xuất hiện ở Hội Đàm Paris Bốn Bên, không riêng gì Nguyễn Chánh Tín, bản thân tôi cũng là người chịu ơn ông. Chính ông Sáu Thảo tức Dương Đình Thảo đã cùng anh Huỳnh Bá Thành, Vũ Quang Hùng lo hộ khẩu cho tôi khi tôi nằm quân lao H39 vì dám chống lại cấp chỉ huy độc đoán trong quân đội.

Kỷ niệm về tôi với ông Sáu Thảo thật thơ mộng và mang mùi vị Lương Sơn Bạc. Khoảng đầu thập niên 80 phái đoàn Văn Nghệ Sĩ và Báo Chí Thành Phố do ông Dương Đình Thảo dẫn đầu có rủ tôi theo xuống đất Duyên Hải tức Cần Giờ. Đêm đó trước công chúng đông đảo bao gồm công nhân lâm trường và học viên các trường Thanh Niên Xây Dựng Cuộc Sống Mới, ông Sáu Thảo có đọc diễn văn khích lệ tinh thần và các nghệ sĩ sân khấu khác có biểu diễn vài tiết mục phục vụ họ. Chỉ có điều tiếng vỗ tay và sự hưởng ứng quá rời rạc. Ông Sáu Thảo liền quay sang tôi “*Lần này phải nhờ đến tài xuất khẩu thành thơ của Bùi Chí Vinh đó*”. Dĩ nhiên là tôi nhận lời “chữa cháy” ngay lập tức. Tôi liên tưởng đến cảnh ngộ những người vượt biên và những người săn đuổi kẻ vượt biên ngay trên đất Cần Giờ, nơi được mệnh danh là “Siberia” của Sài Gòn này. Tôi liên tưởng đến những lần cụng ly với những người bí ẩn hâm mộ thơ tôi tại quán rượu nhà sàn “ÔNG THẦY” nằm chơi voi mé biển. Tôi liên tưởng đến chính đời mình đời Nguyễn Chánh Tín đời của nhiều anh em giang hồ hảo hán ôm mộng làm cách mạng như Thủy Hử ngày xưa nhưng suốt đời bắt thành phải mài kiếm dưới trăng giống tráng sĩ Đặng Dung. Thế là bài thơ LƯƠNG SƠN BẠC ra đời. Bài thơ kéo theo tiếng vỗ tay rầm rộ phấn khích của công chúng phía dưới. Tôi xin chép bài thơ ra đây như một cách tạm thời kết thúc phần hai GIAI THOẠI CỦA THI SĨ:

LƯƠNG SƠN BẠC

*Lên Duyên Hải gặp Lương Sơn Bạc
Đưa vác cần câu đưa kéo chài
Cùng săn cá sấu quanh rừng Sác
Thả xuống ghé quán nhậu lai rai*

*Người trung niên ta gọi: anh Hai
Xâm con ó bầy màu trên ngực
Gió biển nhiều sao ó chưa bay
Còn đậu chiều nay trong quán cóc*

Hay con ó còn sợ bầy chim cắt
Mài cựa quanh năm móng vuốt dài
Hay rượu làm anh Hai xếp cánh
Công hầu thua một chén đũa cay
Thảo nào hồi đó huynh Tiều Cái
Tống tửu vài chung đã rót dài

Anh Hai giới thiệu bạn vãng lai
Đầu trọc như nhà sư họ Lỗ
Xưa Trí Thâm không chơi rắn hổ
Tu mười năm chỉ nhớ thịt cầy
Nay anh Ba tu chùa mãi lộ
Rắn mãng xà quàng vắt trên vai

Hà tất phải khà như phun nọc
Để chạnh lòng đám rắn hổ mây
Đệ dù sao cũng dòng phàm tục
Mời chư huynh một chén rượu đầy

Rượu đầy nào phải là sóng dữ
Mà biển gầm lên tưởng nứt quây
Anh Bón đi quyền quên luật rượu
Chém ba dao thua một dao gài
Lý Quy còn cả thời ngang dọc
Lẽ nào anh Bón sớm chôn tay
Đệ dân thành phố chưa quen sóng
Cũng tiếp tửu ca một chén đầy

Mà rượu đầy huynh uống chưa say
Quyền Mai Hoa thiếu gái cũng hoài
Coi kìa tì nữ cười khiêu khích
An ái cần chi phải mập gầy

Nữ tì thừa biết khi lên ngựa
Anh hùng lỏng gối chẳng hơn ai
Võ Tòng bắt lực nên sát tẩu
Tội Kim Liên chết uống tuyền dài
Phải giống Yên Thanh vào hắc điểm
Thường động phòng nương tử mới hay
Nếu cha mẹ không ghien tửu sắc
Làm gì có đệ có huynh đây

Mà đệ gặp huynh mới chực chai
Chưa đáng mặt mà xưng hảo hán

*Con voi khi sa xuống đầm lầy
Giọt lệ ngàn năm còn nuốt hận
Chúng ta những ông thần nước mặn
Vốn khinh thường áo mào cân đai
Vốn ghét công hầu như ghét cứt
Muốn trèo mây như Lý Thiết Quài
Muốn đạp gió như Tôn Hành Giả
Lương Sơn trăm lẻ tám thiên tài
Hôm nay gặp gỡ làm giông bão
Thêu cờ “trăm lẻ tám thiên tai”...*

10-08-2008

GIAI THOẠI CỦA THI SĨ, PHẦN 3

Tôi sinh ra đời nhằm một ngôi sao... quây, rất thích ứng với thời đại bất ổn. Bốn câu thơ đầu trong bài NGÃ HÀNH đủ nói lên điều đó:

*Ta sinh ra gặp buổi nhiễu nưong
Bất lương bàn luận chuyện hiền lương
Kẻ sĩ cúi đầu làm binh sĩ
Thơ quốc doanh cười cợt thơ Đường...*

Hầu như anh em văn nghệ đều thuộc lòng bốn câu thơ trên và truyền khẩu cho nhau, truyền khẩu sâu đậm đến mức nhà báo Võ Đắc Danh trong một bài viết tranh luận giáo dục với Trần Mạnh Hảo, nhân đó bàn về một số chủ trương chính sách sai lầm của nhà nước trong việc cải tạo đất đai thổ nhượng đồng bằng sông Cửu Long đã lấy bốn câu thơ của tôi để làm phần kết bài đăng báo và phổ biến rộng rãi trong một phiên họp quốc hội toàn quốc ở Hà Nội. Hậu quả của đợt phổ biến đầy nhiệt huyết, đầy tinh thần ái quốc ấy là đương sự Võ Đắc Danh bị thu hồi thẻ nhà báo, bị miễn phận sự đại diện báo Người Lao Động ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long và phải bắt đầu kiếp mưu sinh kiếm sống như bất cứ kẻ sĩ nào bị tước quyền ăn nói. Vừa rồi đọc tin trên báo thấy Võ Đắc Danh hiện công tác tại báo Sài Gòn Tiếp Thị đoạt giải nhất cuộc thi bút ký phóng sự năm 2008 của báo Văn Nghệ TW nghĩ cũng mừng cho anh. Như vậy là nhà nước bây giờ ít ra cũng tiến bộ hơn thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, bớt thù dai và hành hạ kẻ sĩ bị khoanh vùng.

Trước đó lùi lại thời gian khoảng vào trung tuần tháng 5- 1995 nhân kỷ niệm lần thứ 179 ngày sinh cụ Nguyễn Đình Chiểu, một đợt bút chiến cũng đã diễn ra chung quanh bài báo của nhà báo Đỗ Quang Hạnh viết về tôi trên tạp chí Diễn Đàn Văn Nghệ Việt Nam. Bài báo mang tựa “*MỘT CHÚT RỘNG DÀI VỀ THƠ QUẬY CỦA BÙI CHÍ VINH*” trong đó Đỗ Quang Hạnh cố tình ví von lối thơ dân gian hiện đại đượm nét giang hồ du đảng của Bùi Chí Vinh ngang tàng nhưng tương tự như thơ

Lục Vân Tiên bình dân cổ điển của cụ Nguyễn Đình Chiểu thời trước. Bài báo thẳng thắn đầy bản năng chủ quan của người viết đã tạo nên phản ứng dữ dội của một số “cây đa cây đề” vốn được coi là ngự sử văn đàn của văn chương Nam Bộ, khiến Đỗ Quang Hạnh sinh trường ngoài Bắc vốn chưa nếm mùi sông rạch miền Nam bị bao vây suýt... chết đuối.

Nói tóm tắt, tôi sinh ra đời từ một ngôi sao “quậ” chứ không phải một ngôi sao được đánh bóng ở các bàn tròn, chính vì thế hãy cho tôi khước từ mọi sự so sánh của bàn dân thiên hạ về đời sống và thơ của mình. Thơ tôi chắc chắn không “từ chương bác học” như cụ Nguyễn Du nhưng cũng không “thật thà dân dã” như cụ Đồ Chiểu. Thơ tôi khó chịu đến mức nhiều đồng nghiệp phải nhăn nhó bởi phong cách không giống ai. Tôi còn nhớ năm 1990, đúng một năm sau khi tập THƠ TÌNH BÙI CHÍ VINH xuất bản lần đầu, trên báo Lao Động đã có cuộc thảo luận của nhiều nhà thơ, nhà lý luận, nhà phê bình văn học xoay quanh chủ đề “PHẢI CHĂNG LÀ MỘT NGÔI SAO LẠ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” với phần mở đầu như sau “Tập THƠ TÌNH BÙI CHÍ VINH ra đời từ năm ngoái đã gây xôn xao như sự xuất hiện của một ngôi sao lạ. Sự đánh giá thì lại trái ngược nhau rất nhiều. Có bạn trẻ chĩa vào trang đầu: ”TẬP THƠ ĐÁNG ĐỌC NHẤT THẾ KỶ”, có nhà thơ lại hạ một câu: “THƠ VĨA HỀ”. Có điều chắc chắn thơ Bùi Chí Vinh đã có nhiều người đọc, nói theo kiểu bây giờ là bán được. Chúng tôi xin giới thiệu bốn bài phát biểu của các nhà thơ, nhà phê bình có tên tuổi đánh giá tập thơ này”. Bốn bài phát biểu đó là của các vị Nguyễn Văn Lưu, Anh Ngọc, Lê Quang Trang, Lại Nguyên Ân. Nhân đây tôi cũng xin cảm ơn nhà văn nữ Phạm Thị Hoài trong một lần vào Sài Gòn năm 1989 gặp tôi đã gom 100 tập thơ Bùi Chí Vinh ra Bắc và phân phối đến những địa chỉ cần thiết của sĩ phu Bắc Hà. Hiệu quả của đợt phân phối ấy là bài phê bình đầy thiện ý của Vương Trí Nhàn trên báo Thể Thao Văn Hóa “*Thơ Tình Bùi Chí Vinh xanh vỏ đỏ lòng*”. Là bài viết của cố nhà văn nhà phê bình Xuân Từ trên báo Công Giáo Và Dân Tộc so sánh “*Thơ tình yêu Bùi Chí Vinh có thể là một cái mốc trên con đường phát triển thơ ca... Yêu thương và Chúa và Phật là đồng nhất. Điều thánh thiện không phân chia đạo này hay đạo khác. Như thế mới đích thực là người*”. Là bài tựa của nhà văn Vũ Quân Phương cho tập thơ Bùi Chí Vinh của Nhà Xuất Bản Kim Đồng “*Những bài thơ trong ruột sách, bài nào cũng nghịch. Nhận xét là nghịch thì không bao quát được đặc điểm thơ ông. Nhưng phải tạm dùng để nói cái khác thường, cái bất ngờ, cái không thuận... tại của thơ Bùi Chí Vinh. Không thuận tại nhưng lại thuận lý, thuận tình, nghĩa là có tính thơ. Là thơ thực sự mà bề ngoài, thoáng đọc thoáng nhìn lại ngỡ không thơ. Hóa ra đây là một thủ pháp, một biệt tài, một bản lĩnh. Người đọc ít lịch lãm hoặc thiếu trân trọng nhiều khi không thâm nhập được...*”. Là sự đồng cảm của Huỳnh Dũng Nhân trên một tờ báo “*Tôi khoái nhất cách xưng ta của chàng thi sĩ tuổi con ngựa này. Cái ta ấy là sự cao ngạo, là ý thức coi thường khách thể, vượt qua những rào chắn tập quán, chỉ còn biết cái tôi đang được nâng lên thành cái ta, cao hơn, ngang tàng hơn và quân tử hơn*”. Là Nguyễn Thái Sơn nhận xét trên báo Văn Nghệ TP “*Tôi muốn ví dụ Thơ Tình Bùi Chí Vinh như thứ cà phê quán cóc, pha bằng túi vải, uống bằng ly đất nung, không sang trọng nhưng là cà phê thứ thiệt, pha đặc, người uống lần đầu có thể thấy đắng, bóng miệng nên*

nhú trán thôi...”. Là Nguyễn Quốc Chánh viết trên báo Thanh Niên “*Thơ Bùi Chí Vinh thuộc loại mạnh, ngang và tàng. Nó như một con ngựa sợ yên cương, khoái tung bờm hí rền trên thảo nguyên, nó háo hức đòi được trao thân để trở nên chính nó, dù chỉ trong khoảnh khắc...*” Đại khái là như vậy. Riêng tôi có thể tự đánh giá một cách ngẫu hứng về mình qua bài thơ NGÓ LẠI TIỀN NHÂN:

NGÓ LẠI TIỀN NHÂN

*Với trí nhớ của Lê Quý Đôn
Cái đầu đội trời của Cao Bá Quát
Lại thêm Tú Xương chút mùi khinh bạc
Ta đem thân ta đùa giỡn với công hầu*

*Ta cảm “bể xanh hóa thành ruộng dâu”
Cho người có muối và cho tầm có lá
Ta cảm cửa những nhà thơ đơn đã
Nguyễn Công Trứ làm quan chỉ đáng mặt vi thần
Ta cảm cửa những nhà thơ kẻ cả
Nguyễn Khuyến về già chưa đủ lộc để chẵn dân*

*“Trường giang như kiếm lập thanh thiên”
Ta thương Cao Chu Thần nên tuốt gươm làm giặc
Ta thương mặt trời bị chôn xuống đất
Cho lũ hủ nho nhà Nguyễn mặc hoàng bào
Ta thương mặt trăng gặp phải thời nguyệt thực
Cho lũ nịnh thần lăm tẩm mọc như sao*

*Ta thương anh hùng “ở phố Hàng Nâu”
Giả làm “phồng sành” mặt mày lơ láo
Ta thương Tú Xương giả say bên chén rượu
Không dám ngâm thơ sợ lộ cốt rỗng
Ta thương bậc Tú tài quân tử
Mượn áo giang hồ đùa lũ Trạng tiểu nhân*

*Ta có lời xin lỗi Trần Tử Ngang
Hà tất phải “độc sáng nhiên nhi thế hạ”
“Niệm thiên địa chi du du” bạn niệm một mình thì phí quá
Ta chẻ đầu ta chia hết thầy mọi người
Thế gian này những kẻ bình thiên hạ
Có còn gan lớn mặt để rong chơi
Có giống Quát chép thơ vào vách đá
Có như Xương nhét chữ xuống mông ngòi
Và có dám như ta: đọc những lời khí phách
Rồi rủ Hồ Xuân Hương chơi cờ tướng tay đôi!*

Tôi bước vào ngôi trường tiểu học chậm mất hai năm so với bạn bè cùng lứa tuổi vì một lý do bất đắc dĩ. Ba tôi là ông Bùi Văn Trình, đảng viên Đảng Lao Động Việt Nam thời kháng Pháp, ông từng sang Paris học nghề thợ giày dành cho người tàn tật và gia nhập đảng viên Đảng Cộng Sản Pháp. Lúc về nước ông tiếp tục hoạt động và bị bắt giam dưới chế độ Ngô Đình Diệm, bị tịch thu cửa hiệu mặt tiền “*Tiệm giày tàn tật Bùi Văn Trình*” trên đường Yên Đỗ (tức đường Lý Chính Thắng bây giờ). Mẹ tôi, bà Nguyễn Thị Mùi cũng tương tự như vậy, bà cũng là đảng viên Đảng Lao Động (tiền thân của Đảng Cộng Sản) nhưng thời gian ở tù ít hơn chồng. Bà thường tự hào nói với con cái rằng “*Gia đình mình là gia đình Công Giáo yêu nước*”. Bà từng bị giam ở bót Hoàng Hùng, bót Catina... và có thời gian ở chiến khu. Trong tù bà bị nhốt chung với vài nhân vật lịch sử như bà Nguyễn Thị Bình, Đỗ Duy Liên, Lan Mê Linh... như lời bà kể. Còn trong chiến khu bà từng mô tả về cách sinh hoạt đặc biệt của ông Lê Duẩn thuở hàn vi, đầy lam lũ và khô hải không thua gì ông Lưu Bang lúc chưa lập nên nhà Hán. Những chuyện kể của bà loáng thoáng như món rau muống luộc chấm nước tương trong bữa ăn nhà nghèo khiến tôi không mấy quan tâm. Điều tôi quan tâm là bà đã thay mặt người chồng nằm trong vòng lao lý, dạy dỗ ba đứa con nên người bằng nghề thợ may thuê cực khổ.

Năm 1961 ba tôi được chế độ Ngô Đình Diệm thả về, trên lưng và ngực đầy những vết thương tím bầm do bị tra tấn bằng roi điện, roi cá sấu. Ngày ông xuất hiện trước cửa căn nhà sàn vách ván lênh bênh trên mặt sông với bộ đồ bà ba đen, thằng con trai đầu lòng mới 7 tuổi là tôi đã từ chối ông. Từ trước đến giờ tôi quên mất mình có cha và chỉ được học đánh vần bởi người mẹ bằng cuốn “*Nhị Thập Tứ Hiếu*”. Tôi đã quay lưng với ông suốt một tuần lễ mặc kệ đêm nào ông cũng rơi nước mắt khi nằm bên cạnh các con. Ấy thế mà chỉ trong vòng một năm tập làm quen tình phụ tử với nhau, tôi đã được ông dạy gần hết chương trình tiểu học. Tôi đã học giỏi đến mức có thể đi biểu diễn ở các trường công và trường tư lúc mới vừa...8 tuổi. Tại trường tiểu học tư thục Sao Mai dưới chân cầu Công Lý, các thầy giáo nhà dòng đã dẫn tôi đến tất cả mọi lớp từ lớp năm đến lớp nhất (tức lớp 1 đến lớp 5) để đọc bảng cửu chương từ 2 cho đến 9 đọc xuôi rồi đọc ngược, sau đó làm toán chia bốn con lẫn toán phân số của bậc trung học. Tôi biến thành tấm gương hiếu học một cách kỳ lạ. Tại trường tiểu học công lập con trai Tân Định (giờ là trường tiểu học Nguyễn Thái Sơn) tôi đã được thầy hiệu trưởng đặc cách nhận vô học lớp tư (tức lớp 2) sau khi trải nghiệm năng lực về văn và toán.

Kể từ đó tôi luôn luôn lãnh phần thưởng hạng nhất cuối năm học từ lớp tư cho đến lớp nhất. Chỉ cần đứng hạng nhì trong một tam cá nguyệt (học kỳ) là tôi đã bị trừng phạt bằng những ngọn roi da giày của ba tôi quất tới tấp vào mông. Những lần bị đòn như thế tôi rất oán hận và nguyên rủa ba tôi nhưng bây giờ ngồi nghĩ lại mới thấy ông có cách giáo dục và thương con cực kỳ đặc biệt. Ông có cách giáo dục như bà mẹ thầy Mạnh Tử dạy con lúc còn thơ trong sách *Cổ Học Tinh Hoa*. Tôi lại may mắn thụ giáo những bậc thầy giỏi ngay từ tiểu học. Lớp Tư 1 học thầy Nhạ. Lớp Ba 1 học cô Cổ Tấn Mỹ Loan. Lớp Nhì A học cô Phan Thị Mai. Lớp Nhất A học bà Giáo. Thi Đệ Thất vô trường trung học công lập Trần Lục năm đó chỉ lấy 170 người trên hơn 10.000 thí sinh ứng thí, tôi thi đậu hạng 7 và được nhận học

bổng suốt những năm trung học đệ nhất cấp. Số điểm hạng 7 của tôi so với hạng nhất thủ khoa chỉ cách 1 điểm rưỡi. Ba tôi bằng cách nào đó đã xem phiếu điểm thi và rất hài lòng khi thấy bài văn tôi đạt điểm cao nhất, còn bài toán được tôi giải theo kiểu phân số của bậc trung học và bị trừ 2 điểm dù đáp số y chang của Bộ Giáo Dục.

Trong phạm vi bài viết này thiết tưởng cũng cần nói lên sự ưu việt của nền giáo dục thời đó dành cho trẻ em nghèo. Tuy đất nước trong thời chiến, nhưng những đứa trẻ con chúng tôi mỗi buổi sáng đến trường không cần phải lấy tiền của cha mẹ, bởi trước khi vào lớp đều được nhận một phần ăn bánh mì phô mai và ly sữa bột nóng miễn phí. Đến cuối năm đưa nào nghèo quá thì được lãnh phần thưởng “CÂY MÙA XUÂN” gồm quần áo sách vở, không hề phân biệt gia đình có hoạt động chống lại chế độ hay không. Cụ thể là gia đình “tù chính trị” nghèo mạt hạng của tôi luôn có thêm phần thưởng ấy. Chưa kể học tiểu học được dạy môn Đức Dục, lên trung học có môn Công Dân đều là những môn dạy căn bản đạo lý làm người. Chính nhờ đạo lý làm người ấy mà tôi biết được cô Phan Thị Mai còn có bút hiệu là Nhất Chi Mai, cô giáo lớp nhì trường Tân Định hiền lành dễ thương của chúng tôi nhà ở xóm Nhà Đèn, là một nữ anh hùng dám tử đạo vì lý tưởng ái quốc. Tại miền Nam vào những năm 1965-1968 mức độ phát triển và cường độ chiến tranh ngày càng ác liệt và tàn khốc. Cô giáo Nhất Chi Mai của tôi noi gương Morisson tự thiêu trước Tòa Bạch Ốc để phản đối chiến tranh. Ngày 16-5-1967 cô tự tưới 10 lít xăng lên người rồi châm lửa, biến thân mình thành đuốc tại chùa Từ Nghiêm, đường Bà Hạt gây chấn động dư luận trong nước và thế giới. Lúc đó tôi đang học Đệ Lục (tức lớp 7) trường trung học công lập Trần Lục. Tôi bàng hoàng không phải vì mình là đứa học trò giỏi nhất được cô cưng nhất, mà bàng hoàng trước bài thơ “CHẤP TAY TÔI QUỲ XUỐNG” do cô để lại như một di chúc:

CHẤP TAY TÔI QUỲ XUỐNG

*Sao người Mỹ tự thiêu?
Sao thế giới biểu tình?
Sao Việt Nam im tiếng
Không dám nói Hòa Bình*

*Tôi thấy mình hèn yếu
Tôi nghe lòng đắng cay
Sống mình không thể nói
Chết mới được ra lời*

*Hòa Bình là có tội!
Hòa Bình là cộng sản!
Tôi vì lòng nhân bản
Mà muốn nói Hòa Bình!*

Chấp tay tôi quỳ xuống

*Chịu đau đớn thân này
Mong thoát lời thống thiết!
Dừng tay lại người ơi!*

*Dừng tay lại người ơi!
Hai mươi năm nay rồi
Nhiều máu xương đã đổ
Dừng diệt chủng dân tôi!*

Chấp tay tôi quỳ xuống...

Bài thơ chỉ đơn giản như thế. Nhưng đối với tôi nó là ngọn đuốc sống. Ngọn đuốc ấy hừng hực và trường cửu hơn bất kỳ một thứ hào quang nào đã dẫn dắt và kích động tôi bước vào con đường làm cách mạng. Một con đường chông gai, nguy hiểm mà tôi đã trả giá bằng tuổi trẻ cho tới tận tuổi trung niên ẩn sĩ bây giờ.

Năm 11 tuổi tôi bắt đầu có thơ in báo ở các trang thiếu nhi của các nhật báo, tuần báo thời đó. Tôi đọc ngón ngấu cổ văn kim văn, nhai nuốt và tiêu hóa hết kho sách cũ của ba tôi và cậu tôi giấu kín dưới gầm giường. Ở trường dạy loại thơ gì là tôi thực hành ngay loại thơ đó, kể cả thể loại thơ khó nhất là thơ Đường Luật. Tôi làm thơ Đường bảo đảm có đủ “mao, thực, luận, kết” với cặp thực và cặp luận đối nhau chan chát. Số lượng thơ đăng báo của tôi cho đến 15 tuổi không dưới vài trăm bài thơ được cắt dán trong sổ hản hoi. Năm học Đệ Lục trường Trần Lục tôi và hai người bạn cùng lớp là Vũ Hào Hiệp, Ngô Đình Hải dám thành lập “Nhóm Thơ Hồn Trẻ” với những tôn chỉ, mục tiêu, thủ tục kết nạp nhóm viên đăng lên các báo. Chúng tôi có quỹ riêng tích lũy bằng sự đóng góp của các tân nhóm viên và đăng đàn sáng tác thơ, truyện y chang những ngòi bút chuyên nghiệp. Hai thành tích của tôi trong giai đoạn này là đoạt giải thưởng Hội Họa Thiếu Nhi Châu Á lúc mới 9 tuổi đang học lớp Ba 1 trường Tân Định với bức tranh màu nước mang tựa “*Quang Trung Hành Quân*” và giải thưởng truyện ngắn Viết Trên Quê Hương Điều Tàn của một nhật báo đối lập lúc 15 tuổi với truyện “*Trái Đầu Lâu*”. Trong bức Quang Trung Hành Quân tôi vẽ cuộc tiến công thần tốc của Hoàng Đế Quang Trung ra Bắc bằng cuộc chuyển quân trên võng, cảnh tượng cứ hai nghĩa quân Tây Sơn đi như chạy cáng võng một người nằm quả là hình ảnh đặc sản chỉ có ở con người Việt Nam và ở sự sáng tạo thần kỳ của Nguyễn Huệ. Còn trong truyện Trái Đầu Lâu tôi nói về sự tích trái bã đậu thường rơi rụng trên vỉa hè đường Tú Xương mà tôi hay đi qua. Trái bã đậu chín khô có hình dạng như cái sọ người. Trong số tuổi 15 non nớt tôi tưởng tượng cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn Nam Bắc đang lan dần trên thành phố qua những “trái đầu lâu” mỗi ngày rơi lộp độp.

Tại trường Trần Lục tôi được dạy dỗ bởi những giáo sư tận tâm, nhưng người gây dấu ấn mạnh nhất đối với chúng tôi có lẽ là thầy Đỗ Quý Toàn. Thầy Đỗ Quý Toàn là một thi sĩ thành danh thời bấy giờ với trường phái thơ tự do hiện đại. Sáng tác của thầy xuất hiện trên nhiều tạp chí giá trị. Thầy Toàn luôn là niềm ngưỡng mộ của chúng tôi khi đứng trên bục giảng và là người phụ trách mục giới thiệu sáng

tác văn học trên Đài Truyền Hình Sài Gòn với giọng Bắc trầm ấm, dáng người nhỏ nhắn, ông pip phì phà khói ngậm trên môi. Thầy đã dạy tôi hai năm liên tiếp Đề Lục lẫn Đề Ngũ và cũng chính thầy trong hai năm đó trao cho tôi giải thưởng Văn Chương Liên Lớp. Có một điều mà thầy không hề ngờ đến là cái tên tôi đăng thơ cùng chung một cột báo với nhà thơ Đỗ Quý Toàn trên tạp chí Đời. Bài thơ phản chiến tựa GÃ MỘT CHÂN đăng năm 14 tuổi dưới bài thơ của thầy được tôi ký bút hiệu là Chính Vi. Cái tên Chính Vi (là tiếng lái Chí Vinh) không biết có làm thầy ngờ ngờ...

Tôi chỉ học hết năm Đề Tứ (lớp 9) ở trường Trần Lục là phải chuyển qua trường trung học công lập Nguyễn Trãi ở tuốt quận 4 vì một lý do giản dị: Tôi chọn ban A và trường Trần Lục không có lớp 10A. Tại ngôi trường Nguyễn Trãi mới mẻ này trong suốt hai niên khóa trung học đệ nhị cấp tôi vẫn là một trong những học sinh xuất sắc nhất lớp. Trường Nguyễn Trãi nằm ở ngoại ô Sài Gòn với đa số học trò xuất thân từ giai cấp công nhân hoặc lao động nghèo thành thị, một môi trường hoàn toàn phù hợp với sự nổi loạn và khuynh hướng phản chiến của tôi. Một bài thơ tiêu biểu trong thời kỳ này mang tên là SIÊU THỊ CHIẾN TRANH được tôi đăng báo Chí Linh năm 1971 dưới bút hiệu Bùi Thăng Long như sau:

SIÊU THỊ CHIẾN TRANH

*Chị em ơi mau mau bày hàng
Những món đồ chơi dành cho giày ống
Thịt da dân tộc bốn ngàn năm phơi nắng
Một sớm một chiều thành đồ lót, cọt-xê
Tuổi mười sáu đến vũ trường chân đô thị, chân què
Em khập khiễng bán hàng chào nón sắt
Mẹ cha ngồi vỉa hè chén cơm chan nước mắt
Đồng đô-la ôm thân phận Thúy Kiều
Những con mắt hỏa châu hăm hực sợ tình yêu
Tiếng đại bác lỏa lò đêm tao loạn*

*Anh em ơi mau mau bày bán
Siêu thị chiến tranh hàng PX ồn ào
Gian đầu buôn đạn bom, gian giữa chứa gươm đao
Những gian kế tiếp là hơi cay, mặt nạ
Gian kế nữa là đồng khô sỏi đá
Nương rẫy ma tru, cây cỏ cụt đầu
Anh còn gì cho những gian sau*

*Chị ơi, anh ơi... chúng ta ở đâu?
Ổ khóa siêu thị có mùi bơ ngoại tộc
Hãy phá cửa cho trái tim òa khóc
Cho bốn ngàn năm đội mũ xuống đường
Rào kẽm gai nào ngăn được Quang Trung*

*Hàng song sắt nào cản đường Lê Lợi
Bước chúng ta đi công trường bão nổi
Mãi mãi không còn siêu thị chiến tranh!*

Năng khiếu văn chương của tôi ngay lập tức lọt vào mắt xanh của những kẻ hoạt động bí mật trong và ngoài trường học. Tại trường Nguyễn Trãi tôi giao du với Nguyễn Văn Tâm học thua tôi một lớp và hai đứa cùng thành lập nhóm Văn Nghệ Chí Linh có một tờ báo in roneo hần hoi. Bên cạnh đó tôi được Nguyễn Văn Vĩnh, trưởng khối báo chí của trường, học hơn tôi hai lớp, giới thiệu tôi vào Tổng Đoàn Học Sinh Sài Gòn trụ sở trên đường Hồng Bàng, Chợ Lớn. Kể từ giây phút ấy tôi biến thành một thành viên bất ngờ trên mặt trận báo chí, văn nghệ của phong trào tranh đấu sinh viên học sinh thành phố. Tôi tham gia những cuộc xuống đường, những cuộc bãi khóa đòi hỏi dân quyền dân sinh, sáng tác thơ, văn, xã luận đăng trên các báo chí phong trào sinh viên học sinh và các nhật báo đối lập với các bút hiệu Bùi Chí Vinh, Chính Vi, Lê Đại Nam, Trần Đại Việt, Bùi Thăng Long... Tôi còn nhớ vở kịch thơ NGƯỜI LÀM LỊCH SỬ của tôi nói về cuộc chia tay của hai cha con Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi ở ải Nam Quan đăng trên báo Xuân trường Nguyễn Trãi năm 1971 cùng những bài viết trên các báo học sinh sinh viên tranh đấu đã khiến tôi bị đuổi học một tuần lễ. Lần đuổi học ấy kéo theo cả một đợt bãi khóa lớn toàn trường và tôi bị thầy giám học Tạ Quang Khôi kêu lên làm việc. Thầy Tạ Quang Khôi đôi với tôi không hề xa lạ, thầy chính là nhà văn từng phụ trách mục VÙNG CỎ NON dành cho tuổi mới lớn trên nhật báo Thời Thế. Hồi còn học ở Trần Lục, tôi và Nhóm Thơ Hồn Trẻ thường xuyên đăng bài trong mục của thầy. Thầy chỉ khuyên tôi đúngm một câu “*Em là người có năng khiếu văn chương hơn là năng khiếu chính trị. Tôi yêu mến những bài thơ của em hơn là thấy em làm nắm đấm trong tay người khác*”.

Trời đất, tôi mới 17 tuổi như con ngựa chững không cương làm sao hiểu hết những ẩn ý của thầy. Thuở đó tôi lờng lộn sải vó cố tìm ra ánh sáng cuối đường hầm trên con đường sạn đạo của mình. Tôi từng trần thuyết về đề tài Tam Dân Chủ Nghĩa trước thầy Huỳnh Thành Tâm tức nhà văn Huỳnh Phan Anh nổi tiếng dạy tôi năm lớp 10A và được thầy cho điểm tuyệt đối về sự hùng biện táo bạo. Khác với hai thầy Đỗ Quý Toàn, Tạ Quang Khôi mà tôi không lần nào gặp lại, riêng thầy Huỳnh Phan Anh sau giải phóng tôi được hân hạnh tái ngộ và trở thành một đồng nghiệp nhỏ thân thiết của thầy. Tôi còn nhớ cuối năm 1975 trên báo Văn Nghệ Giải Phóng xuất hiện hai bài tùy bút nổi tiếng một của Trịnh Công Sơn và một của Huỳnh Phan Anh. Hai bài viết thuộc dạng sắc sảo trong cách nhìn của mỗi người về những biến thiên của thời cuộc, nhưng tùy bút NHÌN LẠI của Huỳnh Phan Anh được dư luận đánh giá cao hơn. Tôi không coi đó là sự giác ngộ cách mạng hoặc sám hối nghề nghiệp của Huỳnh Phan Anh như sự chụp mũ ác ý của một số người cầm bút. Tôi hiểu tâm trạng của một nhà văn tự trọng kiêm một nhà giáo lương thiện và ủng hộ con đường đi của thầy. Hai thầy trò chúng tôi đã nhiều lần cụng ly, nhiều lần lẩn lóc, nhiều lần ngổn ngang tâm sự với nhau cho dù Huỳnh Phan Anh hầu như không nhớ gì tên học trò Nguyễn Trãi ngày xưa được ông cho điểm cao nhất môn trần thuyết. Có lần ông kể với tôi trong một đêm say khướt ngồi xe xích lô về nhà

trên đường Võ Văn Tần (đường Trần Quý Cáp cũ) ông đã được tay tài xế xích lô xa lạ đọc cho nghe bài thơ XÍCH LÔ HÀNH của tôi, sau đó còn hát nghêu ngao ca khúc phổ nhạc bài thơ đó. Ông xúc động nói với tôi rằng:”*Như vậy là mày đã tồn tại. Nhà thơ cả đời chỉ cần một sáng tác được truyền khẩu, thế mà bài thơ Xích Lô của mày được phổ biến khắp nơi. Tao hãnh diện được làm thầy của một thi sĩ nhân dân kiểu đó*”. Khi tôi viết những dòng này thì vị thầy giáo đáng kính đã lưu lạc giang hồ bên Mỹ quốc, trước khi đi tôi đã cố gắng cùng thầy gõ cửa đủ mọi cơ quan, báo chí để nộp từng chồng hồ sơ khiếu nại khiếu tố dày cộm về đám cường hào ác bá tỉnh Tây Ninh cướp đất hương hỏa của gia đình thầy, nhưng tất cả nỗ lực đều thất bại bởi “con cóc không thể kiện ông trời” khi không còn thượng đế. Chẳng biết thầy còn nhớ những kỷ niệm bụi đời của chúng tôi không?

Tại Tổng Đoàn Học Sinh Sài Gòn tôi có dịp giao du với nhiều cây bút tranh đấu khác trong giới học sinh như Lê Văn Nuôi, Trương Minh Nhựt... và quan trọng hơn cả là làm quen với Nguyễn Sĩ Hiền, một nhà thơ đàn anh đang hoạt động cách mạng rủ rê tôi tham gia biên tập tờ Làm Báo do anh phụ trách. Hồi đó Nguyễn Sĩ Hiền với các bút hiệu Hữu Đạo, Ba Đình, Rạch Gầm, Yên Thao, Đồng Tháp, Hồ Trường... lừng danh trong phong trào học sinh đấu tranh đô thị không thua gì Trần Quang Long bên cánh sinh viên. Đối với tôi, được chơi với anh là một sự hân hạnh. Có lần anh gõ cửa nhà tôi, căn nhà sàn tồi tàn nhất Xóm Lách trong một chiều mưa sùi sụt. Căn nhà chỉ có cha tôi làm thợ giày, mẹ tôi làm thợ may, cậu tôi biệt danh Tám Ruby làm thợ dệt và những đứa em nhỏ. Tất cả đều nhìn Nguyễn Sĩ Hiền đầy nghi ngại dù gia đình tôi đều âm thầm hoạt động cách mạng. Trên căn gác xép, Nguyễn Sĩ Hiền tâm sự với tôi rằng anh đang bị chính quyền Thiệu Kỳ truy nã và chỉ muốn tá túc một đêm. Trong đêm đó anh đã trao đổi biết bao nhiêu chuyện với tôi, từ thơ văn cho đến lý tưởng, hoài bão của thanh niên trong thời chiến. Anh đã đọc một bài thơ mang tựa là HẠNH PHÚC mà tôi còn nhớ mãi:

HẠNH PHÚC

*Sớm mai con ra phố
Thấy người nằm chết co ro trên vỉa hè
Giữa chợ đời lẩn chen
Má ơi
Nếu con vất được trái tim
Và trôi bùn lên óc
Thì đời con hạnh phúc biết bao nhiêu*

Bài thơ “Hạnh Phúc” đọc năm 1971 ấy đến giờ này thiết tưởng vẫn còn hiệu quả nhân tiền. Năm 1971 anh “dụ khị” tôi vào con đường cách mạng bằng bài thơ đau đớn nói về ước mơ tuyệt vọng của những kẻ bên lề bị xã hội ruồng rẫy, thì hôm nay năm 2008 cuốn phim bi kịch ấy lại lộ lộ ra trước mắt, có khi còn thảm hại hơn bởi mức độ nguy quân tử và bội tín của những kẻ quyết định số phận của người khác cao hơn. Năm 2008 với báo cáo GDP không ngừng tăng và con số gái đứng đường, gái lấy Đài Loan, gái làm điếm ở Trung Quốc, sinh viên ra trường thất

nghiệp, công nhân thợ thuyền xuất khẩu lao động như nô lệ, trẻ mồ côi không nơi nương tựa đây vĩa hè, xăng dầu điện nước tăng giá vùn vụt, ô nhiễm từ lò cốt trên đường đi cho đến rác rưởi đen ngòm chất thải ngập mặt nước cũng tăng theo tỷ lệ thuận cùng con số ảo của GDP. Cũng may mà Nguyễn Sĩ Hiền đã chết ngay năm đầu sau giải phóng, chấm dứt luôn tài tiên tri của một nhà thơ lớn. Nếu không thì có khi anh lại nổi cơn thịnh nộ của một thi sĩ tâm huyết và có khi lại bị khoanh vùng, quản thúc tại gia như một số nhà văn hóa yêu nước dám ăn dám nói...

Qua Nguyễn Sĩ Hiền, tôi trở thành một nhóm với Nguyễn Văn Tâm và hai học sinh bí mật khác. Chúng tôi thường hẹn hò nhau uống cà phê trước cửa trường Nguyễn Trãi trước khi xuống đường hoạt động đấu tranh. Một hôm Tâm cắt một mớ giấy thủ công gồm 3 màu xanh, đỏ, vàng rồi xếp thành hình lá cờ Mặt Trận bày lên bàn nước. Tâm nói tôi nên lấy bí danh là “Hai Long” với ý nghĩa tôi là anh Hai trong gia đình có bút hiệu Bùi Thăng Long, rồi dùng queet diêm đốt lá cờ bằng giấy. Thế là xong. Thế là xem như tôi đã là một thành viên của Đoàn Thanh Niên Nhân Dân Cách Mạng Sài Gòn Gia Định như sau này Nguyễn Văn Tâm với bí danh là Sáu An tháng 5-1975 từ rừng ra khăng định điều đó với tôi.

Thời tuổi trẻ quả thật hào hùng. Làm trai thời loạn ở Tổng Đoàn Học Sinh Sài Gòn giao du với nhiều bạn bè cùng chí hướng thương nhau như ruột thịt, dám đứng mũi chịu sào mỗi người phụ trách phong trào đấu tranh một trường học. Như Nguyễn Văn Phúc tự Út Tâm, Lê Văn Nuôi, Lê Văn Triều ở trường Cao Thắng. Như Tiết Hồng Quân, Nguyễn Văn Vĩnh tự Tư Thuyết ở trường Nguyễn Trãi. Như Lê Văn Nghĩa, Ba Đông ở trường Petrus Ký. Như Hứa Thị Tuyết Hoa, Nguyễn Lương Ngọc ở trường Đức Trí. Như Trương Minh Nhựt tự Ba Vũ ở trường Vương Gia Càn. Như Lê Hoàng ở trường Văn Học. Như Trần Thị Mỹ Thành ở trường Gia Long. Như Đặng Thị Thục Trinh ở trường Lê Văn Duyệt... Ấy thế mà chỉ sau một cuộc bể dâu, vật chưa đổi sao chưa dời bao nhiêu, mà sau giải phóng con đường đi của mỗi người tách ra nhiều hướng theo kiểu “mạnh ai nấy sống mạnh ai nấy chết”. Ai làm quan, làm vương tướng thì thân thích bộ hạ được nhờ. Ai dám ăn dám nói dám đề kháng lại tổ chức thì chết ráng chịu. Mỗi năm một lần tôi lại được mời họp truyền thống Thành Đoàn, đến vài lần để thấy tình nghĩa ngày xưa lạt như nước ốc. Tay giả bộ bắt, mặt giả bộ mừng nhưng bằng mặt khác hẳn bằng lòng chứ sao. Nghĩ đến câu “*Lính già ngồi kể chuyện Nguyên Phong*” của vua tôi thời nhà Trần sau khi đánh thắng giặc Nguyên Mông càng thêm ngậm ngùi vô tận.

Năm 1971 cha tôi là ông Bùi Văn Trinh chết vì hậu quả những vết thương do bị tra tấn trong nhà tù khi hoạt động cách mạng. Ông chết như một liệt sĩ hy sinh cả đời mình cho tổ quốc nhưng thủ tục giấy tờ để công nhận là một liệt sĩ quá rắc rối khiến mẹ tôi bức mình dẹp qua một bên. Bà cũng dẹp luôn tờ giấy chứng nhận “*Gia đình có công với cách mạng*” và các huy chương cho vào rương khóa kín. Bà nói sau giải phóng chừng vài năm: “*Tụi nó làm trật rồi. Hồi đó nói một đàng bây giờ làm một nẻo. Người nghèo vẫn hoàn nghèo. Chỉ là sự thay đổi của đám nhà giàu mới*”. Tuy nhiên đó là chuyện hạ hồi phân giải sau này.

Đầu tháng 5-1975 Nguyễn Văn Vĩnh với bộ bà ba đen, khăn rằn mang dép râu gõ cửa căn nhà sàn tồi tàn nhất Xóm Lách dưới chân cầu Công Lý tìm tôi. Không phải ai khác mà chính Nguyễn Văn Vĩnh hai lần đưa tôi vào con đường cách mạng. Vĩnh xuất thân từ một gia đình sản xuất nón ở quận 4, toàn bộ nhà đều tham gia hoạt động. Hồi ở phong trào và còn làm báo Học Sinh, anh nổi tiếng là một nhà hùng biện với những bài xã luận nảy lửa định hướng những chủ trương then chốt của phong trào. Bây giờ anh trở nên thâm trầm mộng mơ hơn khi xách xe đạp chở tôi dạo một vòng Sài Gòn và đọc cho tôi nghe những bài thơ của các thi sĩ miền Bắc. Sau cuộc tái ngộ đó, anh giới thiệu tôi với Ban Tuyên Huấn Thành Đoàn để làm Bản Tin Ban Tuyên Huấn. Dù trong Ban có sẵn những khuôn mặt quen biết từng hoạt động chung ở Tổng Đoàn Học Sinh Sài Gòn nhưng tôi cũng bị “test” khá kỹ về chuyên môn và lý lịch sau một thời gian đứt liên lạc với nhau.

Bản Tin Ban Tuyên Huấn Thành Đoàn lúc đó chính là tiền thân của báo Tuổi Trẻ bây giờ. Tôi thoát ly gia đình ở hẻm số 55 Duy Tân (giờ là đường Phạm Ngọc Thạch) trở thành cây bút chủ lực của bản tin trong tất cả mọi đề tài nóng bỏng từ thời sự, chính trị, văn hóa đến thể thao. Ngày 2-9-1975 báo Tuổi Trẻ ra mắt số đầu tiên và tôi nằm trong Ban Biên Tập của tờ báo cùng với anh Hoàng Nghĩa tức Đồi Nặng Xứ Dừa phụ trách trang văn hóa văn nghệ. Công việc chủ yếu của tôi là chọn đăng sáng tác của bạn đọc và mỗi tuần viết một bài thơ theo chủ đề. Trong thời buổi cách mạng còn chân ướt chân ráo, thơ văn là thứ thức ăn tinh thần dễ đến với người đọc nhất. Thời buổi ấy đừng hòng có loại thơ tình sướt mướt hoặc loại thơ @ đòi trụ phi nhân tính như bây giờ. Thời buổi ấy tôi dùng thơ như một cây chổi để quét rác rưởi. Tôi trong sáng đến mức độ làm những bài tương tự như bài thơ dưới đây:

HẠNH PHÚC CÓ THẬT

*Trả lại thành phố những ngày ngồi gác chân rũ rượi không biết làm chuyện gì
Ngoài việc kê một vài chai bia và nhìn con gái
Trả lại thành phố một thời gian suýt làm chó dại
Với nhiều tiếng sữa rất cầu kỳ*

*Thưa mẹ, con đi
Mọi người hãy tin tôi, chưa muộn, rằng chưa muộn
Mẹ hãy tin con, rằng con đang lớn
Cùng quê hương*

*Trả lại thành phố những ngày sọ đũa cạnh bát cơm
Quên mất ai cho tôi ăn, quên bằng người gieo hạt
Quên mồ hôi, quên nước mắt
Chỉ biết ngấu nghiến và thèm thuồng*

*Thưa mẹ, con lên đường
Mọi người hãy tin tôi, còn sớm, rằng còn sớm*

*Mẹ hãy tin con, rằng con đang lớn
Cùng quê hương*

*Trả lại thành phố những ngày mũ áo xanh xang
Quên mất ai dệt cho tôi, ai se từng sợi chỉ
Tôi đối chất với những điều phi lý
Rồi lạc mất mình*

*Thừa mẹ, thừa cha, thừa chị, thừa em
Trả lại thành phố đang thay da đổi thịt
Thu về tôi hạnh phúc mỗi mắt tìm
Nhưng luôn luôn có thật*

Suốt hơn 2 năm tôi đã ở tới 3 trụ sở của báo Tuổi Trẻ. Từ 55 Duy Tân đến 62 Trương Tấn Bửu rồi 12 Duy Tân... chịu đủ thứ nạn dịch, từ dịch “ghẻ ngứa” sau giải phóng đến dịch xếp hàng chờ tem phiếu. Từ việc đụng độ với quan điểm “chọn bài soi lý lịch” của cấp trên có thành kiến đến việc chia sẻ từng tách cà phê “bo bo rang” với các cộng tác viên xuất thân từ văn nghệ sĩ Sài Gòn cũ ghé đến gửi bài mà không biết có được sử dụng hay không. Cũng cần mở ngoặc đơn chỗ này, trong thời gian trên tôi quan hệ và giao du với hầu hết giới văn nghệ từ Nam chí Bắc trên đủ mọi lãnh vực thơ văn, nhạc, họa, điện ảnh, sân khấu... trong đó có Nguyễn Nhật Ánh vừa đạp xích lô vừa đi học Đại Học Sư Phạm. Tôi mến Nguyễn Nhật Ánh về nghị lực và tài thơ nên thường dắt luôn vào cơ quan và thậm chí cho ngủ ở phòng riêng của tôi sau tòa soạn số 12 Duy Tân. Chuyện chỉ có vậy, thế mà tôi bị tổ chức kiểm điểm, bị một vài cán bộ quy chụp là “bảo kê” cho nhà thơ “ngụy”, từng đăng bài trên tạp chí Văn của chính quyền Sài Gòn. Không riêng gì Nguyễn Nhật Ánh, tôi còn bị dèm pha soi mói về việc đăng thơ, truyện của nhiều nhà văn, nhà thơ “chế độ cũ” bằng cách thay bút hiệu của họ. Chuyện đó mất vệ sinh đến nỗi tôi không muốn liệt kê danh sách các nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ... đó ở đây. Bởi họ cũng như Nguyễn Nhật Ánh hiện nay đều đang được nhà nước trọng dụng, dùng tích cực và PR hết cỡ...

Y chang như thơ của Cao Bá Quát khi nói về Mạc Vân Thi Xã của Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương. Thơ rằng “*Ngán cho cái mũi vô duyên – Câu thơ Thi Xã, con thuyền Nghệ An*”. Thuở đó tôi đã làm một bản tự kiểm bằng thơ khắc ra tại chỗ sau khi thượng cẳng chân hạ cẳng tay với một nhân vật đáng ghét có quyền lực trong tòa soạn:

BẢN TỰ KIỂM

*Bọn chó đẻ bắt đầu tấn công
Nhưng con lợn sủa ra ông ộc:
“Không được đánh nhau trong cơ quan
Chúng tôi cảnh cáo đồng chí Vinh nghiêm khắc”*

*Bạn hưởng ứng mặt vênh thách thức:
“Rằng nghe ngôn ngữ lãnh đạo chưa
Rằng biết điều thì nên tự giác
Rằng làm người chớ quên nịnh hót
Làm cơ quan thì phải khù khờ”*

*Tội nghiệp chàng thi sĩ chúng ta
Không thích thói lòn tròn kiếm chác
Lẻ loi giữa thời đại bọn hèn
Chàng chống kiếm hét “Đông Ki Sốt”*

Bài thơ làm năm 1977 và tôi bị “ghim” từ đó. Cuối năm 1977 tôi được Thành Đoàn biệt phái xuống hai trường Thanh Niên Xây Dựng Cuộc Sống Mới Xuyên Mộc và Vĩnh An để xâm nhập thực tế, vừa “tu chỉnh” bản thân vừa có thêm vốn sống của dân gian hồ anh chị đang làm học viên cải tạo tại trường. Tại địa bàn mới mẻ này, tôi có dịp làm quen chia sẻ ngọt qua cương vị cán bộ tuyên huấn bắt đầu dĩ với những nhân vật trong tương lai của vở kịch thơ THÀNH TABERD của mình. Đó là Trần Vĩnh Thành tự Thành Taberd con trai một ông quan chế độ cũ, xem chuyện vào tù ra khám như một chỗ nghỉ chân. Đó là Hiếu Hercule còn có các biệt danh Ngọc Pallmall, Hoàng Salem, Hương Xa Lộ... nữ quái khét tiếng trong giới chém thuê xã hội đen. Đó là Thái Gorki tay anh chị mê truyện Gorki như mê phi vụ. Đó là Hạnh Angiêlic nữ hoàng ăn chơi của các sàn nhảy về đêm. Đó là Tâm Luxiphe tướng cướp chuyên chặt tay người thò ra khỏi thành xe đồ để cướp lác, nhẫn vàng và vô tình chém cụt bàn tay của người mẹ quê lên Sài Gòn thăm mình... Tất cả bi hài kịch hi vọng ái ố của cuộc đời thực đó được tôi triển khai thành kịch thơ THÀNH TABERD dày ngang một cuốn tiểu thuyết với sự hỗ trợ của hai nhà thơ, nhà văn tiền bối là Kiên Giang và Sơn Nam. Tuy nhiên đó là chuyện sau này, khi THÀNH TABERD đoạt giải đặc biệt của Lực Lượng Thanh Niên Xung Phong Thành Phố. Còn bây giờ xin trích ra một đoạn trong vở kịch thơ cho các bạn thưởng lãm:

TRÍCH KỊCH THƠ THÀNH TABERD, NHỮNG KẺ ĐÀO NGŨ:

*Tôi phải đào ngũ, tôi phải đào ngũ
Tôi đào ngũ vì tôi mặc cảm
Tôi muốn trở thành một người vô sản
Tôi muốn hát ca, tôi muốn yêu đời
Nhưng tôi hát ca thua cán bộ mất rồi
Thua tổ chức cả âm thanh và sức mạnh
Tôi yêu đời thua những người ngu đang kiêu hãnh
Oi ở đây tôi thấp bé đến chùng nào
Đông đội quanh tôi có những quá khứ tự hào
Cộng một tương lai ít nhiều hy vọng
Tôi có mặt như một khoảng trống?*

Tôi cũng đào ngũ như anh vì tôi bất lực

*Không phải tư tưởng tôi đang xuống dốc
Nhưng trước bất công tôi không dám phê bình
Tôi biết một cán bộ chánh văn phòng nhận tiền đút lót của học viên
Rồi đóng dấu thả về qua mặt Ban Giám Hiệu
Còn sử dụng học viên làm tay chân khéo léo
Đi đứng nghênh ngang ra dáng cai tù
Tôi không dám đấu tranh vì tôi sợ bị trả thù
Tôi chỉ là một nhân viên nghiên cứu*

*Tôi cũng đào ngũ như hai anh vì thành tích xấu
Phụ trách kho nhưng kho rỗng tuếch rồi
Hóa đơn, giấy tờ nằm ở bụng tôi
Bột ngọt, sữa, đường... đã vào bao tử
Tôi không còn con đường nào khác cả*

*Nhưng em đào ngũ khác ba anh, vì Sài Gòn đẹp quá
Đêm ở Huyện Trân hấp dẫn vô cùng
Người ta gọi em là “gái ăn sương”
Nên thỉnh thoảng ngựa vẫn quen đường cũ
Em thích uống bia, em mê khiêu vũ
Em khoái đàn ông và em quý bạc tiền
Còn ở đây thì em rất... vô duyên*

*Riêng tôi tâm thường hơn bốn người, tôi đào ngũ vì “vã” đời quá cỡ
Ở Sài Gòn tôi luôn luôn có “thờ”
Làm đàn anh khu xe lửa Nguyễn Thông
Ban ngày đi thu thuế con buôn
Ban đêm tổ chức sòng xập xám
Còn ở đây thì... bỏ qua đi Tám
Mặt mũi ai ngó thấy cũng cô hồn
Tôi chưa làm điều gì đáng gọi... chơi ngon*

*Ê, vậy là riêng tôi dù mát thân kinh, tôi cũng đào ngũ luôn
Tôi đào ngũ vì... nhiều người đào ngũ quá
Ngoài ra không có lý do gì khác cả...*

Kịch thơ THÀNH TABERD được khai bút tại nhà của thi sĩ Kiên Giang Hà Huy Hà trên đường Phạm Thế Hiển, quận 8 lúc ông đề nghị tôi khôi phục truyền thống kịch thơ đã bị mất tích từ thời tiền chiến. Hôm đó có mặt cả nhà văn Sơn Nam, người bạn già lừng danh của thi sĩ Kiên Giang từ thời kháng Pháp. Chú Kiên Giang nói “Sau thời Tự Lực Văn Đoàn coi như thất truyền luôn kịch thơ, một thể loại độc đáo có thể đưa lên sân khấu trình diễn thành ca nhạc kịch hoặc giao hưởng hợp xướng. Chú mày có nhiệm vụ khôi phục nó”. Để ra đời được THÀNH TABERD hai vị tiền bối Sơn Nam và Kiên Giang đã nuôi com tôi bằng lon guigô hơn nửa tháng trời tại chùa Phụng Sơn Tự tức chùa Gò tọa lạc trên đường Ba Tháng Hai

(tức đường Trần Quốc Toàn nói dài). Tại chùa Gò, ngoài chú Kiên Giang đưa đón, cứ vài ngày bố già Sơn Nam lại đến thăm tôi động viên ủy lạo tinh thần. Và chưa hết, khi bản thảo THÀNH TABERD hoàn thành bằng... bút chì (vì chú Kiên Giang quá nghèo không có bút nguyên tử) hai tiền bối lại đưa tôi đến gõ cửa giám đốc Sở Văn Hóa Thông Tin Dương Đình Thảo để chú Sáu Thảo hỗ trợ phân đánh máy cho vở kịch được lịch sự hơn.

Như nhiều người đã biết, nhà thơ Kiên Giang nổi tiếng trong thi đàn Việt Nam với bài thơ “*Hoa trắng thoi cài trên áo tím – Từ ngày binh lửa ngập quê hương...*” được phổ nhạc. Tuy nhiên tôi yêu mến nhất bài thơ TIỀN VÀ LÁ của ông, bài thơ hay đến nỗi một tờ báo ngoài Bắc ngộ nhận là thơ của thi sĩ Nguyễn Bính. Bằng trí nhớ lồm bồm, tôi xin chép ra đây bài thơ đó của ông, nếu sai chữ nào mong chú Kiên Giang lượng thứ:

TIỀN VÀ LÁ

*Ngày xưa hót tóc miếng vùa
Ngày xưa mẹ bắt đeo bùa cầu Ông
Đôi ta cùng học vỡ lòng
Đắt tay qua những cánh đồng lúa xanh*

*Đôi nhà cùng một sắc tranh
Chia nhau từng một trái chanh trái đào
Đêm vàng soi bóng trăng cao
Ngồi bên bờ giếng đếm sao trên trời*

*Anh moi đất nắn tượng người
Em tha thân nhặt lá rơi làm tiền
Mỗi ngày chợ họp mười phiên
Anh đem tượng đất đổi tiền lá rơi*

*Nào ngờ mai mĩa cho tôi
Lớn lên em đã bị người ta mua
Kiếp tôi là kiếp nhà thơ
Vốn riêng chỉ có một mùa lá rơi*

*Tiền không là lá em ơi
Tiền là giấy bạc của đời in ra
Người ta giấy bạc đầy nhà
Cho nên mới được gọi là chồng em*

*Bây giờ những buổi chiều êm
Tôi đem lá đốt khói lên tận trời
Người mua đã bị mua rồi
Chợ đời họp một mình tôi. Vui gì...*

Riêng với chú Sơn Nam thì tôi có mối giao du đặc biệt hơn. Tôi và bố già Sơn Nam đã gắn bó với nhau suốt hai thập niên 1980-2000 từ thời nhiều vị mệnh thường quân giúp đỡ chúng tôi còn sống. Trên chiếc xe đạp cộc cạch và sau này trên chiếc xe gắn máy thô tả, tôi đã chở bố già Sơn Nam đi gõ cửa tìm kiếm niềm vui hoặc hứng chịu nỗi buồn thâm thẳm từ những cái lắc đầu. Nhớ những lần đến nhà ông Võ Văn Kiệt, một người đồng chí cũ của Sơn Nam cùng hoạt động trong tình ủy Long Châu Hà ngày xưa, tôi thấy mắt bố Sơn Nam sáng lên khi khoe tôi một cái bì thư đẹp lép hoặc năm món “cắm đùm sấm đĩa lóp” phụ tùng xe đạp mới toanh có thể đi bán chợ trời kiếm tiền nhậu lai rai. Rồi những lần ghé báo Công An TP thăm Huỳnh Bá Thành, lúc trở ra bố vừa hạnh phúc vừa ngậm ngùi trước chút lòng hào kiệt đối với kẻ sĩ mạt lộ. Mới đây ngày 13-8- 2008 được tin bố già mất, tự nhiên tôi sực nhớ một câu nói bất hủ của Sơn Nam khi luận về văn chương: “*Văn học Việt Nam sau giải phóng trống trơn như nước đổ xuống rã*”. Bố già ơi, câu nói bố hoàn toàn chính xác đối với thành phần sáng tác... quốc doanh. Đất nước chúng ta nghèo quá, ai giàu đâu chẳng biết nhưng chỉ thấy muôn đời kẻ sĩ có lòng tự trọng lại quá nghèo. Viết đến đây tôi không thể không chép lại bài thơ hiếm hoi của bố in trong trang đầu cuốn HƯƠNG RỪNG CÀ MAU nổi tiếng. Bài thơ như một nén nhang ngưỡng mộ hương hồn bậc dị sĩ kỳ nhân:

THƠ SƠN NAM

*Trong khói sóng mênh mông
Có bóng người vô danh
Từ bên này sông Tiền
Qua bên kia sông Hậu
Mang theo chiếc độc huyền
Điệu thơ Lục Vân Tiên
Vài câu chữ:
Kiến nghĩa bất vi vô dòng già
Từ Cà Mau, Rạch Giá
Cát chồi đốt lửa giữa rừng thiêng
Muỗi, vắt nhiều hơn cỏ
Chướng khí mù như sương
Thân không là lính thú
Sao chưa về cố hương?
Chiều chiều nghe vượn hú
Hoa lá rụng buồn buồn
Tiễn đưa về cửa biển
Những giọt nước lìa nguồn
Đôi tâm hồn cô tịch
Nghe lắng sâu cô thôn
Dưới trời mây heo hút
Hơi vọng cổ nương bờ tre bay vút
Điệu hò ơ theo nước chảy chan hòa
Năm tháng đã trôi qua*

*Ray rứt mãi đòi ta
Nắng mưa miền có thỏ
Phong sương mấy độ qua đường phố
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê...*

Trở lại chuyện cuối năm 1977 chiến tranh biên giới nổ ra. Thắng em ruột tôi là Bùi Chí Quang là sĩ quan từ Trung Đoàn Củ Chi Đất Thép chuyển qua Trung Đoàn 2 Công An Vũ Trang Biên Phòng đóng quân ở mặt trận Tây Nam đã tử chiến với bọn chư hầu Khờ Me Đỏ Pôn Pốt dưới quyền điều khiển của thiên triều Trung Quốc. Những trận tử chiến triền miên ngay sau giải phóng, thế mà báo chí lẫn truyền thanh truyền hình đều câm như hến, im như thóc. Mãi đến khi xác người chết bay về hậu phương dồn dập, những cuộc thăm sát người Việt ở biên giới diễn ra thì nghị quyết bảo vệ tổ quốc mới được triển khai. Lúc này tôi không còn hào hứng gì với giải thưởng văn học thành phố Hồ Chí Minh năm 1976-1977 qua tập thơ HẠNH PHÚC CÓ THẬT vừa trúng giải. Lúc này đối với tôi chỉ còn hai phe: một phe gồm những người trẻ tuổi quả cảm dám ra chiến trường đánh giặc, phe còn lại là lũ mị dân ngồi trong phòng tiện nghi mồm loa mép dải hò hét tiến công nhưng dậm chân tại chỗ để bảo vệ cái ghế, đại gì cầm súng chết uổng mạng. Tôi đã làm ngay một bài thơ thời sự để mô tả sự phản ứng của mình:

BIÊN GIỚI SALÔNG

*Tôi căm thù sự bất công và rảnh rỗi
Thường được trá hình bằng những dạng âm thanh nổi
Hãy nghe chúng bàn biên giới ở đâu
Trên chiếc ghế véc-ni: nhân vật và những ly kem dâu*

*Tôi căm thù tiếng động ồn ào
Tiếng huýt sáo, tiếng của kẻ thích làm tình, tiếng nói tục
Hãy nghe chúng bàn biên giới ở đâu
Qua tiếng động thời trang xuất sắc*

*Biên giới nếu chỉ là đấp số của ngôi nhà bình yên rào kềm gai, nuôi chó Nhật
Tích trữ tiện nghi, phụ nữ, dạ dày
Thì hãy để miệng tôi nhỏ đờm và đầu tôi biết lắc
Để làm một người chiến sĩ thơ ngây*

Biên giới Salông không ở hướng Tây...

Năm 1978 sau ba lá đơn tình nguyện, tôi lên đường đi bộ đội trong đợt Hồng Bình rầm rộ của các cán bộ công nhân viên Thành Đoàn. Năm ấy tôi đã 24 tuổi, có vẻ là một “lính già” lão luyện so với đám non tơ tuổi 18 đôi mươi mới lần đầu sờ ngón trở đến cò súng. Trên tư thế một nhà thơ trẻ vừa đoạt giải thưởng văn học thành phố đầu tiên sau giải phóng, tôi được Nhà Văn Hóa Thanh Niên tổ chức một buổi đọc thơ trong đêm thơ nhạc đặc biệt tại số 4 Duy Tân dành cho hàng ngàn thanh

niên vừa trúng tuyển nghĩa vụ quân sự. Đêm đó trước sự cổ vũ của đám đông cuồng nhiệt, tôi đã đọc khá nhiều bài thơ, trong đó có bài thơ sau đây mà tôi còn nhớ:

KHI ANH CÀM SÚNG

*Buộc vào ba lô sách Lỗ Tấn
Ca hát như một chàng di- gan
Ta vừa nghịch ngợm vừa đứng đắn
Khi đã quàng vai khẩu súng trường*

*Rừng nhờ người đi mà thành đường
Ta nhờ tự do mà thành lính
Đường, áp tai nghe mùi quế hương
Lính, áp má thấy nòng thép lạnh*

*Biên giới như người đau mới mạnh
Giặc sang truyền dịch sốt rét rừng
Lẽ nào ta ngồi ôm ảo ảnh
Nhấp ngụm trà luận chuyện văn chương*

*Em có thể bàn về thiên đường
Với môi hồng cắn lên trái táo
Riêng ta chỉ biết kể chiến trường
Qua đôi mắt kẻ thù hung bạo*

*Hãy hát bài tình ca nhân đạo
Thay cho câu “bất khí” tầm thường
Và hãy tin rằng sau cơn bão
Mặt trời lại mọc hướng Tây Nam*

Bài thơ như một lời tiên tri. Ngay mùa xuân năm 1979 bộ đội Việt Nam đã giải phóng Tà Keo sau đó quét sạch bọn chur hầu Khờ Me Đỏ khỏi đất Campuchia trong vòng một tuần lễ. Ở mặt trận phía Bắc, thiên triều Trung Quốc cũng bị đánh không còn manh giáp phải cuốn xéo về nước sau chiến dịch tấn công cổ điển theo kiểu biển người. Chúng tôi gồm ba thằng Thành Đoàn chơi thân với nhau, cùng lên đường một lượt là tôi, Sáu Quốc, Bảy Dũng thì Sáu Quốc đã nằm lại vĩnh viễn trên đất nước Chùa Tháp xa lạ.

Tôi mặc áo lính không hề êm thấm. Hồi ở phòng chính trị Bộ Tư Lệnh Thành làm báo Quyết Thắng chiều chiều trong doanh trại thấy các cô bộ đội tuổi mới lớn hào hức nhìn lên cây me nuốt nước miếng. Môi các cô đỏ mọng, mắt lồi ra, bao nhiêu cử chỉ xấu khác đều tập trung vào sự thèm muốn lúc đó. Tôi và thằng Bảy Dũng bên bộ đội thiết giáp cầm lòng không được nên hai đứa thoãn thoắt trèo lên cây và rung cành tha hồ cho trái rụng. Kết quả Bảy Dũng đẩy một chiếc xe ba bánh đầy

me ra khỏi cổng để đổi lấy chút hơi men đàn ông lai rai ba sợi, còn các cô bộ đội thì thu gom các ba lô ăm ắp me dốt. Tất nhiên là chúng tôi bị kỷ luật. Tôi có làm bài thơ kỷ niệm về điều đó:

TÊN CÔ DẮC TÊN THỔ PHỈ

*Cũng có thể vì anh ba gai
Và nheo mắt trái được mười lăm phút
Nên các em thường hát mặt nhún vai
Trước khi nói: ê, tên cô-dắc*

*Tên cô-dắc từng làm em khóc ngất
Hắn thấy con sâu lên chiếc ghế em ngồi
Tên cô-dắc từng làm em cười khúc khích
Hắn nhảy hàng rào Bộ Tư Lệnh đi chơi*

*Cũng có thể vì anh đen thui
Nhậu nhẹt đánh nhau nhiều hơn suy nghĩ
Nên các em thường chớp mắt cong môi
Trước khi nói: ê, tên thổ phỉ*

*Tên thổ phỉ từng làm em say lúy túy
Hắn đổ chai “rum” lên mái tóc em mà
Tên thổ phỉ từng làm em thành bác sĩ
Hắn rên hừ hừ dù sốt rét sơ sơ*

Mới đây khoảng năm 2004 lúc được nữ đạo diễn Mỹ Khanh mời đóng vai người đào huyệt Hai Màu trong phim XÓM CÀO CÀO tôi bất ngờ gặp lại một trong những cô bộ đội thềm me chua ngày ấy. Cô nàng bây giờ đã là một diễn viên sân khấu và điện ảnh tên tuổi. Cô cũng đóng một vai chủ quán rượu trong phim. Cô nói với tôi tại trường quay: “*Hồi đó chiều nào anh cũng đứng dựa bờ tường Bộ Tư Lệnh Thành với đôi mắt buồn hiu. Tụi em đều biết anh là nhà thơ nhưng chưa thấy nhà thơ nào có đôi mắt buồn như vậy. Có lần nhìn anh, em đã khóc*”.

Sau một vài đợt bị khuyến cáo ở Bộ Tư Lệnh Thành, tôi được đáp ứng nguyện vọng là ra đơn vị chiến đấu, nhưng không phải chiến đấu với kẻ thù xâm lược mà lên đảo Long Sơn thuộc Trung Đoàn 10 Rừng Sát. Ở đây tôi sống bằng những giai thoại truyền khẩu về đặc công thủy, về cách đối phó với cá sấu dưới nước, về sự tích lưu lạc hào hùng của những người Bình Xuyên chạy Ngô Đình Diệm trốn ra hải đảo. Tôi tập cách săn kỳ nhông, cách bắt rắn và lột da rắn. Các bạn phải biết là rắn ở đảo Long Sơn nhiều vô kể. Cứ mùa mưa đi trên đường mòn là phải khua gậy để xua chúng. Ngủ trên bộ ván thọc chân xuống giày bố là coi chừng rắn chàm quạp chui ra mổ chết ngất. Thường thức trà buổi sáng nên cảnh giác bởi rắn lục

xanh có thể từ trong vòi chui ra. Ngay trên xà nhà nhìn xuống đầu giường nơi tôi nằm ngủ, nhiều lần chứng kiến rắn rồng đu đưa phát khiếp. Ông bà nói “*Ở nhà rắn rồng, ra đồng hổ ngựa*” quả thật chí lý, lúc chúng rời khỏi nhà là biến thành rắn hổ ngựa góc đầu rượt lại bộ đội như chơi. Nói là nói vậy nhưng sống chung với rắn riết rồi cũng quen. Tôi quen thuộc với chúng đến mức cùng đồng đội rình bắt những con rắn hổ đất khổng lồ trốn trong bụi hoặc dưới giếng, để moi ruột phơi khô. Tôi dùng đá dằn xương rắn ra cho mềm nhũn rồi cứ thế mà phơi dưới nắng mặt trời. Có lần về phép ghé thăm đồng chí Võ Ngọc An tức Bảy Câu từng là sếp đầu tiên của báo Tuổi Trẻ, tôi đã lòi từ ba lô ra mớ khô rắn vằn vện khổng lồ bày trước mặt ông. Tôi thấy sếp cũ nhìn tôi như nhìn một con khủng long thời tiền sử. Tất nhiên là ông nhét túi tôi một ít tiền để tôi chuồn đi đâu đó nhậu cho lạ.

Năm 1980 tôi vĩnh biệt Trung Đoàn Rừng Sát sau một cuộc xô xát bằng tinh thần lẫn bạo lực với cấp chỉ huy tiểu đoàn. Những tay chỉ huy có máu phân biệt địa phương cục bộ đã gọi chúng tôi, những chiến sĩ trẻ tuổi tình nguyện của thành phố là “*những kẻ cần được cải tạo xứng đáng hơn là được cầm súng*”. Những chiến sĩ trẻ người Sài Gòn trong đơn vị đặc công thường xuyên bị đàn áp bởi họ từ gốc Thanh Niên Xung Phong chuyển qua. Những lúc ấy anh em thường cầu cứu tôi vì tôi là người giỏi chữ nghĩa giỏi ăn nói, có quá trình tham gia cách mạng. Tôi buộc phải thay mặt họ đương đầu với quyền lực độc đoán trong quân đội. Hậu quả là tôi bị nhốt ở quân lao Nhà Bè và sau đó bị áp giải về quân lao H39 của Bộ Tư Lệnh Thành Phố. Cuộc đời quả là một vòng tròn luân hồi tàn nhẫn. Tại quân lao H39 tôi bị biệt giam trong một căn phòng chỉ có một lỗ nhỏ như mắt cáo vừa đủ thò mũi ra thở, muốn nói chuyện với người bên cạnh phải dùng ngón tay gõ morse theo kiểu hướng đạo sinh. Nhờ vậy tôi biết được phòng biệt giam kế bên là một sĩ quan Huyện đội trưởng chuyên tổ chức đánh bãi cho người vượt biên. Thượng bất chính hạ tắc loạn, mầm móng của thời đại suy đồi vô lý tưởng đã bắt đầu xuất hiện. Tôi bị đối xử như một kẻ sắp lãnh án tử hình, bữa ăn gồm nước trà pha muối thay nước mắm với một chén bo bo đầy sạn, cát. Mỗi lần được ra ngoài lao động tắm heo chừng 10 phút là tôi phải giành giựt với lũ heo mọi những cọng rau muống cải thiện dai như đĩa trồng trên đám đất bùn sinh. Chỉ cần nuốt mấy cọng rau muống bần thiêu ấy là tôi như được hồi sinh. Có lần tôi đã gầm lên với gã thượng sĩ giám thị quân lao rằng tôi sẽ dùng lưỡi lam hoặc răng cắn đứt mạch máu cổ tay tự sát khiến gã hoảng sợ. Gã biết tôi làm thật nên đổi thái độ. Gần đến ngày Tết đột nhiên gã nổi máu “văn hóa” gõ cửa phòng biệt giam xin thơ tôi như viên cai ngục trong truyện ngắn Nguyễn Tuân xin “*Chữ Người Tử Tù*”. Tôi viết ngay cho gã hai câu đối của Cao Bá Quát khi bị triều Nguyễn giam cầm: “*Một chiếc cùm lim chân có Đé – Ba hàng xích sắt bước thì Vương*” ...

Không biết có phép lạ không mà sau Tết tôi được chuyển qua trại giam dân sự của công an Quận 3. Lý do chuyển thật đơn giản, coi như tôi bị loại ngũ chuyên về địa phương quản lý và trước khi về địa phương thì phải qua trại giam dân sự. Phòng số 7 nơi tôi bị giam bao gồm khoảng 30 người đàn ông trong một diện tích chật hẹp, hẹp đến mức hai hàng người nằm châu đít xếp lớp với nhau, mỗi người bề ngang “1 viên gạch bông” bề dài “4 viên gạch bông”. Tất cả hầu như lỏa lồ, trên người

chỉ độc chiếc quần xà lỏn hoặc xì líp. Bệnh rận lông có dịp hoành hành, chỉ cần một người bị bệnh hoa liễu hoặc rận lông là lây lan tập thể cực nhanh. Vừa bước vào phòng giam tôi đã phải làm lễ chào Trưởng phòng. Trưởng phòng là một gã đầu hói bụng phệ ngồi chễm chệ trên chiếc chiếu rách duy nhất với hai tên đầu gấu bự con hộ tống. Tôi làm li kê sơ về thành tích từ quân lao chuyển qua khiến chúng ái ngại và thất vọng. Chúng chỉ tôi xuống nằm cuối phòng ôm bô nước tiểu tập thể. Tội nghiệp hai thằng tù “con so” vừa mới làm lễ chào sau tôi bị chúng đánh hội đồng tới tấp rồi moi từ ruột dép sa-pô của họ ra miếng vàng Kim Thành dẹp lép nhét vào quần lót Trưởng phòng như một thứ chiến lợi phẩm sung công. Tôi kiên trì chịu đựng đủ loại nước tiểu của bọn du đảng lưu manh trộm cướp đái văng vãi khỏi miệng bô rơi xuống người tôi trong hai ngày. Ngày thứ ba trong lúc hai tên đầu gấu làm “trật tự” chia cơm, tôi bật dậy hét lớn “*Ai trong đây từng là bộ đội đứng lên. ĐM, lính mà bị đấm trốn lính ăn hiếp là nhục*”. Vừa dứt lời tôi đá thốc vào mặt một thằng trật tự, lúc xoay người định “tập pi” tiếp thằng thứ hai thì hai tên tù “con so” đã thay tôi kết liễu nó nhanh chóng. Tôi nhào tới gã Trưởng phòng mặt mày xanh lét tuyên bố: “*Hôm nay đảo chánh Trưởng phòng*”. Gã im thin thít cho đến lúc công an trực phòng giam thấy lộn xộn bước vô. Tôi điều đình với viên công an trẻ tuổi rằng phòng 7 mới thay Trưởng phòng và mọi chuyện quan hệ với “bên ngoài” vẫn như cũ.

Tôi sống như “vua” suốt một tháng. Trong thời gian bị giam có phái đoàn của Hội Trí Thức Yêu Nước do anh Huỳnh Kim Báu làm trưởng đoàn tới thăm, định bảo lãnh tôi nhưng thất bại bởi tôi không phải là nhà trí thức của Hội. Tiếp đó cũng có vài vị chức sắc ở Thành Ủy, Thành Đoàn đến coi hồ sơ tôi với nhiệm vụ tương tự. Ngày thứ 31 ân nhân cứu mạng tôi là một sĩ quan công an quận 3, sau này tôi mới biết là em của anh Tám Nhân, một cán bộ báo Sài Gòn Giải Phóng từng yêu mến tài nghệ làm thơ của tôi lúc tôi còn ở Thành Đoàn. Tại văn phòng viên sĩ quan mà tôi xin miễn nêu tên ở đây, anh cho tôi xem hồ sơ từ bên Trung Đoàn 10 Rừng Sát chuyển qua, trong đó quy chụp tôi bằng những từ ngữ khủng khiếp: “*mưu sát cán bộ, cướp đoạt chính quyền*”. Anh cười buồn bã “*Thật ra chỉ là một cuộc xô xát nội bộ trong đơn vị có thể giải quyết như hành vi dân sự. Hồ sơ này mà lọt vào tay những người muốn hãm hại nhà thơ là nhà thơ tới số*”. Tôi cảm ơn anh và từ giả trại giam quay trở về mái nhà xưa của mẹ hiền dưới chân cầu Công Lý trong bộ đồ bộ đội xác xơ đầy miếng vá. Từ tư thế một thanh niên đầy nhiệt huyết dám nói dám viết dám sống dám cầm súng và dám chết, tôi trở thành kẻ không hộ khẩu, ngoài vòng pháp luật. Bài thơ HỘ KHẨU HÀNH ra đời từ đó:

HỘ KHẨU HÀNH

*Thiên hạ đẩy ta về một phía
Phía ngàn năm không có mái nhà
Lạy Chúa, đất trời đâu có chật
Lẽ nào thiếu thốn chỗ dung ta*

Bình sinh ghét nhà cao cửa rộng

*Ai để ra lại thích chửi thề
Nhưng thiên hạ ưa trò lêu chõng
Thôi thì nói tục chỉ ta nghe*

*Thôi thì ở ẩn như là Chúa
Chẳng cần hộ khẩu để chứng minh
Ta dù phản đạo quên xem lễ
Cũng phục Giêsu gan cùng mình*

*Giêsu luân lạc, ta lưu lạc
Chúa sống trong hang, ta chợ trời
Thiên hạ còn dăm thặng lác đác
Mang thiên tài đi nói dóc chơi*

*Có nói dóc cũng đừng uốn lưỡi
Uốn bảy lần chi cho thiệt thân
Để đó mà xây chĩnh mới khoái
Rượu ép phê làm mặt đỏ rần*

*Rượu ép phê là trời nhỏ xíu
Chụp, bỏ vào bàn tay lắc chơi
Thiên hạ muôn đời thềm Văn Miếu
Ta chỉ cần chỗ ngả lưng thôi*

Viết đến đây tự nhiên tôi muốn sụp lạy mẹ của mình. Bà ngày xưa là một thiếu nữ có nhan sắc, có thể gọi là mỹ nhân qua những tấm ảnh chụp còn lưu giữ. Bà hát rất hay, thuộc nhiều ca dao hò vè và cổ tích. Tôi không thể hiểu vì sao một mỹ nhân sùng đạo như bà lại cống hiến hết tuổi thanh xuân lẫn đời mình cho cách mạng dù sự thu hoạch hoàn toàn trừu tượng. Thế mà mẹ tôi bây giờ vẫn không ân hận, bà giống như Đức Mẹ Maria hay Quan Thế Âm, bà tiếp tục mở cửa đón bất kỳ người bạn giang hồ nào của tôi, từ chính khách, văn nghệ sĩ nổi tiếng cho đến các thành phần hạ lưu mặt hạng. Căn nhà sàn tồi tàn 235/ 95/44 bis Công Lý và căn nhà ngập nước cống 134/109/261 Lý Chính Thắng trước và sau giải phóng từng chứa và nuôi biết bao nhiêu người. Tôi không thể liệt kê hết những kẻ đang làm quan, đang thành đạt hiện nay đã từng leo lên giường bà ngoại tôi ngủ ké. Tôi cũng không cần kể những người bạn say rượu quá chén được mẹ tôi bôi vôi vào gót chân để ngừa trúng gió đột tử. Tôi chỉ nhớ hoài một câu nói của bà lúc tôi trở về từ quân lao. Mẹ tôi nói: “*Theo cách mạng bỏ Chúa như thế đủ rồi. Con người không thể vô thần mãi. Chủ Nhật nhớ đi nhà thờ con nhé*”. Thừa mẹ, khi viết bài thơ này con vẫn chưa thường xuyên đi nhà thờ, nhưng mỗi lần đọc bài thơ MẸ VÀ CON trong đám đông, con đã làm không ít người rơi nước mắt. Xin chép bài thơ về mẹ của tôi cho các bạn thưởng lãm:

MẸ VÀ CON

Như thế này đã bao nhiêu lần
Con trở về nhà thân thể đầy nam tính
Mùi rượu, mùi mồ hôi đàn bà, mùi định mệnh
Bàn tay níu lấy ngôi nhà
Ngôi nhà thuở ấy mẹ trồng hoa
Con gái đi qua thành ý tứ
Con gái đi qua thành tâm sự
Con gái đi qua thành nhạc thành thơ
Con thả diều bay cho hết ước mơ
Ước mơ hết năm 18 tuổi
Mẹ không còn xoa đầu con nổi
Mẹ muốn đầu con thờ phượng ông bà
Mẹ muốn chân con đi đất như cha
Mẹ muốn bụng con thực thà như mẹ
Mẹ muốn trái tim con khỏe
Để yêu thật nhiều người
Và dạ dày con khỏe
Để ăn được bầu trời

Nhưng mẹ ơi để có bầu trời
Con thụt lùi dưới đất
Người lớn đội cho con nón sắt
Thay bàn thờ ông bà
Người lớn dạy con hái hoa
Bằng cách siết tay cò súng
Người lớn phát giày ống
Không để chân con trần
Vì đất không mọc cỏ
Đất nở toàn đạn bom

Con đi lính Cộng Hòa ba năm
Ở tù không đếm lượt
Đầu và chân tay chết
Chỉ còn sống dạ dày
Dạ dày chứa ngô khoai
Vì mẹ muốn con ăn khỏe
Và vì mẹ muốn con yêu khỏe
Nên trái tim con mãi mãi còn
Con mang dạ dày nghèo và trái tim son
Tháng 4 năm 1975 về gõ cửa
21 tuổi con giấu hết bao nhiêu binh lửa
Vào đôi mắt sắp già
Gặp mẹ con chỉ chừa ra

Cái bụng thực thà son trẻ
Cái bụng thực thà giống mẹ

Nhưng bụng mẹ bụng con thì khác lòng người
Lòng người như sông ngòi
Quanh co theo đồi núi
Lịch sử dạy ông Nguyễn Trãi
Hết vi thần thì ở ẩn mà làm thơ
Lịch sử dạy ông Nguyễn Du
Chưa làm quan thì làm chúng sinh thập loại
Lịch sử dạy đi dạy mãi
Mà con không học thuộc lòng
Trong khi mọi người đổ xô làm cách mạng ở... văn phòng
Con ngu ngốc thuộc thơ Cao Bá Quát
“Mặt trời đỏ đi đằng nào “
Đề dân đen rơi nước mắt
Đầu con thay nón sắt
Bằng mũ cối triều đình
Chân con đổi giày đinh
Bằng những đôi dép lóp
Ngay ngón tay con cũng chẳng thuộc về con được
Ngón tay siết cò súng Nga
Ngón tay từng siết cò súng Mỹ
Oi ngón tay nào do mẹ sinh ra?

Con đi theo giải phóng tám năm
Nói lo sợ ở tù không đếm lượt
Đầu và chân tay hai lần bị chết
Phải kể thêm sự tất thử của dạ dày
Con đem năng khiếu đi mua bán
Thơ trúng giải mà không hay
Thơ rẻ hơn cơm gạo
Thơ mỗi ngày ăn chay
Tráng sĩ bẻ gươm thành thi sĩ
Sao mẹ cười con hoài?

Sao mẹ cười con hoài
Để con bông lơn như trẻ nít
Trong bàn tiệc con làm thơ thích khách
Chém đầu 18 nịnh quan
Thời buổi này ai cũng giống công an
Không đánh xẻng thì đánh giá
Mẹ vẫn cười con và mỗi ngày may vá
Tiền công áo 50 đồng

*Tiền công quần 60 đồng
Trong khi áo quần các em con không đủ mặc
Mẹ vẫn cười con và mỗi ngày tóc bạc
Lưng còng theo chủ trương
Mắt mờ theo nghị quyết
Tay run theo lập trường*

*Mẹ ơi nhớ năm 1984
Tuổi ba mươi con chưa dám lập gia đình
Vợ không rõ thành phần lý lịch
Bạn bè thường tụ tập bắt mình
Nhưng mẹ không bao giờ ban lệnh giới nghiêm
Mẹ không bao giờ xét giấy
Mẹ sợ đôi tay con run rẩy
Rút không ra khỏi túi quần
Mẹ vẫn nấu cơm và vẫn để dành phần
Cho bất cứ thằng bạn nghèo nào của con gõ cửa
Mẹ không cần khuyên con chớ sữa
Con chớ sữa biết lựa mặt con người
Chỉ có con người sữa không lựa mặt
Con người sẵn nhau mẹ ơi!*

Bài thơ MẸ VÀ CON trên đây xem như tạm thời kết thúc phần 3 GIAI THOẠI CỦA THI SĨ...

Tháng 10 – 2008

GIAI THOẠI CỦA THI SĨ, PHẦN 4

Thời kỳ đầu sau giải phóng người Việt Nam gần như chỉ có hai toa thuốc để điều trị dạ dày và sức khỏe. Toa thuốc thứ nhất chính là bo bo tràn ngập trong mỗi bữa ăn. Bo bo vốn dĩ không phải là thứ thức ăn cho người nhưng trong tình trạng đất nước vừa thống nhất lại thiếu lương thực trầm trọng, nên ai nấy đều cố gắng chế biến bo bo bằng đủ mọi công thức luộc, hấp, chiên, xào... đủ kiểu để có thể nuốt trôi vào cuống họng. Ngoài ra những kẻ có năng khiếu ẩm thực có thể hô biến bo bo thành một loại bột giống như bột mì để làm thành mì sợi, bánh bao, nui... với điều kiện vừa nấu chín xong phải xoi tại chỗ, bởi chỉ cần để lâu chừng nửa tiếng là các thành phẩm sáng tạo sẽ cứng như đá. Ở trường Thanh Niên Xây Dựng Cuộc Sống Mới Xuyên Mộc năm 1977 tôi đã từng được ném thứ bánh bao cứng như đá có thể gãy răng nanh như chơi từ nhà bếp hậu cần:

SIÊU THỰC PHẨM

Ở một thời kỳ mà ngay cả bột mì

*Cũng hóa thành thức ăn tận kỳ nhất
Bóp nhẹ đôi tay thành bánh bao lúc lắc
Thêm vài cọng hành húp được bữa canh nui
Bóp thật nhanh vì bao tử rã rời
Dù được trang bị một bộ lý luận
Húp thật chậm vì dạ dày trống rỗng
Dù được nhai xong quan điểm lập trường...*

Toa thuốc thứ hai chính là xuyên tâm liên. Xuyên tâm liên là những viên thuốc tròn màu đen ngó như cứt chuột được các viện bào chế nội địa tung ra để trị bá bệnh. Hồi đó các bạn chỉ cần gõ cửa các trạm y tế phường xã là sẽ được bác sĩ lần y tá cung cấp ngay một lô đại trà xuyên tâm liên cho dù bệnh các bạn có là cảm mạo thông thường hoặc xuất huyết bao tử, sưng gan, ung thư, giang mai hay cùi hủi. Đặc biệt xuyên tâm liên được điều trị cho cả trẻ con lẫn người già. Yêu cầu duy nhất là miễn giải thích bởi khả năng ngành y không thể có được thuốc kháng sinh. Trong tình thế cơm không có ăn, áo không đủ mặc như thế nhưng Việt Nam vẫn lập được chiến công vĩ đại là đưa người vào không gian. Tôi còn nhớ chuyến bay “mãnh long quá giang” của Phạm Tuân trên tàu vũ trụ Liên Xô được giới văn nghệ giang hồ truyền khẩu bằng hai câu ca dao như sau: “Hoan hô đồng chí Phạm Tuân – Đang ở dưới đất bỗng tung lên trời”. Sự kiện hài hước ấy đã giúp tôi làm một bài thơ kỷ niệm sau khi phỏng vấn bà ngoại 70 tuổi của mình:

ĐỐI

*Tôi mang con đối về nhà
Các em tôi đứng chờ với cái bụng lò xo
Đôi mắt các em tôi chảy nước miếng
Giá tôi biến thành cục thịt bò màu tím
Được ram cẩn thận ở nhà hàng quốc doanh Lê Lai*

*Tôi nắn lên những đốt xương sườn có giá trị ngang những khúc cây
Nơi lòng ngực người yêu tôi hô hấp
Cặp vú của nàng xa lạ với chữ “mập”
Như đĩa hiệp dâm xa lạ với nhà chùa
Nếu trời cho tôi có bùa
Tôi sẽ “thur” hết những kẻ ăn cơm một ngày ba buổi*

*Con đối không biết nói đối
Má tôi không biết đánh bài cào
Bà ngoại tôi không biết Phạm Tuân bay ở hướng nào
Nhưng biết khoai mì thiếu phân sẽ sượng
Biết mỗi tiếng còi giao thông là mười đồng to tướng*

*Mỗi ngày tôi lại ra đi
Mặt gừa tay xin nhiều kiếu cầu kỳ*

*Sân khấu hóa trang đứng ngời chòm hỏm
Tôi thấy văn học đục tường ăn trộm
Hội họa, âm thanh ghé tiệm cầm đồ
Tôi thấy xe hơi cầm lái là bò
Biệt thự mở vào khép ra đầy chó
Heo mặc áo vest cười rung cửa sổ
Mệnh phụ tụt quần đứng ngóng ngã tư
Thấy mắt tôi đui, màng nhĩ tôi ù
Thấy tôi trở về mang theo cơn đói
Á điểm trở về mang theo hơi thối*

*Á điểm được no nhờ bước hai hàng
Tôi được làm người nhờ đói quanh năm*

Một trong những kẻ sĩ ngoài Bắc đầu tiên mà tôi tiếp xúc sau giải phóng là Lưu Trọng Văn, con trai thi sĩ tiền chiến Lưu Trọng Lư. Qua Lưu Trọng Văn, tôi có dịp làm quen với cặp vợ chồng nhà thơ nổi tiếng ngoài đó là Lưu Quang Vũ, Xuân Quỳnh. Tôi có một kỷ niệm riêng đặc biệt với Lưu Quang Vũ một đêm ở Hồ Con Rùa mà không tiện kể ra đây. Chỉ biết lúc đó anh đã kể với tôi về thời gian tuyệt vọng không lối thoát khi B52 dội bom miền Bắc, thậm chí anh đã có ý định tự sát dưới mưa bom (nhưng bất thành) khi tổ chức và đồng nghiệp tỏ ra nghi ngờ lòng yêu nước của mình. Cuối năm 1977 Lưu Quang Vũ là một trong vài người ngăn cản tôi đi bộ đội khi tôi cho anh xem những lá đơn tình nguyện ra biên giới chiến đấu. Bằng kinh nghiệm cá nhân của một người cầm súng phía Bắc, có lẽ anh hiểu rằng tôi không thích hợp với trò chơi phe nhóm của chiến tranh. Kỷ niệm văn nghệ của chúng tôi được ghi nhận bằng tuyển tập thơ NHÌN NHAU VÀ NÓI do tôi và anh Tôn Thất Mạnh Tường phụ trách tập hợp, đặt tên và biên tập. Trong tuyển tập thơ NHÌN NHAU VÀ NÓI ra đời cuối năm 1975 mang ý nghĩa thống nhất thơ ba miền do Thành Đoàn xuất bản này, tôi đã chọn một bài thơ của Lưu Quang Vũ dù lúc đó chưa quen biết anh. Bài thơ nói lên tâm trạng trống rỗng của người lính sau khi đất nước thống nhất, bài thơ độc đáo đối với độc giả phương Nam bởi không nằm trong dòng chảy của thơ minh họa và thơ đồng phục. Bài thơ ấm áp tính người. Đáng tiếc đến giờ này kho sách của tôi đã bị mất tuyển tập đầu tiên ấy.

Ngay từ hồi mới quen, Lưu Trọng Văn đề nghị tôi nên viết hồi ức về những gì mà chính tôi nếm trải trong chiến tranh. Tôi trích từ tự truyện HAI HÀNG ĐỌC, TRƯỚC THẮNG vừa hoàn thành trong tháng 5 – 1975 ra một chương gần cuối đặt tựa là “LOÀI CHIM ĐI BIÊN” và gửi Lưu Trọng Văn đăng báo Văn Nghệ Trung Ương ngoài Bắc. Các bạn nên biết bốn chữ LOÀI CHIM ĐI BIÊN thoát nghe có vẻ cực kỳ thơ mộng, nhưng thực chất đó là tên gọi triển khai một cách hài hước của bốn từ “LAO CÔNG ĐÀO BINH” gọi tắt là “LCĐB”, là tên gọi chung những sĩ quan binh lính Việt Nam Cộng Hòa đào ngũ, bỏ ngũ, phản chiến, bị giam ở quân lao, cuối cùng gom lại tập trung đưa đi làm lao công chiến trường như một thứ “bia đỡ đạn”. LCĐB còn được gọi nôm na là “Lũ Chó Đái Bậy” hoặc “Lính Chiến Đòng Bàng”... Ngay khi vừa xuất hiện trên mặt báo, truyện ngắn LOÀI CHIM ĐI

BIÊN đã gây tiếng vang và được dư luận ngoài đó nhận xét như một thứ bút pháp lạ. Sau này có dịp tôi sẽ cho ra mắt tự truyện trên. Tôi còn nhiều lần gặp lại Lưu Trọng Văn ở tòa soạn báo Lao Động trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa lúc anh về làm báo cùng với nhóm các anh Lý Quý Chung, Hoàng Thoại Châu, Trần Trọng Thức... Nhà thơ Hoàng Thoại Châu vừa là đàn anh vừa là đồng nghiệp cũ của tôi thời kỳ đầu làm báo Tuổi Trẻ, anh từng đoạt giải nhất thơ miền Nam thời Nguyễn Văn Thiệu và sau đó ở tù Côn Đảo vì hoạt động chính trị. Nhà báo Trần Trọng Thức thường đặt bài tôi viết về mảng phóng sự của những con người dưới đáy xã hội như những người bán vé số hát rong, bán ve chai, xích lô xe kéo vỉa hè, đám giang hồ anh chị sống ngoài vòng pháp luật... Riêng ông Lý Quý Chung, cựu dân biểu Sài Gòn kiêm nhà báo thể thao dưới bút hiệu Chánh Trinh, là người hỗ trợ tôi về tài chánh tích cực nhất. Mỗi lần xảy ra sự kiện bóng đá Euro hoặc World Cup ông thường đặt hàng tôi những bài thơ thời sự bóng đá nóng hổi, nhuận bút mỗi bài thơ tương đương “một chỉ vàng”. Trong tư thế của một người cầm bút tự do không hề lãnh lương bất cứ nơi đâu, thú thật là tôi rất cảm kích điều đó. Với khoản thu nhập sau mỗi sự kiện thể thao, tôi góp phần bảo vệ sự sống gia đình mà không phải hạ mình trước áp lực nào. Tôi còn nhớ bài thơ THI HÀNH đọc cho Lý Quý Chung nghe ở nhà hàng Thanh Niên khi ông mở quán. Hôm đó có mặt cả anh Huỳnh Bá Thành và vài thân hữu...

THI HÀNH

*Thi ca cũng hết như bóng đá
Hạng A thừa mà hạng B dày
Làm thơ cả nước 50 triệu
Trở thành thi sĩ đếm đầu tay*

*Trở thành thi sĩ đều thê thảm
Đưa bán ve chai, đưa chợ trời
Đưa nào cũng mảnh đồ quốc cấm
Chỉ trờ thơ chẳng quốc doanh thôi*

*Thơ quốc doanh sơ sơ ngàn đũa
Chen chúc nhau mà đấu võ đài
Mảnh mung chôm chĩa nghề buôn chữ
Nghị quyết chuyên nhau giắt lỗ tai*

*Nghị quyết chuyên nhau thơ cổ động
Mặc sức mà đi khách niêm văn
Chai mặt còn hơn nghề nằm ngửa
Lấy chồng chẳng để một phương không*

Đã thế còn học đòi viết lách

*Đội trên đạp dưới, bợ triều đình
Mình ta đủ chấp ngàn pho sách
Ngựa mồm chửi đồng cũng thành kinh*

*Điểm danh thấy tui cho văn học
Ngựa hết bàn tay muốn khóc thâm
Hạng A chưa kín trên mười ngón
VẬY mà quá nửa phụ nhân dân*

*VẬY mà quá nửa lo kiếm chác
Thuở nhiều nhưong, Phật phải xa chùa
Chúa ngừng giảng đạo vì chiên đói
Chữ nghĩa làm sao khỏi muối dưa*

*Chữ nghĩa làm sao không chạy tịnh
Vũ Hữu Định say chết giữa trời
Lên núi Nguyễn Đức Sơn mài kiếm
Xuống đường Bùi Giáng giả điên chơi*

*Nói chung thi phú chờ thi bá
Hạng A còn chùng ấy giang hồ
Những thằng lòn cúi ta khai tử
Sợ đói làm sao trí tuệ no*

*Sợ đói cho nên thơ tiền chiến
Khom lưng mà an phận kéo cày
Bao danh sĩ, danh không liêm sĩ
Từ hạng A rớt xuống B ngay*

*Thi ca cũng hết như bóng đá
Hạng A thừa mà hạng B dày
Riêng ta tên tuổi tìm không có
Hay chờ ngoại hạng mới kê khai...*

Nói về chuyện bị áp lực của dư luận, tôi là thằng thường xuyên bị “Đảng nghi ngờ, nhân dân chú ý”. Trong hai năm 2007, 2008 hai đài phát thanh là BBC và RFA mỗi đài phỏng vấn tôi khoảng 4 lần, mỗi lần từ vài phút cho đến cả tiếng đồng hồ. Những cuộc phỏng vấn xoay quanh chuyện làm báo trong nước và chuyện hành nghề cầm bút. Những cuộc phỏng vấn trực tiếp và bất ngờ đó không hề có thù lao cho người được phỏng vấn dù có người tưởng rằng tôi được trả rất nhiều tiền. Tất nhiên là trước khi thực hiện phỏng vấn, bằng phép lịch sự của nghề báo quốc tế thừa nghiệp vụ và đầy kinh nghiệm, họ thường hỏi tôi rằng có đồng ý trả lời những câu hỏi hóc búa của họ hay không... Mới đây nhất sau bài trả lời phỏng vấn đài BBC ngày 13-5-2008 về vụ hai nhà báo trong nước bị bắt vì những bài báo liên

quan đến PMU 18, tôi lập tức bị một vài blog cá nhân nặc danh xuất phát từ báo Tuổi Trẻ và vây cánh của họ tấn công chụp mũ trên mạng. Trong đó đòn tấn công bản thủ, ti tiện, trắng trợn nhất là vu cáo tôi “rời khỏi báo Tuổi Trẻ vì ăn cắp xe đạp”... Nếu các bạn đã từng đọc qua loạt hồi ký GIAI THOẠI CỦA THI SĨ nhất là GIAI THOẠI CỦA THI SĨ, PHẦN 3 mà tôi từng tiết lộ cách tôi rời khỏi báo Tuổi Trẻ như thế nào, sau ba lá đơn tình nguyện đi bộ đội trong đợt Hồng Bình của Thành Đoàn, sau đêm đọc thơ long trọng rầm rộ ở Nhà Văn Hóa Thanh Niên năm 1978 dưới sự chứng kiến của các cấp lãnh đạo Thành Ủy, Thành Đoàn và hàng ngàn công chúng trẻ thì mới thấy việc vu cáo trên đúng là “trét cứt” vào mặt chính cấp trên của chúng đã đưa tiễn tôi lên đường. Hôm đó anh Lê Công Giàu, đang đương nhiệm phó bí thư Thành Đoàn kiêm chỉ đạo trực tiếp báo Tuổi Trẻ đã ngậm ngùi bắt tay tôi sau buổi đọc thơ nói rằng: “*Thơ ông hay lắm, Chỉ tiếc rằng ông sinh bất phùng thời, không có đất dụng võ*”.

Tôi có làm hai bài thơ sau đây để trả lời bọn tiểu nhân ném đá giấu tay sau vụ trả lời đài BBC. Bài đầu tiên “đâm” thẳng vào một blog cá nhân đòi “tát vào mặt Bùi Chí Vinh”:

PHẢN ỨNG CỦA THI SĨ

*Chúng tát vào má phải của Giê Su
Giê Su chừa má trái
Chúng tát vào má ta bên phải
Ta không làm Giê Su
Ta tập trung một thể hệ cầm thù
Để chừa ra... quả đấm!*

Bài thứ hai mang tựa SÁU MẶT CON XÚC XẮC vạch trần chân tướng lũ cơ hội trong giới làm báo và cầm bút ở Việt Nam đang lăm le thu hoạch địa vị và lợi nhuận lần thứ hai nhờ những đảng viên cầm quyền biến chất và suy thoái:

SÁU MẶT CON XÚC XẮC

*Khi các người đua nhau xu nịnh Đảng
Để hằng mong kiếm địa vị cho mình
Thì ta lưu lạc trong lòng cách mạng
Làm thơ khuyên người nghèo KHOAN nói chuyện tiếu lâm*

*Bây giờ các người lại đua nhau dè bĩu Đảng
Để lần thứ hai kiếm lợi nhuận cho mình
Thì ta tiếp tục lưu lạc trong lòng cách mạng
Làm thơ khuyên người nghèo NÊN nói chuyện tiếu lâm*

Trở lại chuyện “*ăn cắp xe đạp*” vớ vẩn, có lần dự liên hoan sinh nhật cuối năm của báo Mục Tím tôi đã ngồi cùng bàn với đồng chí Phan Xuân Biên (Trưởng Ban

Tuyên Giáo Thành Ủy) và nhiều văn nghệ sĩ khác, tình cờ được nghe chính ông Phan Xuân Biên kể về giai thoại tôi “câm nhảm xé điếc” của vợ ông tại nhà xe chung cư 190 Nam Kỳ Khởi Nghĩa (đường Công Lý cũ) thuộc Hội Văn Nghệ Giải Phóng phía Nam. Câu chuyện của ông đã làm mọi người cười bể bụng. Cần mở ngoặc đơn chỗ này, Phan Xuân Biên không hề xa lạ gì với gia đình tôi, ông cùng chung đơn vị với cậu ruột Tám Ruby của tôi tại Biệt Động Thành Đội. Cậu Tám Ruby thuở còn sống có nói với tôi rằng ông Biên làm trợ lý cho Thiếu Tướng Tư Lệnh Biệt Động Thành Trần Hải Phụng (tức ông Ba Đặng). Câu chuyện mà ông Biên kể đại khái như sau: Khoảng năm 1977 tôi đến chung cư 190 Nam Kỳ Khởi Nghĩa chơi với các nhà văn Trang Thế Hy, Chim Trắng và chiều tối có ghé thăm nhà thơ Trần Nhật Thu ăn cơm rồi mượn chiếc xe đạp mini của Trần Nhật Thu để đi công chuyện vài ngày. Dĩ nhiên là anh Thu đồng ý và chỉ tôi xuống nhà xe tập thể để lấy “xé điếc”. Trong cơn say xin kèm theo bóng tối nhập nhoạng, tôi đã lấy lộn một chiếc xe đạp mini khác dựng kế xé điếc của Trần Nhật Thu. Và tôi đã chạy luôn một mạch ba ngày mới quay trở lại nhà xe để trả cho khổ chủ. Tôi không hề biết rằng trong thời gian đó khu tập thể văn nghệ sĩ giải phóng náo loạn vì bà vợ của đồng chí Phan Xuân Biên tri hô bị... mất xe. Khách khứa đến chung cư ba ngày trước đều bị khoanh vùng, trong đó có tôi, và tất nhiên bộ dạng giang hồ của tôi đáng bị nghi ngờ nhất. Anh Biên kết luận sau câu chuyện hài hước đó tại báo Mục Tím: *“Bùi Chí Vinh sinh ra để ăn cắp cái gì khác lớn hơn chó đầu phải chiếc xe đạp”*.

Đó là câu chuyện xảy ra ở một chế độ mà ai cũng có thể nghi kỵ lẫn nhau từ người trên xuống kẻ dưới, từ kẻ có quyền lực quyết định sinh mạng người khác đến dân đen vốn như cá nằm trên thớt. Vì vậy khi xuất hiện hoặc ăn nói trước đám đông, ai nấy đều phải tự đề phòng. Tôi là thằng ít chịu đề phòng nên thường biến thành miếng mồi ngon cho bọn bất tài đội trên đạp dưới khoái dèm pha nịnh hót. Chúng hay rình mò những văn nghệ sĩ, chính khách, những nhà trí thức nổi tiếng để ghi âm, báo cáo lấy điểm hồng thăng quan tiến chức. Chính vì thế có một chuyện khôi hài xảy ra sau đây khi tôi được Nhà Xuất Bản Kim Đồng mời dự bữa tiệc mừng huy chương lao động của NXB cách đây vài năm. Trong tiệc, tôi và vợ tôi ngồi cùng bàn với ông Nguyễn Thắng Vu, nguyên giám đốc NXB kiêm Chủ tịch hội đồng xuất bản hiện thời. Sau màn tay bắt mặt mừng, ông Nguyễn Thắng Vu mời bà Phạm Phương Thảo, Chủ tịch HĐND Thành Phố đến gặp tôi tại bàn. Qua vài câu chào hỏi xã giao, ông Vu nói thẳng với bà trước mặt nhiều người: *“Bà bảo Bùi Chí Vinh là thằng có tư tưởng phản động không có lợi cho Nhà Xuất Bản. Bà không cho phép tôi được sử dụng Bùi Chí Vinh. Qua những gì Bùi Chí Vinh đã làm việc và tự vươn lên để nổi tiếng thì tôi thấy Bùi Chí Vinh không phải như những gì bà đã áp đặt cho chúng tôi. Bùi Chí Vinh không có Nhà Xuất Bản Kim Đồng vẫn tiếp tục lừng danh với hàng loạt kịch bản phim nhựa ra mắt toàn quốc và quốc tế, được công chúng lẫn dư luận trong và ngoài nước thừa nhận. Vậy bà nghĩ sao?”*. Trước phát biểu của ông Vu, bà Thảo quay sang tôi đánh trống lảng: *“Bùi Chí Vinh cứ tiếp tục viết truyện thiếu nhi, và chỉ nên viết truyện thiếu nhi thôi, đừng nên viết những gì khác”*.

Trời đất, tôi sinh ra đời từ một ngôi sao “quạ” làm thiên chức của kẻ sĩ sáng tác đủ thể loại văn học ghi nhận mọi biến thiên của thời đại, trong đó chuyện viết cho lứa tuổi mới lớn hoặc thiếu nhi chỉ là một bộ phận nhỏ trong sự nghiệp. Tôi không ôm mộng viết SỬ KÝ như Tư Mã Thiên để bị thiên... dái, nhưng tôi cũng không hèn hạ biến thành một loại bồi bút, gia nô cho lãnh đạo xoa đầu, chỉ đâu đánh đó. Vì thế xin lỗi bà Phạm Phương Thảo, cựu Bí Thư Thành Đoàn thời tôi đi bộ đội năm 1978. Năm ấy cũng chính bà đến Nhà Văn Hóa Thanh Niên nghe tôi đọc thơ và đưa tiễn quân tình nguyện Hồng Bình. Tôi nghĩ rằng có thể tự thâm tâm bà không hề ác cảm với tôi, nhưng cái nhìn lệch lạc của bà khi nghe những báo cáo tâu hót của cấp dưới vô tình làm khốn đốn biết bao nhiêu kẻ sĩ. Ngay cả những bí thư tiền nhiệm trước đó của Thành Đoàn là ông Phạm Chánh Trực tức Năm Nghị và ông Nguyễn Chơn Trung tức Sáu Quang cho dù không dám “dùng” tôi cũng chưa bao giờ mở lời xúc phạm một thi sĩ của phong trào đấu tranh đô thị như vậy. Nhân đây cũng xin nhắc lại khoảng đầu thập niên 80 tôi cũng từng bị ông Võ Văn Kiệt ngộ nhận qua những kiểu báo cáo “lấy điểm” như thế và tôi cũng đã có dịp đọc thơ trực tiếp tại nhà ông Kiệt khi ông mời tôi và nhóm sáng tác của Thành Đoàn lại tư gia dùng bữa cơm thân mật. Điều quan trọng là tôi đã đọc những bài thơ “nổi loạn”, “phê phán bất công xã hội” mà ông Kiệt muốn nghe là XÍCH LÔ HÀNH, VE CHAI HÀNH... và chứng kiến vị Bí Thư Thành Ủy lúc đó vỗ tay cười cực kỳ thoải mái. Riêng cố Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh lại càng đáng quý trọng hơn, hồi còn sinh tiền chính ông bảo vệ những bài thơ từ tập THƠ ĐỜI của tôi khi đám nịnh thần xum xoe chụp mũ. Hơn ai hết, ông là tác giả tiết mục NHỮNG VIỆC CẦN LÀM NGAY nên quá biết những gì bất công thối tha của xã hội cần phải phê phán và lên án triệt để.

Cũng may tôi xuất thân từ gia đình cách mạng thứ thiệt và bản thân từng tham gia hoạt động cách mạng ngay từ 15 tuổi nên ba cái chuyện chụp mũ ruồi bu vớ vẩn coi như sự tích Hứa Do xuống suối rửa tai, Sào Phủ dắt trâu lên bờ sợ trâu uống nhầm nước bẩn. Chỉ tội nghiệp cho giới văn nghệ sĩ cầm bút “*sĩ khí rụt rè gà phải cáo*” trong thơ Tú Xương lỡ bị những kẻ lãnh đạo như bà thành kiến thì chỉ có nước bỏ nghề, bán thân mình đi xuất khẩu lao động hải ngoại... Bài thơ MẠT LỘ của tôi phần nào đã nói lên điều đó:

MẠT LỘ

*Không còn chút hy vọng
Trong sự trở lại bờ
Những chiếc phao tưởng tượng
Hành tội người nằm mơ*

*Bao nhiêu đợt sóng xô
Nhấn ta chìm dưới đáy
Ta chẳng hề mơ hồ
Trước cánh bướm đã gãy*

*Thơ ta là hoa trái
Không kiếm được mảnh vườn
Thơ ta là máu chảy
Dính trên đầu mũi guom*

*Đừng vì nổi héo hon
Mà đầu hàng số phận
Ta thiết gì môi ngon
Chiếc cân câu danh vọng*

*Trước mặt là khoảng trống
Sau lưng là vũng lầy
Ta như là trái đất
Quay. Một mình tự quay!*

Nói lên chuyện này để thấy theo dòng thời gian gột rửa đá vẫn là đá, vàng vẫn là vàng. Tôi còn nhớ hai câu ca từ trong một bài hát của nhạc sĩ Miên Đức Thắng: “*Một mai qua cơn giông tố, nắng lên soi rõ mặt nhau*”. Ngày 20-9-2007 hai tập THƠ TÌNH BÙI CHÍ VINH và THƠ ĐỜI BÙI CHÍ VINH họp báo ra mắt trang trọng tại trụ sở Hội Nhà Báo TP. Riêng tập THƠ ĐỜI sau bao nhiêu năm rúc trong ngăn kéo, tồn tại bằng sự truyền khẩu, đã được Nhà Xuất Bản Thanh Niên ấn hành. Trước đó bản thảo của tập THƠ ĐỜI từng được gửi đến 3 Nhà Xuất Bản khác nhưng đều bị từ chối vì những lý do miễn bàn. Buổi họp báo có mặt các thân hữu chọn lọc thuộc hai phe Hắc, Bạch giang hồ gồm đủ mọi môn phái thơ văn nhạc họa điện ảnh sân khấu... Các phát biểu chân thành của các đạo diễn Nguyễn Chánh Tín, Đào Bá Sơn, diễn viên điện ảnh Hiền Mai, của các nhạc sĩ Trần Tiến, Miên Đức Thắng, Lê Văn Cường, của các nhà văn nhà thơ Đoàn Thạch Biền, Đỗ Trung Quân, Trần Mạnh Hào, Nguyễn Quốc Chánh ...đều chia sẻ những nỗi niềm cay đắng mà tác giả đã một thời gian dài gánh chịu. Hôm đó phát biểu của nhà thơ Trần Mạnh Hào đã được báo Phụ Nữ thành phố ghi lại như sau: “*Là người làm thơ hơn 40 năm nay, đây là lần đầu tiên tôi được chứng kiến một buổi ra mắt thơ sang trọng như hôm nay. Tôi rất vui khi thấy thơ được tôn vinh như thế này...*”. Tôi thiết nghĩ thành công của buổi ra mắt qua những bài viết trên báo chí là câu trả lời đích đáng nhất cho những phe nhóm hay quyền lực nào muốn đẩy tôi đến đường cùng không còn đất sống.

Cuối năm 1980 tôi bắt đầu đạp xích lô qua trung gian của đồng chí Nguyễn Trì, một cán bộ Thành Đoàn bắt đắc chí. Nguyễn Trì giới thiệu tôi làm quen đám giang hồ hảo hớn khu vực Tân Kỳ Tân Quý miệt Bà Quẹo và tôi được một chiến hữu cho trưng dụng chiếc xích lô bửu bối kiếm cơm những lúc chiến hữu kẹt công chuyện khác. Tôi đạp xích lô như làm thơ, hứng thì chạy vòng vòng Sài Gòn đón khách, chán thì “tấp” vào biệt thự các sếp lớn trên đường Phùng Khắc Khoan, quận 1 bấm chuông hoặc gõ các trạm gác bảo vệ yêu cầu cho gặp thủ trưởng. Phải thú thật tôi chưa bao giờ lấy tiền người già, phụ nữ, trẻ con, ngay cả gái ăn sương. Tôi chờ họ miễn phí nhưng với bọn công tử ăn chơi thì lấy tiền đích đáng. Nguồn thu nhập chủ

yếu trong thời gian giả dạng “xích lô hành” của tôi là những bì thư của các sếp lớn nhét vô túi áo túi quần mỗi khi họ thấy chiếc xích lô quen thuộc nằm chình ình trước các biệt thự. Nhiều thân hữu văn nghệ giang hồ đã từng chứng kiến tôi thu nhập kiểu đó để có lệ phí lai rai ba sợi như Bảy Dũng, Hồ Lê Thuận, Ba Lê, Chiêu Anh Hải, Vũ Ngọc Giao, Đoàn Vị Thượng... Có lần tôi chở đôi tình nhân sinh viên nghèo thuê xe một đêm để được yêu nhau một cách rất con người. Đơn giản là họ không có tiền để thuê nhà trọ hoặc thuê một băng ghế đá ngồi âu yếm. Cảnh tượng nào lòng và phổ biến đó khiến tôi bật thành bài thơ mang tựa THỜI CỦA NGƯỜI GIÀ. Xin chép ra đây cho các bạn thưởng thức:

THỜI CỦA NGƯỜI GIÀ

*Không có một chỗ trú cho chúng ta
Đây là thời đại của những người già cả
Anh muốn đi chơi buổi chiều với em quá xá
Tìm không sao thấy một chỗ ngồi
Anh đã thử ra công viên lựa một chỗ khá tồi
Nhưng vừa đứng dậy lại bị người chiếm mất
Anh đã mua vé hưng hăng đi lòng trong rạp hát
Chỉ thấy toàn những bộ phim câm
Cuối cùng chúng ta đành âm thầm
Yêu nhau bằng cách khoanh tay bó gối*

*Không có một chỗ trú cho chúng ta, anh không nói dối
Đây là thời đại của ông già
Ông già vắt chân chữ ngũ triết gia
Luận Tam Quốc bằng bảy lần uốn lưỡi
Ông già cời trần khoe xương sườn như củi
Hippy mà múa Thái Cực Quyền
Ông già ban ngày, ông già về đêm
Chai rượu đế cạn bên bàn cờ tướng
Thành phố giống như một ông già hồ lớn
Sĩ tốt tựa cháu con, sĩ tốt tựa khoai mì
Ông già đến rồi ông già đi
Để lại những nếp nhăn trên thời kỳ tuổi tác*

*Không có một chỗ trú cho chúng ta, anh không nói khoác
Đây là thời đại của bà già
Bà già nhai trầu và bõm bõm đơn ca
Những bài hát sáu câu về cơm áo
Bà già làm đủ nghề, kể cả nghề đi dạo
Lên bục đọc diễn văn, xuống bục ngủ vỉa hè
Bà già disco mở cửa hàng nhậu nhẹt
Chăn gối thừa trong các phòng khuê*

*Hoàn toàn không có một chỗ trú cho chúng ta
Đây là thời đại của những người già cả
Tuổi 40 nghĩa là nhà thơ trẻ
Khoảng 60 làm thi sĩ là vừa
Từ 70 trở đi là tuổi của nhà vua
Quan lại mới ăn lộc bằng năm tháng
Trong khi tuổi của tình yêu chỉ cần vài con nắng
Một chút mưa đủ cảm thấy mình già
Chúng ta yêu nhau ngày một ngày ba
Sợi tóc bạc phéch trong trái tim mới lớn
Cứ thêm một ngày là tình thêm chết sớm*

*Thế mà không có chỗ trú cho chúng ta
Thành phố tróc da trên cây me già
Rớt vẩy xuống sự sinh sôi của cỏ
Chúng ta nhỏ nhoi trong từng hơi thở
Thiếu oxy vì xăng nhớt vì dầu
Chúng ta rang ái tình trong từng tốp mờ
Không cần miếng thịt nạc sống dài lâu
Còn mở mắt là biết mình còn thọ
Nhưng có chỗ nào anh trú với em đâu?*

Bài thơ THỜI CỦA NGƯỜI GIÀ sau này được tôi “chuyển thể” thành truyện ngắn BỐN THÍ NGHIỆM TRONG ĐÊM TÂN HÔN đăng tải trên nhiều báo trong và ngoài nước. Truyện ngắn BỐN THÍ NGHIỆM TRONG ĐÊM TÂN HÔN một lần nữa lại được tôi “chuyển thể” thành kịch bản phim nhựa 45 phút của hãng Chánh Tín do Nguyễn Chánh Tín làm đạo diễn, vừa công chiếu các rạp trên toàn quốc tháng 6-2008 cùng với phim CHẾT LÚC NỬA ĐÊM.

Đạp xích lô vài tháng, một lãnh đạo Thành Đoàn “chịu không thấu” nên gửi tôi vào làm Xưởng Huy Hiệu Thành Đoàn nằm trên đường Lê Lợi. Tại đây tôi biến thành công nhân máy dập kim loại bất đắc dĩ và tạo uy tín cá nhân bằng những tờ báo tường cho cơ quan. Tôi tự vẽ và viết đủ mọi thể loại thơ, truyện, tùy bút, vui cười, truyện tranh, chuyện phiếm... ký dưới nhiều bút hiệu khác nhau. Không khí như sôi lên khi tôi cùng anh Quế (anh ruột của chị Quỳnh Hoa và anh Năm Bằng, cán bộ Thành Đoàn) đặt biệt danh mọi người trong cơ quan thích ứng với thế giới động vật và thực vật trong Sở Thú. Chẳng hạn các cô gái ở bộ phận sơn huy hiệu có các biệt danh Con Mèo, Con Thỏ, Con Nhím, Con Voi, Con Muỗi, Con Cây Hương, Con Thiên Nga... tùy theo nhan sắc và trọng lượng thân thể của các cô. Chẳng hạn các ông cai ở các bộ phận văn phòng, bộ phận chỉ huy, bộ phận hậu cần thì có các biệt danh Tre Miếu, Cây Si, Cây Măng Cụt, Trái Sầu Riêng, Chôm Chôm. Riêng chiến hữu giang hồ trắng trẻo khu Tân Định là Lâm Cầu Kiệu làm bảo vệ cơ quan được anh Quế phong tặng biệt danh “Thợ Săn” còn tôi thì là “ông chủ Thảo Cầm Viên” lãng mạn...

Chính nhờ giai đoạn lao động “thơ mộng” này mà tôi thai nghén tiểu thuyết học trò mang tên TÓC TIÊN. Tiểu thuyết TÓC TIÊN xuất hiện qua hình thức đăng feuilleton nhiều kỳ trên báo Mực Tím năm 1991 và cuối năm đó được độc giả tuổi mới lớn bầu chọn là truyện dài hay nhất trong năm. Không một ai hay biết những nhân vật trong truyện TÓC TIÊN có một số mang biệt danh các đồng nghiệp của tôi từ thời làm ở Xưởng Huy Hiệu.

Trong thời gian làm ở Xưởng Huy Hiệu tôi có dịp làm quen với nhà thơ, nhà văn kiêm kịch tác gia bụi đời Mặc Tuyền. Làm quen một cách khơi khơi. Trước cửa xưởng 66 Ter Lê Lợi, quận 1 là mặt tiền một đại lộ lớn với vỉa hè rộng là “phao cứu sinh” đối với rất nhiều người buôn bán nhỏ, trong đó có anh Mặc Tuyền. Mặc Tuyền vốn là “đại đệ tử” của nhà thơ Kiên Giang Hà Huy Hà, anh có một thời lặn lội giang hồ với đủ nghề nghiệp mưu sinh kiếm sống, và đang kiếm sống bằng cách bán đủ các loại ông tiêu, ông sáo ngay trước cơ quan tôi. Trước đó tôi đã biết anh khi anh đoạt giải nhất truyện ngắn của báo Văn Nghệ TP cùng với đạo diễn Lê Văn Duy. Anh hoàn toàn bất ngờ khi hay tin tôi cởi áo lính làm công nhân máy đập Xưởng Huy Hiệu. Đêm đầu tiên hạnh ngộ, hai anh em ngồi quán cóc vỉa hè, anh thối sáo ngâm thơ cho tôi nghe và kể rằng chỗ buôn bán của anh hiện nay cũng chính là chỗ thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên (một thi sĩ tài hoa trước 1975 có nhiều bài thơ được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc) từng đứng bán chợ trời trước khi vượt biên sang Mỹ. Hôm đó tôi đã đọc cho Mặc Tuyền nghe bài thơ ĐÓI LIÊN TỤC của một gia đình cách mạng khiến anh thần thờ:

ĐÓI LIÊN TỤC

Nhà hết gạo

Chung quanh một nồi cháo

Mười cái chén gục đầu

Bốn người thất nghiệp, một người đau

Nồi cháo bốc hơi cán bộ

Năm công nhân viên làm toán đố

Đáp số không qua giới hạn cộng trừ:

“45 ký trong lu

600 phần ăn một tháng”

Lúa miền Nam gặt hạn

Bình Trị Thiên bão về

Đồng bằng Sông Hồng hôi hộp vỡ đê

Sao đọc báo chỉ thấy bội thu lương thực

Sao nghe đài thấy gạo Việt thành cơm Tây cơm Nhật

Sao xem ti vi thấy thóc nở đầy hình

Thóc đã tràn vào ngân khố vô danh

Đất nước được mùa công trái

Cho lãnh tụ rộng mâm ăn nói

Diễn văn đầy ngũ vị hương

Ôi, hoa màu thân tiên trên các bích chương

Thứ hoa màu trên giấy báo

Đương nhiên

Nhà hết gạo

Và mười người hết máu...

Hai anh em không cần cắt máu ăn thề như tích Tam Quốc Chí, chỉ cần hiểu nhau theo kiểu “*kiến nghĩa bất vi vô đồng giả – lâm nguy bất cứu mạc anh hùng*” là đủ đặt niềm tin vào nhau. Chính vì thế khi Mặc Tuyền rủ tôi về Bến Tre là tôi đi theo anh một mạch. Tại đất Bến Tre không hiểu anh xoay xở ra sao mà mới vừa hành nghề bán sáo dạo lê đường bỗng biến thành ủy viên ban chấp hành Hội Văn Nghệ Nguyễn Đình Chiểu. Anh giới thiệu tôi với anh Bảy Dân, cháu cô Ba tức nữ tướng Nguyễn Thị Định. Anh Bảy Dân lúc đó đương nhiệm chủ tịch Hội Văn Nghệ hoàn toàn tin cậy Mặc Tuyền trong việc làm kinh tế cải thiện đời sống cho Hội. Trong vòng vài tháng ở Bến Tre, có lần anh Mặc Tuyền và tôi ngồi xe hơi của Hội chạy về Sài Gòn làm việc với Hội Văn Nghệ TP của đồng chí Viễn Phương khiến ai nấy há hốc mồm kinh dị. Họ không thể hiểu nổi lý do gì một kẻ bán chợ trời, một kẻ sửa xe via hè bỗng hô biến thành hai “nghệ sĩ đại gia” chớp nhoáng. Tôi có ghi nhận thời gian vàng son ấy trong bài thơ NGÀY TRÌNH DIỆN BẾN TRE trích đoạn như sau:

NGÀY TRÌNH DIỆN BẾN TRE

*Một trái tim, một ba lô con cóc
Tôi đến Bến Tre như thể trở về nhà
Tôi đến Bến Tre như là tôi có lỗi
Vụng về không biết chào thưa
Tôi đến Bến Tre như là tôi bối rối
Hai tay bóp lại dư thừa*

*Tuổi 26 chưa sửa soạn già nua
Mà trước đó ngỡ tóc mình sắp bạc
Tôi đã sống một thời mê nhạc
Cây guitar biết thở như người
Tôi đã sống một thời đánh giặc
Lưu đạn tròn khoen lách vành môi...*

Cuộc đời vốn dĩ là... cá ăn kiến, kiến ăn cá. Mặc Tuyền mau chóng “bạo phát bạo tàn”. Những lúc không có anh ở Bến Tre, tôi lưu linh lạc địa cùng anh em văn nghệ nghèo trong Hội chia nhau từng phiếu ăn tập thể thâm. Tôi còn nhớ thuở đó Kim Ba đã làm thơ có triển vọng ngay trong tuổi học sinh, đôi vợ chồng trẻ Nguyễn Tùng, Ngọc Diệp đã có những tác phẩm ấn tượng, rồi Hồ Trường (hiện giờ là chủ tịch Hội Văn Nghệ Nguyễn Đình Chiểu) thuở đó phải chạy đôn chạy đáo kiếm từng giọt rượu hiếu khách cho tôi uống. Tôi tập đi qua cầu khỉ về Mỏ

Cày tron trượt té xuống sông liên tục. Và tôi đã tập bước trên thân cây dừa đầy bùn sinh tron trượt ấy cho đến lúc đi khoan thai như một ảo thuật gia.

Đầu năm 1981 Mặc Tuyền từ già Bến Tre lôi tôi quy hồi cố xứ mở xưởng làm đồ chơi tại Xóm Chùa đường Trần Quang Khải, quận 1. Xưởng đồ chơi tọa lạc trong khuôn viên một ngôi chùa nằm cạnh dòng sông đen. Ở đây tôi có ngay hai đồng nghiệp là Bảy Dũng (một cán bộ Thành Đoàn từng là một trong vài sếp lực lượng Thanh Niên Xung Phong và từng đi bộ đội cùng đợt với tôi) và Trương Hùng Dũng, em ruột nữ ca sĩ Kim Khánh bên văn công Quân Khu 7. Ba đưa tôi là ba thợ chủ lực sản xuất những bộ phận đồ chơi gia công cho một đơn vị mà anh Mặc Tuyền cung cấp theo hợp đồng kinh tế. Nếu các bạn có mặt ở Xóm Chùa lúc ấy chắc chắn sẽ hình dung chúng tôi như ba gã cô-dắc trong phim SÔNG ĐÔNG EM ĐẸM. Ba đưa tôi tóc dài lê thê và bộ dạng rất ngẫu chứ còn phải hỏi. Khoảng thời gian này cũng là khoảng đời thơ mộng nhất của tôi, khi tôi tái ngộ lại người con gái mà sau này trở thành hiền thê mãi mãi. Ngày đầu tiên gặp Hương Lan ở quán nước dưới chân cầu Công Lý, tôi đã có ngay một bài thơ gheo em:

CHIỀU CÓ LAN

*Chỉ cần ngón tay đưa lên môi
Ngàn năm nhan sắc ở em rồi
Ngàn năm trời đất thành thơ nhạc
Cây cỏ chào nhau kể lứa đôi*

*Chỉ cần chiếc muống em trong ly
Là tim anh chết rất nhu mì
Là thằng du đãng bay đâu mắt
Một chút tình anh lén trốn đi*

*Chỉ cần em cứ ngồi như thế
Yên lặng nhìn anh suốt buổi chiều
Là anh trôi sạch bao dâu bể
Mở hết lòng ra đợi tiếng... yêu!*

Tôi còn nhớ sinh nhật tôi ngày 23-10, đêm ấy ở khu giang hồ đầy anh chị Xóm Chùa, em và một người bạn gái đã đem quà và một cành hoa cho ngày sinh nhật thằng con trai lãng tử:

SINH NHẬT

*Hôm nay là sinh nhật của anh
Hai mươi bảy tuổi chấy ngon lành
Anh xòe diêm đốt mà cay mắt*

Diêm tàn, riêng sợi khói mong manh

*Sinh nhật anh không có đèn cây
Hoa hồng mang đến cánh còn gai
Em cong môi thổi như công chúa
Hơi thở thơm mùi hương trái cây*

*Sinh nhật anh không có rượu vang
Ly quên chén đĩa, ghế quên bàn
Anh quên đời sống như quên tuổi
Bỏ gối nghe đui thương gót chân*

*Sinh nhật anh không có đàn bà
Tháng mười Chúa chẳng kịp sinh ra
Dang tay anh đứng làm thập tự
Mơ một nàng Madalêna*

*Sinh nhật anh không có đàn ông
Tháng mười Phật giác ngộ chưa xong
Vòng tay anh khép làm tràng hạt
Mơ nàng Thị Kính cắt râu chồng*

*Sinh nhật anh mà sinh nguyệt em
Có nàng con gái rất thuyên quỳên
Lách qua khe cửa như hơi gió
Up xuống đời anh cơn bão đêm*

*Sinh nhật anh. Ừ, sinh nguyệt em
Trăng lên soi rỗng túi không tiền
Mẹ anh sinh nở con cầu tự
Nên suốt đời anh ngủ mái hiên*

Hùm thiêng khi đã sa cơ... chẳng hèn. Xưởng đồ chơi của chúng tôi ở Xóm Chùa bị vị sư trụ trì giải tán sau một cuộc đánh lộn với đám anh chị bảo kê khu vực quanh Xóm Mười Căn. Mèo lại hoàn mèo, tôi lang thang qua khu Chợ Cá, Trần Quốc Toản, quận 10 giao du với anh em nhà Long Gõ. Long Gõ sau 1975 làm công tác Phường Đoàn rồi đi bộ đội đánh nhau ở biên giới, xuất ngũ chuyển qua nghề buôn củi. Tại địa phương, Long Gõ sống như một đại ca với các em út thầu giữ xe cho khách khứa các quán xá. Chúng tôi đến với nhau trên nguyên tắc “trọng nghĩa khinh tài”. Trên bãi đất trống trước bệnh viện Nhi Đồng đường Lý Thái Tổ, hàng ngày tôi, Long Gõ, Bảy Dững vừa đốn củi vừa tiếp thị khách đi đường những khối thớt củi chất cao nghêu với giá rẻ rẻ. Chúng tôi đã sống trong những ngày tháng đó bằng cách đổ mồ hôi sôi nước mắt cật lực như vậy để tồn tại. Kỷ niệm ngày gặp Long Gõ được tôi ghi lại như sau:

*Bạn ta ở thành phố
Chứ không phải ở rừng
Sao lần này thăm bạn
Thấy cây nằm ngổn ngang*

*Tìm trong lửa thấy vàng
Tìm trong cây thấy bạn
Bạn ta thành Thạch Sanh
Trước khi ra ngồi quán*

*Tay bạn xòe mười ngón
Khép lại thành núi đồi
Mở ra thành sông rạch
Chón giang hồ rong chơi*

Cũng trong năm 1981 ông Dương Đình Thảo tức Sáu Thảo, giám đốc Sở Văn Hóa Thông Tin kéo tôi khỏi kiếp “tiêu phu” về làm việc tại Phòng Bảo Tàng Lịch Sử thành phố trên đường Pasteur. Tại đây tôi ăn lương hợp đồng ở Phòng Tổ Chức Sở và làm nhiệm vụ ghi chép các địa chỉ văn hóa nội ngoại thành, những lúc cần thiết chú Sáu Thảo trưng dụng tay nghề “xuất khẩu thành thi” của tôi trong phái đoàn lưu diễn. Phái đoàn của chú Sáu Thảo là một phái đoàn văn nghệ tạp lục kiểu như “đại nhạc hội Hoàng Thi Thơ” trước giải phóng. Nhờ vậy tôi có dịp làm quen với nhiều nghệ sĩ sân khấu, ca nhạc trong đó có anh Trần Quang Minh tự Minh Bò. Anh Trần Quang Minh là con trai thứ của giáo sư tiến sĩ Trần Văn Khê, một nhà văn hóa lỗi lạc của Việt Nam tại hải ngoại. Năng lực của Minh Bò có khuynh hướng nghiêng về người chú ruột là quái kiệt Trần Văn Trạch. Minh Bò có thể vừa hát rất độc những bài nhạc Pháp cổ điển, vừa hát biến thể thành nhạc Rap những hành khúc rộn ràng như “Tiểu Đoàn 307” rất có duyên trước công chúng. Anh còn hát bài thơ CHÙA HUƠNG của thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp được Trần Văn Khê phổ nhạc theo kiểu tái chế riêng của mình cực “phê”. Còn tại sao gọi là Minh Bò thì quá dễ hiểu: anh chuyên môn mặc bộ đồ jeans của cao bồi chần bò và mỗi lần lấy giọng thì hụ hụ trong cuống họng như bò rống. Tại Phòng Bảo Tàng anh là một bạn già thân thiết luôn yêu cầu tôi đọc thơ giang hồ mỗi khi đối ẩm. Đầu năm 1982 Sở Văn Hóa Thông Tin điều động tôi và Nguyễn Đức Thành tức Sáu Du (một cán bộ biên tập thời kỳ đầu tiên của báo Tuổi Trẻ) theo đồng chí Võ Ngọc An tự Bảy Câu ra huyện Duyên Hải (Cần Giờ) khi Bảy Câu được cấp trên thử lửa bằng chức Trưởng Phòng Văn Hóa Thông Tin của vùng đất mệnh danh là “Sibêri” thành phố.

Tại Duyên Hải tôi được anh Bảy Câu phân công làm Nhà Văn Hóa còn Sáu Du phụ trách bản tin huyện. Tất nhiên phân công là một chuyện còn lúc làm việc chúng tôi luôn choàng gánh cho nhau, bởi Nhà Văn Hóa huyện thực chất chỉ là một cái đình bỏ hoang không có mấy người ở, còn bản tin hầu như chỉ có “bộ tam sên” của chúng tôi tự biên tự diễn. Thế mà chúng tôi cũng cho ra mắt bản tin hàng tuần như một tờ báo long trọng làm nức lòng cư dân xứ biển. Tôi còn nhớ bài thơ xuất hiện trên tờ báo huyện số ra mắt mang tên PHẢN TÓNG BIỆT HÀNH của tôi

được anh em người Sài Gòn và cán bộ người bản xứ học thuộc lòng. Bài thơ “nhái” giọng điệu thi sĩ Thâm Tâm khi làm TÓNG BIỆT HÀNH trở thành một dạng “tình ca đặc sản địa phương” được mọi người hát lên mỗi lần cúng ly rôm rả. Hầu như giới lãnh đạo cấp huyện đều biết hát bài thơ do Lã Văn Cường phổ nhạc đó. Phải nói là anh Chung, phó chủ tịch phụ trách du lịch và xuất khẩu ô-môn đàn guitar chơi “bốc” nhất. Những năm sau này mỗi lần họp mặt truyền thống Duyên Hải vào dịp cận Tết Nguyên Đán, những “lính già ngày xưa” như Hồ Văn Ngon cựu Bí Thư Huyện Ủy, như anh Tư Tình bên xây dựng, ông Vui bên tòa án, anh Dương Độc Lập bên giáo dục, anh Hợp bên văn hóa, các vị khác bên các ngành khác... trong cơn say chéng choáng thường bắt chọt nổi hứng cất giọng đồng ca bài PHẢN TÓNG BIỆT HÀNH để kỷ niệm những ngày gian khổ cùng nhau...

PHẢN TÓNG BIỆT HÀNH

*Đi đến với những người hiếu khách
Ngoài ba lô còn một cây đàn
Ba lô để nhớ thời chân đất
Cây đàn nghe sóng vỗ thênh thang*

*Đưa người ta cứ đưa sang sông
Không sợ tiếng sóng ở trong lòng
Thâm Tâm lên núi thềm Tống Biệt
Ta về biển mặn hóa dòng sông*

*Nhích lại gần nhau nghe ngày xưa
Chàng An Tiêm lãng mạn trông đưa
Có cô công chúa đi làm rẫy
Con mắt to giống như em vậy*

*Con mắt to thành mắt con thuyền
Có người kéo lưới đợi thuyền lên
Có người kéo lưới thương con mắt
Mắt con thuyền... A, con mắt em*

*Người biết bơi nhớ mùa nước nổi
Lặn làm chi sặc sụa tâm hồn
Quả dưa xẻ đặt trên đầu gói
Em một đầu, ta một đầu: hôn*

*Ừ thôi về biển ta về biển
Con cá ra khơi, con chim liệng
Chỉ e con sóng sớm bạc đầu
Sợ hãi vì người xanh tóc đến*

Đã bảo trong ba lô có biển

*Không, sao cây sác mọc thành rừng
Đã bảo trong cây đàn có biển
Không, sao âm nhạc thở tình nhân*

*Đừng hàm hồ nói: đất không chân
Khi ngón mỗi người đều có móng
Tóc biết bay và tay biết ôm
Gió biết biển lúc nào xúc động*

*Em có thể khóc chiều nay lắm
Nếu ta vờ đánh mất cây đàn
Ta có thể khóc chiều nay lắm
Nếu biển vờ quên mất giòng sông*

Bài thơ PHẢN TÔNG BIỆT HÀNH không chỉ phổ biến ở đất Cần Giờ, nó còn được truyền khẩu trong giới văn nghệ trong nước lẫn giang hồ hải ngoại. Tôi đã có dịp được nghe một số ca sĩ Việt Kiều, trong đó có Duy Quang hát dù họ không hề biết tác giả và xuất xứ của bài thơ.

Trong thời gian ở huyện đảo, tôi có lần âm thầm “cứu bò” Nguyễn Thái Dương trong chuyến tham gia phái đoàn ủy ban huyện trên chuyến ghe đi kinh lý 7 xã. Số là Nguyễn Thái Dương lúc đó đang dạy học ở xã Bình Khánh, một xã thiếu tiện nghi về mặt giáo dục đến mức độ thầy giáo Nguyễn Thái Dương phải làm bài thơ nói về “*một cô giáo phải cỡi áo dài gói lại để bơi qua sông*” dạy học. Hoàn cảnh cô giáo giữ bộ đồ khô ráo để bảo vệ tư cách sư phạm khi đứng trên bục giảng làm cảm động người đọc, nhưng không ai lưu tâm đến số phận nhà thơ sáng tác ra nó. Khi ghe ủy ban ghé lại xã Bình Khánh, tôi có nói với anh Bảy Câu mời Nguyễn Thái Dương lên chơi. Trên ghe có mặt anh Năm Cương bí thư huyện, anh Sáu Đông chủ tịch huyện, anh Dương Độc Lập trưởng phòng giáo dục huyện và nhiều đầu ngành chớp bu khác. Chúng tôi đã tổ chức một đêm thơ nhạc bụi đời dưới ánh trăng huyền hoặc và trong cuộc trà dư tửu hậu, tôi có nhắc anh Dương Độc Lập tạo điều kiện để Nguyễn Thái Dương trở về thành phố hầu phát huy năng lực chuyên môn của mình. Dĩ nhiên là ông trưởng phòng giáo dục đồng ý cái rụp.

Ở Duyên Hải không chỉ có niềm vui mà còn quá nhiều những nỗi buồn. Nỗi buồn không phải từ chuyện thiếu thốn nước ngọt, chuyện ăn cơm tập thể thóc sạn nhiều hơn gạo trắng, chuyện đôn đại về xã đảo Thạnh An như một xã đảo “Ra Đô” bởi ngư dân trên đảo ai cũng đeo đồng hồ cao cấp Ra Đô nhờ “bán bãi” cho những kẻ vượt biên từ khắp nơi đổ đến. Nỗi buồn còn đến từ những buổi chiều lang thang ngoài hàng dương chứng kiến vô số xác người từ phao số 0 trôi dạt vào bờ. Trên bãi cát màu đen đặc sản của Duyên Hải, lần đầu tiên tôi biết được đàn ông chết trôi luôn nằm sấp còn đàn bà chết trôi luôn nằm ngửa, ngay cả cái chết cũng mang quy luật âm dương. Những cái chết của những chiếc ghe chở người vượt biên do bị lừa đảo, do bị sóng lớn nhấn chìm đã làm trái tim thơ của tôi chảy máu. Năm 1983 tôi chia tay vùng đất Cần Giờ qua bài thơ PHỐ ĐỘNG sau đây:

PHỔ ĐỘNG

Từ giã biển một năm vãn xuôi
12 tháng thi ca, 365 ngày kịch nói
Ở đó ta làm diễn viên hay đến nỗi
Mọi con cua đều mọc đủ hai càng
Mọi con chim đều xòe ra đôi cánh
Mọi con cá đều thở với hai mang

Ta làm diễn viên sân khấu bình dân
Người xem kịch chỉ cần mua chung rượu
Với ông già, ta đóng vai nhập tửu
Với trẻ con thì ta giả thánh hiền
Với phụ nữ thì ta làm gì vậy
Sao lại chàng ràng như gã Lã Phụng Tiên?

Từ giã biển một năm Điêu Thuyền
12 tháng Thúy Kiều, 365 ngày Angiêlic
Làm anh hùng còn có thời thám mệ
Huống chi ta làm dĩ dĩ rạc dài
Về thành phố mà mua thêm son phấn
Để thơ còn mình hạc với xương mai

Về phố mà xem chữ mọc như cây
Vườn mẫu giáo thành vườn ươm dưỡng sĩ
Kế hoạch nhỏ còn hơn làm anh chị
Tội chi xưng du đảng với biển kìa
Về phố phen này đi tìm giấy vụn
At hẳn được bằng dưỡng sĩ về khuya

Về phố mà xem chữ lạnh như bia
Khà một hóp là được khen tiên tiến
Gái đẹp kinh thành đi đông như kiến
Dí gót chân trên chiếc Cub mà lùa
Về phố phen này lên đồ chững chạc
At hẳn được quyền bán chúa buôn vua

Về phố mà xem bạn cũ te tua
Tụ tập bắt minh bàn toàn chuyện mảnh
Đĩa chơi nhạc, đĩa vẽ tranh, đĩa rảnh
Kể tiếu lâm bậy bạ sống qua ngày
Ta mang chút sóng lòng về cho phố
Chưa như nhà thơ mà đã như thằng say

Oi khi ta về đến phố phen này

Là kiếp đi lại trở về với động...

Trở về Sài Gòn tôi ngồi sửa xe vỉa hè với ông bạn giang hồ Phan Văn Bồng mà tôi đặt cho biệt danh là “Bé Văn Bồng” ngay ngã tư Trần Quốc Thảo – Điện Biên Phủ. Anh Bồng gốc con nhà võ Tây Sơn Bình Định trước 1975 tham gia các lực lượng yêu nước xuống đường đấu tranh cho dân chủ hòa bình. Anh rất mê bốn câu thơ xuất phát từ phong trào: “*Hàng loạt đứng lên – Bạo tàn sụp đổ – Thế mới biết chuyện vang lừng kim cổ – Là của đám người không tuổi không tên*”. Một con người mê sức mạnh của nhân dân là như thế nhưng sau 1975 cũng chính anh ngao ngán thốt lên hai câu thơ: “*Khi nguy thì gọi công thần – Lúc lên chín bệ xa dân trùng trùng*”. Tôi chơi thân với anh từ chí khí đó. Tại điểm sửa xe mỗi ngày tôi chứng kiến biết bao nhiêu chuyện khổ đau của kiếp người. Chỉ cần một tai nạn giao thông xảy ra trên đường là đủ thấy hậu quả nhân tiền của một xã hội duy vật thực dụng. Mọi người hầu như bỏ mặc nạn nhân hấp hối để lo tiếp thị thu hoạch lợi tức cá nhân. Bài thơ như một sự cảnh báo tiên tri về hiểm họa mà ông Phan Văn Khải gọi là sự “vô cảm” của con người sau này:

THỜI CỦA THÚ

*Ở một thời kỳ mà xe đụng ngoài đường
Xác người chết được đem lên bàn mổ
Mọi người xúm nhau như ong vỡ tổ
Chợ trời lảng xãng quảng cáo thuốc Tây
Gã sửa xe chuẩn bị túi đồ nghề
Chiếc mỏ lét há hàm răng chó sói
Xe xích lô nói đuôi cười khiêu gợi
Chiếc nệm ăn mày thủng cả lò xo
Những con thú đòi bu quanh con thú không no
Húp lẫn nhau chút bơ thừa sữa cặn
Ở một thời kỳ mà trái tim đi vắng
Nợ áo cơm làm thủng mắt con người...*

Tại ngã tư nghiệp chương này tôi đã tái ngộ vô số bạn hiền. Có lần gặp lại Lưu Ngũ (tác giả cuốn VỮNG LẤY) đoạt giải thưởng Văn Học Thành Phố cùng với tôi, Trần Mạnh Hảo, Lê Văn Vọng, Vũ Quần Phương, Lương Minh Cừ, Nguyễn Mạnh Tuấn, Đào Hiếu, Lê Duy Hạnh, Trương Quốc Khánh... một giải thưởng danh giá nhất thời đó. Khi gặp nhau Lưu Ngũ liền rủ tôi về khu Ông Tạ làm kẹo bán kiếm tiền độ nhật. Lưu Ngũ tên thật là Luật có biệt danh Sáu Vạng không phải dân anh chị chuyên nghiệp như đám anh em Sơn Đảo, nhưng về mặt đụng độ giang hồ cũng thuộc diện đáng gờm bởi thiên hạ đồn là anh “Vạng” đủ sáu cái cho địch thủ đo ván mới ngưng. Qua anh, tôi giao du thêm với Ba Đen, đại ca thứ dữ từ vùng Hải Sơn, Bà Rịa Vũng Tàu. Ba Đen tướng tá hộ pháp như Lý Quý trong Lương Sơn Bạc là con người trọng nghĩa khinh tài, làm phi vụ được đồng nào là bay xuống Sài Gòn chơi hết với anh em đồng đó. Chính anh đã tài trợ cho đám anh em văn nghệ sĩ mặt lộ chúng tôi thành hình một xưởng kẹo. Xưởng kẹo được đặt ở

sau nhà Lưu Ngũ. Công đoạn làm kẹo khá rắc rối tôi không tham gia, chỉ thấy đạo diễn Hồ Ngọc Xum và thi sĩ Trần Mạnh Hảo xỏ bao nilông bảo vệ hai bàn chân, nhảy lên đồng kẹo khổng lồ dùng chân nhào nặn liên tục. Khi kẹo thành phẩm Lưu Ngũ phân công tôi và hai nhạc sĩ Nguyễn Hải, Lã Văn Cường đi bán bỏ mối. Thuở ấy anh em thương nhau đẹp đến nỗi trong cuộc chơi lúc tôi quá đuối không còn sức đọc thơ thì đàn anh Mặc Tuyền hoặc thi sĩ đàn em Đoàn Vị Thượng thế vai. Phải nói rằng Mặc Tuyền ngâm bài thơ QUÁN BÊN ĐƯỜNG của Minh Phẩm (tức Trang Thế Hy) và bài thơ TIỀN VÀ LÁ của Kiên Giang làm chúng tôi “phê” tới bến. Còn Đoàn Vị Thượng thì lém lỉnh và sắc sảo. Thượng được nhiều người biết với bài thơ BUI PHẤN tuy nhiên họ Đoàn lại thành công trong bàn rượu với bài ĐẤT VÀ NƯỚC được anh em vỗ tay khen ngợi. Hồi đó bằng uy tín cá nhân, tôi là người thu hoạch tài chánh cao nhất từ nghề bỏ mối kẹo. Tôi xông đến tất cả những cơ sở kinh tế của Thành Đoàn chào hàng và hầu như được các chủ quầy thực phẩm ô kê nhận kẹo trước, trả tiền sau. Tiền kẹo đem về Lưu Ngũ chỉ nhận tượng trưng, thông thường cho tôi xài thả cửa. Bài thơ BÁN KẸO ra đời trong khoảng thời gian ấy. Bài thơ viết về cảnh ngộ của vợ chồng Lưu Ngũ:

THƠ BÁN KẸO

*Ta sinh ra chưa hề hảo ngọt
Quen đắng cay hơn uống nước đường
Chắc tại đời ta như giấy bóng
Nên lâu lâu gói kẹo đỡ buồn*

*Hãy ngâm vào mồm đi các em
Kẹo ta bán vốn chẳng cần nhãn hiệu
Kẹo còn trinh tiết ta gọi là kẹo kéo
Ngắt một ngón tay chỉ tốn có 5 hào
Khi hút thuốc Lào và nói chuyện tào lao
Mời các em mua ngay phong mè xừng
Kẹo dành lai rai là kẹo nhiều đậu phụng
Ta chưa quốc doanh nên giá cả rẻ tiền
Kẹo chuối, kẹo dứa ngọt lắm đó các em
Ngâm cho chặt để lưỡi đừng lắt léo*

*Bạn bè ta và vợ ta bán kẹo
Chỉ mình ta thích hợp với “kẹo đồng”
Chính vì thế các em nên mua kẹo
Để mỗi ngày gỡ bựa dưới chân răng...*

Không xa nhà Lưu Ngũ là nhà Bùi Đại Bằng, một đàn anh bất phùng thời ở khu Ông Tạ. Mỗi lần nhậu nhẹt chúng tôi thường kéo qua nhà anh chơi tít cung mây. Bùi Đại Bằng mới lấy vợ là một hiền thê có chữ nghĩa hàng ngày cùng với anh ra chợ ngồi bán cá. Hai vợ chồng bán đủ các loại cá đồng, cá biển nhưng mỗi khi tôi xuất hiện là họ để dành một đồng ruột cá lóc làm mồi nhậu đãi nhà thơ. Dân có

máu Thủy Hử cụng ly nhau nhiều khi nước mắt ứa ra vì thời thế. Tôi có làm bài thơ BÁN CÁ an ủi vợ chồng họ như Hàn Tín an ủi bữa cơm Phiêu Mẩu:

THƠ BÁN CÁ

*Đến nhà gặp bạn hiền bán cá
Cá rô, cá sặc, cá thòi lòi
Mà ta thì vốn thằng láu cá
Thấy cá là chỉ muốn nướng trui*

*Thấy cá là lại thêm một xi
Ít ly y lít với bạn hiền
Cuộc sống chẳng qua toàn mộng mị
Ma quỷ còn đá cá thần tiên*

*Vậy thì ta chính là ma quỷ
Bắt cá hai tay thú lẫn người
Vậy thì bạn chính là tiên thánh
Bán cá cần chi sợ hổ người*

*Trên thớt, cá thách người dám cá
Vây giương mắt trợn nhớ ao hồ
Nếu ta nằm thớt như tôm cá
Đã chắc gì dám nhớ tự do*

*Tự do bị đấm ngay trên cạn
Bạn ta thành cá mắt chợ đời
Vua quan sắm giở đi mua bán
Mắt bạn buồn như mắt cá tươi*

*Mắt bạn buồn như bầy cá lóc
Nhớ kênh thương rạch đến bao giờ
Mắt vua chúa như bầy cá mập
Phơi nắng bao giờ mới hết khô*

*Tại bạn lắm nghề nên lắm nghiệp
Hết bán gạo xong đến bán nhà
Bán nhà đâu sướng bằng bán cá
Xưa Thúy Kiều còn phải bán “bar”*

*Bán bar thì vốn nòi con gái
Gà trống nuôi con bán cái gì
Chẳng thà bán cá hơn bán nước*

Bán lỗ dư mỗi nhậu mới nguy

*Đói bụng ca ngay bài con cá
Sẽ được no hơi cá hóa rồng
Mấy ai đã dám xưng vương bá
Nếu thiếu thời không vượt vũ môn*

Tôi làm nghề gì cũng tài tử. Bán kẹo chừng nửa năm thì gia nhập vào thế giới ve chai. Hội đó ở Sài Gòn tụ điểm bia nổi tiếng nhất là công viên Tao Đàn, nơi những chiếc xe xi tọc phun vòi bắn bia như suối. Hai chữ “Tao Đàn” xuất xứ từ nhóm thơ quý tộc “Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú” của ông vua thi sĩ Lê Thánh Tôn sau 1975 biến thành nơi quy tụ giới võ lâm hắc bạch y chang như Quang Minh Đỉnh trong Tiểu Ngạo Giang Hồ của Kim Dung. Bá tánh tha hồ xếp hàng hoặc tan hàng dành từng phiếu tích kê, cựa nự làm quen, nhìn mặt bắt hình dong kết nghĩa giang hồ. Những kẻ có dòng máu chịu chơi Lý Bạch tha hồ cụng ly chan chát với vô số đồng nghiệp từ Nam chí Bắc. Khó mà điếm danh hết các hiền sĩ còn sống hoặc ra người thiên cổ ở trung tâm bia bọt Tao Đàn. Chỉ biết rằng tại Tao Đàn tức “Tan Đào” hễ tan trận là đào tẩu một mạch. Thiên hạ đào tẩu với đủ mọi lý do của họ: Người lộng ngôn bừa bãi, kẻ coi trời bằng vung lỗ mượn rượu phát ngôn rút lời không kịp. Ở trung tâm luôn có sẵn các Mạnh Thường Quân yêu mến văn nghệ túi tiền rủng rỉnh sẵn sàng ngậm người nghe lời vàng ngọc từ những nhà thơ giang hồ bất đắc chí xuất khẩu thành thi, những nhạc sĩ coi “tứ xứ là nhà” búng guitar, hát nhạc dân gian điệu nghệ hơn xa tử ca sĩ trên sân khấu. Một trong những tửu khách xuất hiện thường xuyên là chủ quán Trống Đồng kiêm thi sĩ Vũ Trọng Quang hay nhái Bình Ngô Đại Cáo một cách hào sảng: “*Dầu tiền bạc lúc có lúc không – Song dân nhậu thời nào cũng có*”. Quán Trống Đồng hiện giờ không còn nữa nhưng thuở đó tọa lạc ở góc Lý Tự Trọng – Cách Mạng Tháng Tám về sau chuyển về số 5 Lê Quý Đôn. Một trong bốn chủ quán là Vũ Trọng Quang biệt danh Điền Bá Quang, kẻ mê ni cô Nghi Lâm trong Tiểu Ngạo Giang Hồ nhưng không “ngâm ly” mà biết dụ khi tửu khách ghé quán bằng hai câu thơ tiếp thị do chính anh sáng tác:

*Mời người và rượu cùng nhau
Bốn phương là chỗ rót vào đầy ly*

Những lúc ấy tôi chỉ biết đáp lễ bằng một bài thơ “điệp ngữ” như sau:

*Lít đầu chỉ thấy sương sương
Lít hai thấy lửa tấp sườn riu riu
Khơi khơi chực lít sáng chiều
Đến khuya đứng dậy chân xiêu tà tà*

“*Xiêu tà tà*” có nghĩa là “*ta xiu xiu*” quắc cần câu chứ còn phải hỏi. Tại Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú không chỉ có 28 ngôi sao mà có đủ 108 tửu khách Lương Sơn Bạc lừng danh. Tại đây dân nhậu có thể chứng kiến Trần Quang Lộc say xin đội xô đá trên đầu xông đến bàn Trịnh Công Sơn, Đinh Cường, Miên Đức Thắng, Rừng,

Nguyễn Trọng Khôi... quây tã lả. Tại đây những cuộc xô xát xảy ra như cơm bữa giữa văn nghệ sĩ hai miền bằng nước bọt lẫn nắm đấm. Tôi khó mà kể hết những lần can thiệp hoặc tham dự của chính tôi vào những cuộc dẫu bề đó. Thực ra tôi đến Tao Đàn dưới sự chi viện của nhiều băng nhóm khác nhau. Lúc thì đi với băng họa sĩ Khánh Trường, lúc thì đi với anh em Long Gõ, lúc thì đi với anh em Lâm Cầu Kiệu, lúc thì đi với băng Bến Tre của Mặc Tuyền, băng điện ảnh giang hồ của Lý Huỳnh, Hồ Ngọc Xum, Lê Chánh, Robert Hải, lúc thì đi với các triết sĩ Đông Phương Huệ, Trữ Vũ, Nguyễn Tôn Nhan, Hoàng Ngọc Tuấn, có lúc gầy sòng với đám xích lô, sửa xe vĩa hè bụi bặm... Nói chung sự có mặt của tôi như là một niềm vui thi ca truyền khẩu không thể thiếu của anh em. Tại đây tôi quen với Sơn Quăn, một họa sĩ ẩn dật kiêm Đầu Lĩnh giới ve chai và Nguyễn Ước, nhà nghị luận phê bình nghiên cứu văn học kiêm Thừa Tướng ve chai có một con mắt giả bịt miếng da đen như hải tặc. Sở dĩ tôi phải kể tên Sơn Quăn và Nguyễn Ước vì hai anh có bụng “lân tài” nghĩa khí. Hai anh mỗi lần trúng mảnh bất cứ phi vụ “phân kim” hoặc “đồ cổ” đều hủ tôi một cách trân trọng. Tôi chỉ có thể tạ ơn hai anh bằng bài thơ HÀNH VE CHAI rất phổ biến lúc đó qua một nhạc sĩ giang hồ phổ nhạc.

HÀNH VE CHAI

*Anh em ta đi bán ve chai
Thằng thì chột mắt, đũa cụt tay
Râu tóc để lâu thành võ hiệp
Tráng sĩ mà ưa nhắm thịt cây*

*Thực ra anh em ta đẹp trai
Không đẹp trai sao bán ve chai
Cái nhìn giá trị ngang vàng xịn
Con mắt nheo là hốt tiền xài*

*Ê, vua quan cũng dối dài dài
Bởi vì không biết bán ve chai
Tô Tần miệng lưỡi xem còn kém
Gã Kissinger cũng ón tài*

*Mà thiên tài hay họa thiên tai
Tiếng gào mưa nắng chợ ve chai
Buổi trưa gân cổ đường như đắng
Cốc rượu chứa vơi đã rót đầy*

*Nước mắt ứa ra cơ hồ cay
Nước cay thành đế nhậu lai rai
Anh em ta đọc thơ sang sảng
Bài thơ buồn như đời ve chai*

Anh em ta tiếp tục ve chai

*Thằng thì cỡi gió, đũa đập mây
Chân không mà ngõ đi xe đạp
Áo mào đầy hai túi xách tay*

*“Tiền cổ, tiền xưa, tiền các đây”
Tiền nhiều ắt nặng cả hai vai
Thương Cao Bá Quát đời luân lạc
Mượn giang hồ mà tởm cân đai*

*Gặp nhau không cần coi lịch ngày
Ai đội mũ rom chân mang hài
Lại đây cùng uống quốc doanh tửu
Gặm đậu phụng rang mà nghe say*

*Liêm sĩ nằm trong túi xách này
Còn tiền, du đặng cũng bỏ trai
Đàn bà con gái còn... đi ngựa
Thế thì ta tiếp tục ve chai!*

Mà đời ve chai đáng buồn thật. Lên voi trong bàn nhậu nhưng xuống chó ngay trong cuộc đời. Tôi đã từng ăn dầm ở dề ngôi nhà trọ trong Xóm Nhà Đèn của cặp vợ chồng nghệ sĩ ve chai Trịnh Nghĩa và cô Hiền. Trong thế giới ve chai, Trịnh Nghĩa chỉ là thần dân không có vai vế, nhưng anh là một nhạc sĩ tài hoa từng phổ nhạc một bài thơ rất thành công của một thần dân ve chai khác là Trần Dạ Lữ. Anh cụt một ngón tay trở do tự hủy hoại để trốn lính mà búng guitar vẫn điệu nghệ. Phu nhân anh là cô Hiền một người đẹp thủy chung dám bỏ gia đình dấn thân cùng anh và đặc biệt hát rất hay. Tôi biết được những bài hát thất truyền từ thời tiền chiến chính là nhờ cặp vợ chồng Nghĩa, Hiền biểu diễn. Đến giờ này tiếng hát khàn đục đặc biệt của cô Hiền vẫn còn ám ảnh tôi. Tôi có làm một bài thơ nói về cảnh ngộ không hộ khẩu sống rày đây mai đó của gia đình họ. Xin chép ra đây cho các bạn thưởng lãm:

CĂN NHÀ NĂM MƠ

*Anh sẽ lợp căn nhà
Đơn sơ vài vật liệu
Kèo cột không đi tiêu
Lên trí tuệ con người
Anh cần chiếc giường đôi
Hai đứa mình cùng thờ
Chia nhau nỗi xấu hổ
Mà ông bà cần răng
Đất nước bốn ngàn năm
Rộng dài như văn hiến
Đêm anh đi thấy điểm*

*Lọp nhà cạnh gốc cây
Ngày thấy lũ con lai
Căng lều nơi xó chợ
Vợ chồng mượn nhà trọ
Yêu nhau như ngoại tình*

*Căn nhà vừa tượng hình
Đã tan theo cơn đói
Anh dẫn em lên núi
Không đủ giấy tờ về
Anh dắt em thăm quê
Định làm chàng Tô Vũ
Định làm một gã hề
Ngôi nhà không bằng số
Anh lọp hoài trong mê*

*Trời sinh anh yêu em
Mà không sinh hộ khẩu
Con chim có chỗ đậu
Con chó có nơi nằm
Anh và em lưu vong
Như người không quốc tịch
Đất nước giàu diện tích
Cho châu chấu cào cào
Có đâu nghèo lý lịch
Với những người yêu nhau?*

Kỷ niệm về vợ chồng Nghĩa, Hiền và những cặp vợ chồng nghệ sĩ khác như họa sĩ Rừng tức nhà văn Kinh Dương Vương đã khiến tôi bị “sốc” nặng. Tôi còn nhớ lúc Hiền sinh đứa con thứ hai trong nhà không có sữa bò để uống cũng như lúc chị Vân vợ của học sĩ Rừng sinh xong rồi không biết gửi con học Mẫu Giáo ở đâu bởi vì một lý do đơn giản: Không hộ khẩu. Trong khi hàng ngày trên báo chí không ngừng đưa tin về những ông to bà lớn, những con ông cháu cha thế hệ kế thừa đua nhau vào vũ trường, nhà hàng, tụ điểm cờ bạc ăn chơi. Bước sang năm 2008 còn tìm cách tống khứ dân nghèo lẫn thiên nhiên đi chỗ khác để xây dựng những sân gôn cho đám nhà giàu giải trí, những cung điện dành cho các cuộc thi Hoa Hậu của lũ quý tộc mới. Bao hình ảnh nhức nhối đó đập vào mắt khiến tôi bật thành thơ như sau:

HẾT Ý KIẾN

*Các người ăn ở sao khôn vậy
Bóc lột ngay từ lúc cời truông
Bốn hộp sữa mỗi lần sinh đẻ
Thảo nào con nít bệnh còi xương*

*Thảo nào con nít quen moi rác
Tập ngủ mùi hôi để trưởng thành
Lỡ sau khôn lớn làm thủ trưởng
Cũng quen mùi thum thum công danh*

*Thảo nào con nít quen dất moi
Tập bán tròn nuôi miệng kiếm lời
Lỡ sau khôn lớn làm lãnh đạo
Cũng rành “ba mươi sáu kiểu chơi”*

*Thảo nào con nít quen nói láo
Tập giống bề trên cách uốn mồm
Lỡ sau khôn lớn làm nhà báo
Viết đỏi thành no để kiếm cơm*

*Tiền? Người nói “Ngân Hàng Nhà Nước”
Tù? Người cho “Tòa An Nhân Dân”
Chao ơi, tiền bạc dành ông lớn
Còn cùm gông tặng kẻ rách quần*

Suốt năm 1984 tôi đi khắp bốn vùng chiến thuật. Lưu diễn Bảo Lộc với đạo diễn sân khấu Trần Văn Hưng khi Hưng kéo đội tinh binh văn nghệ lên cao nguyên phục vụ Công Ty Chè của ông Năm Lửa. Trong phái đoàn bao giờ tôi cũng lãnh nhiệm vụ đọc thơ tiên phuông. Tôi biến thành một thứ gạch nối cần thiết gom bạn bè tứ xứ. Tại Blao tôi được Trung Họa Sĩ người địa phương dẫn đường lên núi Đại Lào thăm kẻ sĩ Nguyễn Đức Sơn ở ẩn. Như đã đề cập từ phần đầu GIAI THOẠI CỦA THI SĨ, nhà thơ Nguyễn Đức Sơn theo tôi là một trong “tứ trụ thi ca” của miền Nam trước giải phóng. Ba vị kia là Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên. Thực ra ngoài bộ tứ vừa nêu, còn một nhân vật kiệt kiệt khác mà tôi rất hâm mộ, đó là Phạm Công Thiện, một triết gia kiêm thi sĩ từng là thần tượng của thế hệ sinh viên học sinh theo chủ thuyết hiện sinh tại Sài Gòn trước năm 1975. Triết gia Phạm Công Thiện nghe đồn từng đi tu và sau năm 1975 chu du khắp thế giới, chơi với văn hào Hy Lạp Nikos Kazantzaki tác giả ALEXIS ZORBA, CON NGƯỜI CHỊU CHỐI. Ông còn gặp Đạt Lai Lạt Ma và có thời gian ẩn sĩ ở Ấn Độ, Tây Tạng. Chung quanh con người họ Phạm có quá nhiều giai thoại, riêng tôi chỉ biết ông qua tác phẩm NGÀY SINH CỦA RẮN. Chỉ cần qua NGÀY SINH CỦA RẮN tôi đã liệt ông như Trung Nguyên Vương Trùng Dương giữa bốn vị Bắc Cái Bùi Giáng, Nam Đế Thanh Tâm Tuyền, Đông Tà Tô Thùy Yên và Tây Độc Nguyễn Đức Sơn y chang như truyện chường Kim Dung VĨ LÂM NGŨ BÁ. Là một ngòi bút phong trào tranh đấu cho một lý tưởng hoàn toàn khác, tôi quyết định “ấn chứng võ công” với Phạm Công Thiện tiên sinh bằng bài thơ NGÀY SINH CỦA NGỰA, đơn giản vì tôi tuổi Giáp Ngọ. Tôi đã đọc bài thơ này cho Phạm Trung Cang (em trai Phạm Công Thiện) những năm đầu giải phóng tại một điểm sách dạo dọc đường Lê Lợi, khi ông Cang bán sách chợ trời ở đó. Xin mạn phép chép bài

thơ ẩn chứng ấy ra đây cho bạn đọc thưởng lãm. Cũng cần nhắc lại là bài thơ NGÀY SINH CỦA NGỰA bất ngờ được đăng trên báo Văn Nghệ Trung Ương như là một trong vài bài thơ phá lệ hiếm hoi của Ban Biên Tập thời đó:

NGÀY SINH CỦA NGỰA

*Ngày ta sinh ra Nguyễn Huệ đã băng hà
Nên con ngựa tử vì không người cưỡi
Ta sút chuồng phá bỏ yên cương
Lặng lẽ ruổi đời mình lên núi*

*Ngày ta sinh ra rừng không ai biết tới
Chỉ có cỏ cây hoa lá tầm thường
Ta đi đến đâu, chỗ ấy thành đại thụ
Đại thụ sinh rừng, rừng sinh nở mùi hương*

*Ngày ta sinh ra bầy rắn đã rung chuông
Định lấy nọc để phân ranh trời đất
Khí hạo nhiên ta dựng cứng bờm
Lấy nhân nghĩa để phân ranh lành, độc*

*Chỉ có cô đơn mới đủ làm ta khóc
Tiếng khóc của ta là tiếng hí của người
Ta không biết ta là người hay ngựa
Chỉ một mình Nguyễn Huệ hiểu ta thôi!*

Lên Đại Lào ngoài việc thù tạc thi ca với nhau, Nguyễn Đức Sơn còn giới thiệu tôi rừng thông ngút ngàn phủ kín khu đồi trọc liên hoàn mà ông trồng thí nghiệm. Công việc trồng thông của ông nặng nhọc và bị trả giá đắt đến nỗi phải mang thương tích đầy người bởi băng nhóm Hà Sơn Bình tranh giành đất đai ám hại. Bị kịch trên sau này được tôi đưa vô tiểu thuyết YẾU ĐIỀU THỰC NỮ và đổi bút hiệu ngày xưa của ông là “Sao Trên Rừng” thành nhân vật “Thông Trên Núi”. Thời gian ngắn ngủi ở Bảo Lộc giúp tôi sáng tác bài thơ BLAO đăng trên báo Văn Nghệ Thành Phố và đoạt giải Thơ Hay ngay năm đó:

BLAO

*Em có giống Blao không em?
Đón anh đừng đóng cửa cài then
Bằng không anh biến thành bông giấy
Mọc tỉnh bơ ngay phía trước thềm*

*Em có giống Blao không em?
Ngắt anh đừng nở ngắt trong đêm
Bằng không anh biến thành trái bắp
Cắn vào răng em để bắt đền*

*Em có giống Blao không em?
Vắt anh đừng vắt ở ngoài hiên
Bằng không anh biến thành con muỗi
Chờ dịp giường em bị hờ mền*

*Em có giống Blao không em?
Đập anh đừng đập bản tay tiên
Bằng không anh sẽ nằm huyết sáo
Suốt mùa thu như chú dế mèn*

*Là phải giống Blao nghe em
Chiều, mưa một chút để anh thềm
Tối, sương một chút cho anh nhớ
Một chút gì như thể áo len*

*Là phải giống Blao nghe em
Làm duyên một chút để anh hiên
Dịu dàng một chút cho anh sợ
Một chút gì anh sẽ buốt tim...*

Trên thực tế bài thơ BLAO không phải là bài thơ tình thích nhất của tôi. Một bài thơ khác phổ biến hơn là bài thơ mang tên THIẾU NỮ. Bài thơ THIẾU NỮ gây tiếng vang mạnh đến nỗi tôi đi đến bất cứ đêm thơ của trường đại học, trường trung học, đơn vị quân đội, nông trường thanh niên xung phong, công trường lao động tập thể nào cũng đều được công chúng trẻ tuổi yêu cầu phải đọc bài thơ đó. Trong một cuộc thăm dò đột ngột của các thầy cô dạy văn một trường điểm cấp ba ở Tân Bình, hầu như trong sổ tay hoặc nhật ký của học sinh đều có chép bài thơ THIẾU NỮ. Bài thơ được lan tỏa trong nước lẫn hải ngoại nhờ sự cộng hưởng của các nhạc sĩ phổ nhạc. Trong nước tôi chỉ được biết nhạc sĩ Nguyễn Hiệp và một nhạc sĩ không quen biết ở Pleiku phổ rất có duyên. Còn ở nước ngoài, qua những băng đĩa bán lậu mang tên “HÈ XUÂN” phát hành lậu trong nước vào dịp Tết, bài nhạc phổ thơ được hát một cách nghịch ngợm bởi một nam ca sĩ trẻ mà tôi không biết tên biết mặt. Cả tên nhạc sĩ cũng không ghi.

THIẾU NỮ

*Cô gái ơi, anh nhớ em
Như con nít nhớ cà-rem vậy mà
Như con dế trống đi xa
Một hôm nhớ đến quê nhà gáy chơi*

*Con để thì gáy một hơi
Riêng anh gáy hết một thời con trai
Tiếng gáy bò lên lỗ tai
Làm em nhột suốt một ngày một đêm*

*Cô gái ơi, anh nhớ em
Như má lúm nhớ đồng tiền đúng chưa?
Như cà chớn nhớ cà chua
Như da em nhớ da-ua ngọt ngào
Cái nhớ nháy qua hàng rào
Không thềm đăng kí cứ nhào vô anh
Xô ra thì thấy không đành
Nên anh ôm lấy rồi canh giữ hoài
Con kiến còn nhớ củ khoai
Huống chi tóc ngắn tóc dài nhớ nhau*

*Nhớ nhau không biết để đâu
Nếu để trên đầu sợ tóc che đi
Để trong túi áo cũng kỳ
Lỡ đi đường rút lấy gì chứng minh
Chi bằng giả bộ làm thính
Hét lên “nhớ quá” một mình nghe chơi!*

Rời cao nguyên xuống đồng bằng bát ngò tôi được linh mục Hiền, một linh mục trẻ có cái nhìn cấp tiến mời đọc thơ và nói chuyện về thơ tình trong Mùa Chay tại nhà thờ Tân Định. Trước khi biết linh mục Hiền, ngay từ tháng 5-1975 tôi đã viết bài trên báo Công Giáo Và Dân Tộc và thân thiết với nhiều anh em trong tòa soạn, trong đó có hai linh mục tranh đấu nổi tiếng là Trương Bá Cần và Huỳnh Công Minh. Linh mục Trương Bá Cần tác giả loạt bài “*Hai mươi năm xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc*” đăng trên tạp chí Đối Diện trước giải phóng được tôi thân mật gọi là “bố”, còn linh mục Huỳnh Công Minh có khuôn mặt hơi giống Che Guevara lúc để râu được tôi gọi là “anh Ba Râu”. Mỗi lần ghé tòa soạn, tôi thường được Bố Cần và anh Ba Râu ủy lạo tinh thần lẫn vật chất bằng phong bì dẫn túi cho những ngày lang bạt sắp tới. Thực ra tôi còn vài lần tiếp xúc với một linh mục nổi tiếng khác là linh mục Nguyễn Ngọc Lan tác giả loạt bài “*Cho cây rừng còn xanh lá*” trên các nhật báo đối lập thời chính quyền cũ. Tuy nhiên tình thân không thể bằng hai linh mục Huỳnh Công Minh và Trương Bá Cần..

Trở lại chuyện linh mục Hiền mời đọc thơ tại nhà thờ Tân Định trước hàng trăm thanh niên nam nữ vốn quen thuộc với kinh nhật tụng và thánh ca. Lần đầu tiên tôi đã làm một chuyện động trời là kể chuyện cuộc đời giang hồ lãng tử “xa Chúa gần ma quỷ” của tôi và minh họa bằng những bài thơ tình. Cuộc nói chuyện thành công đến mức mọi người quên hết giờ giấc. Tôi còn nhớ bài thơ ĐIỀU RĂN THỨ 11 đọc kết thúc trong đêm đó:

ĐIỀU RĂN THỨ 11

*Em đã thờ phượng bầu trời
Bằng điều răn thứ nhất
Tôi cũng đã yêu thương mặt đất
Bằng chín điều răn sau cùng
Chúng ta cũng đã đợi nhau gần 30 năm
Để bày tỏ tình yêu khác giống
Trong khi nhân loại đã đợi nhau 1984 năm
Tiến về hang đá Bêlem để làm người gác cổng*

*Chúa không muốn tôi thành con lừa
Người cho tôi chân tay, mặt mũi
Chúa rất muốn em là con gái
Để sau này có nhẫn cưới đeo tay
Tôi đã yêu em một cách rất con trai
Như Adam yêu Eva lịch sự
Có thể toàn bộ xương sườn tôi cứng chứ
Nhưng phần xương cụt mất đi lại mềm mại hiền lành
Phần xương ấy mang nỗi buồn Đức Mẹ
Tan lễ nhà thờ, môi biết gọi: anh, anh...*

*Chúa không trực tiếp dạy chúng ta đọc kinh
Nhưng tôi và em đã thành lời cầu nguyện
Chúng ta yêu nhau nhỏ như hai con kiến
Lớn như hai con voi và vừa phải cỡ... con người
Em đã dám thờ phượng bầu trời
Bằng điều răn thứ nhất
Thì làm sao tôi chẳng biết yêu thương mặt đất
Bằng chín điều răn sau cùng
Và tất nhiên chúng ta yêu nhau
Chúng ta yêu nhau ở một góc địa cầu
Thành phố ta ở chỉ lớn bằng dấu chấm
Bên trong dấu chấm, năm triệu người đang sống
Mới hai người yêu nhau, còn lại mấy triệu người
Oi tôi hứa mãi yêu thương mặt đất
Cho lòng em hằng nhớ tới bầu trời*

Đầu thập niên 2000 một linh mục khác là linh mục Siêu (một huynh trưởng ngày xưa của tôi thời đi Thiếu Nhi Thánh Thể) cũng mời tôi đến nhà thờ Martino trên đường Nguyễn Thị Minh Khai quận 1 để nói chuyện và đọc thơ với công chúng trẻ họ đạo trong Mùa Chay. Tôi còn được “huynh trưởng” Siêu mời với nhiệm vụ tương tự tại nhà nguyện thuộc nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế ở đường Kỳ Đồng, quận 3. Tại hai nơi đó tôi đã làm đúng chức năng tông đồ lẫn thi sĩ dù bị đẩy vào hoàn cảnh bất khả kháng. Cũng cần mở ngoặc đơn chỗ này, trên thực tế kể từ ngày

lang bạt giang hồ, tôi giao du và chơi thân với các thượng tọa, đại đức bên Phật Giáo nhiều hơn bên Công Giáo. Tôi không hiểu tại sao nữa, chỉ biết rằng những bài thơ tôi đọc ra được một số vị chức sắc tôn giáo coi như một loại “công án” chứa đựng ngôn đạo lý răn đời. Trong phạm vi bài viết này tôi không thể kể hết những mối duyên kỳ ngộ của tôi với các bậc cao tăng ẩn sĩ khi cùng họ đàm đạo triết thuyết và thi ca thâm diệu. Chỉ đơn cử mỗi giao tình với thượng tọa Thích Tâm Khai, sư trụ trì chùa Diệu Pháp, ngôi chùa nằm cạnh con sông Đồng Nai được tôi đưa vô tiểu thuyết YẾU ĐIỀU THỰC NỮ với tên gọi là chùa Diệu Đế. Trong truyện, tôi đã cho họa sĩ kiêm người hùng ve chai Robert Bá học võ công nhà chùa. Còn ngoài đời thật, tôi và các anh Nguyễn Xuân Thượng, Trịnh Thanh Tùng, Tôn Thất Mạnh Tường, Nguyễn Hải, Sáu Đầu Rồng, Tư Đồng... rất nhiều lần gõ cửa chùa Diệu Pháp để được thượng tọa Thích Tâm Khai chiêu đãi. Thầy Thích Tâm Khai chính là người bảo trợ phong trào tranh đấu sinh viên học sinh đô thị trước giải phóng, tương tự như ni sư Huỳnh Liên. Các bạn thử tưởng tượng trăng thì sáng, mặt nước thì lung linh, tình nghĩa thì đầy tràn như men rượu. Sư trụ trì Tâm Khai ôm guitar hát ca khúc Da Vàng của Trịnh Công Sơn phục vụ anh em, còn tôi thay mặt huynh đệ giang hồ đọc thơ đáp lễ. Những bài thơ tứ tuyệt xuất khẩu thành thi ấy được tôi chép ngay trên vách tường nhà chùa bằng muội than kỷ niệm. Hiện giờ thượng tọa Thích Tâm Khai đã viên tịch, các anh Tôn Thất Mạnh Tường, Sáu Đầu Rồng, Tư Đồng cũng đã mất, không biết những bài thơ bút tích còn được các vị trụ trì đời sau lưu lại hay không?

TỨ TUYỆT DIỆU PHÁP TỰ

*Chúng sinh vô lượng kiếp
Trần gian một chén đầy
Đến thiên môn đổ hết
Mở lòng làm... Tâm Khai!*

Năm 1985, chị Đỗ Thị Nghĩa tức Chín Ngân (vợ anh Năm Nghị) đang làm sếp Liên Hiệp Hợp Tác Xã Tiêu Thụ Mua Bán TP (tiền thân của hệ thống Coop Mart bây giờ) giới thiệu tôi xuống Cửa Hàng Tổng Hợp Thương Nghiệp Hợp Tác Xã TP tại 32-34 Tháp Mười, quận 6 làm việc vì không chịu nổi cảnh bấp bênh chìm nổi của tôi. Cửa hàng trên là một đơn vị kinh tế đang ăn nên làm ra trực thuộc dưới quyền chị. Tại đây tôi bắt đầu nghề nghiệp treo cẳng ngỗng. Hết làm giám sát thi công coi xây dựng đến làm áp tải hàng hóa đường dài, thậm chí có lúc trực tiếp làm bốc xếp khuôn vác nặng. Những công việc thuần túy máy móc đều đặn cho dù sinh ra tiền bạc nhưng hoàn toàn dị ứng với trái tim ngựa chứng bất kham của tôi. Nhiều người chỉ cần làm giám sát thi công chừng vài công trình là kiếm tiền bỏ ống như chơi nhưng tôi dù có được thả vô hủ gạo cũng không thể làm một con chuột gặm nhấm tài lộc được. Tôi không có năng khiếu tước đoạt của cải người khác. Lúc đó tôi có làm bài thơ ĐĂNG SAU NHỮNG QUẦY ĐỔI TIỀN nhân đợt đổi tiền toàn quốc thời điểm đó:

ĐĂNG SAU NHỮNG QUẦY ĐỔI TIỀN

Giữa thời kỳ mà tiền bạc chưa yên
Giấy thiếu trừ kim bỗng biến thành giấy lộn
Giữa thời kỳ mà thiên hạ đổi tiền
Như đổi một hâu bao thiếu vốn

Em đã đến cực kỳ khiêm tốn
Mắt mở to cho túi của anh đầy
Em đã đến không người đưa kẻ đón
Nhoẻn miệng cười ngang giá trị “trăm cây”

Vàng trong anh có từ lúc sơ khai
Đợi em đến là trời lên thành quặng
Ngọc trong anh có từ lúc chào đời
Đợi em đến là gia công thành nhẫn

Hãy xòe hết cả bàn tay năm ngón
Chỉ cho anh ngón áp út vợ chồng
Để vàng ngọc của anh còn ý nghĩa
Hơn những tờ bạc mới số 500

Em đến làm anh trong suốt kim cương
Mọi bá hộ trần gian đều khán kiệt
Tình yêu anh mở ngay tiệm kim hoàn
Chứa một triệu cara dành em hết

Giữa thời kỳ không lẫn ranh thiện ác
Đang đói meo anh chợt biết mình giàu
Em rách vẫn thơm, anh nghèo vẫn sạch
Thiên hạ đổi tiền, ta đổi đời nhau

Tôi chia tay nghề “phi thương bất phú” vì một lý do lãnh nhách. Một hôm trong giờ hành chánh tôi bị giám đốc Cửa Hàng là Bảy Định triệu tập lên văn phòng để gặp đồng chí Sáu Khôi, Trưởng Phòng Bảo Vệ An Ninh Văn Hóa (tức PA 25) của Sở Công An TP. Anh Sáu Khôi thì tôi chẳng xa lạ gì, cũng từ gốc Thành Đoàn như tôi, thuộc thế hệ đàn anh và chuyển qua ngành công an từ rất sớm. Anh làm việc với tôi bằng khuôn mặt khá trầm trọng. Đại khái anh cho tôi biết thơ tôi được đăng trên báo chí hải ngoại hơi bị nhiều và “công an văn hóa” phát hiện tôi vừa lãnh một thùng quà thuốc Tây của nước ngoài nhằm mục đích “trả công” cho những bài thơ đã đăng. Coi, quả thật vừa qua tôi có nhận một gói bưu phẩm từ trên trời rớt xuống ghi tên người gửi là “Bùi Thị Chín gửi từ Cali, USA”, dĩ nhiên là tôi ký nhận ngay. Sau khi tham khảo với mẹ hiền vốn dĩ là bà mẹ “gia đình có công cách mạng”, mẹ tôi đồng ý cho tôi ra chợ trời thuốc Tây Tân Định bán với giá một chỉ vàng, vì bà nghĩ rất đơn giản rằng “đã là họ Bùi gửi thì chắc là bà con với gia đình tôi”. Chuyện chỉ có vậy. Còn thơ ư? Tôi là một thằng thi sĩ gần như trung tâm và chủ lực đọc thơ trong bàn nhậu trước đủ dạng quần hùng, trong đó có cán bộ lãnh đạo

lần nhân dân đủ kiếu. Gặp người tri âm hoặc kẻ tâm đầu ý hợp về thơ, tôi sẵn sàng chép tay bài thơ vừa đọc mà họ ưa thích. Qua truyền khẩu, họ có thể thuộc lòng bằng trí nhớ hoặc bằng bản chép tay, và nếu họ vượt biên hay đi xuất cảnh hợp lệ thì chuyện sử dụng những bài thơ của tôi đăng báo chí hải ngoại thiết nghĩ cũng là chuyện phổ biến bình thường. Có khi sự phổ biến ấy góp phần vinh danh và không làm thui chột các tài năng xuất chúng trong nước. Vậy hà có gì tôi phải lo lắng khi biến thành một dạng “tội phạm” trong con mắt đầy đa nghi của một vị đàn anh từng quá hiểu con người trung thực của tôi lúc ở Thành Đoàn?

Tôi có nói với anh Sáu Khôi rằng “*Nếu Việt Kiều Bùi Thị Chín gửi tiếp một thùng đồ nữa thì tôi vẫn nhận bởi nhà nước chưa hề tặng quà hay trả lương hoặc bồi dưỡng cho một gia đình công nhân nghèo khổ có tới 5 người làm cách mạng như gia đình tôi*”. Tôi đã phải làm bản tường trình về những lần đọc thơ giang hồ, những bài thơ chống bắt công xã hội đã làm, những mối quan hệ với các thi sĩ văn nhân trí thức. Bởi Sáu Khôi nói như đinh đóng cột: “*Bùi Thị Chín không phải họ Bùi mà là Cao Thị Ngọc Phượng, vợ hay người tình gì đó của Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh. Nhiệm vụ Cao Thị Ngọc Phượng là chuyển lửa về quê nhà, đón thuyền nhân vượt biên. Việc chọn gửi gói thuốc Tây cho Bùi Chí Vinh và vài văn nghệ sĩ nổi tiếng khác là nhằm ly gián hoang mang nội bộ*”. Bút sa thì gà chết, nói năng thì phải uốn lưỡi bảy lần. Tôi được biết Cao Thị Ngọc Phượng là em ruột của chị Cao Thị Quế Hương (vợ liệt sĩ Nguyễn Ngọc Phương một sinh viên tranh đấu nổi tiếng của Thành Đoàn). Chị Cao Thị Quế Hương thời điểm đó đang đương nhiệm Tỉnh ủy viên, chủ tịch Hội Phụ Nữ tỉnh Lâm Đồng không hiểu sao anh Sáu Khôi lại không “gõ cửa” đồng chí của mình mà hỏi?

Khi viết những dòng chữ này, trong thâm tâm tôi không hề hờn trách gì cử chỉ thái độ Sáu Khôi lúc đó. Anh làm Trưởng Phòng PA25, làm một mắt xích trong một guồng máy an ninh hoàn hảo, anh đương nhiên phải bảo vệ chiếc ghế của mình. Nhưng tôi chỉ giận anh lúc anh giao phó công việc viết bản tường trình của tôi vào mỗi buổi sáng cho những người khác tại Sở Công An suốt một thời gian dài. Tôi nhớ rằng mình bị “hỏi cung” tại căn phòng trên lầu cao có cửa sổ nhìn xuống mặt đất sâu hun hút. Có lần tôi nổi cơn thịnh nộ nắm tay vào ngực thỉnh thoảng sau tiếng chửi thề: “*Hồi trước giải phóng M16 bắn tôi không chết chẳng lẽ bây giờ bị AK bắn chết*”. Tôi còn hét lớn: “*Ép tôi khai những gì không có, coi chừng tôi nhảy qua cửa sổ tự tử là quý vị phải chịu trách nhiệm*”.

Thái độ liều lĩnh của tôi ít ra cũng có tác dụng. Những đợt thẩm vấn và triệu tập chấm dứt. Chấm dứt luôn công việc của tôi ở Cửa Hàng Thương Nghiệp HTXTP. Mà chấm dứt cũng phải, sau thời gian làm bốc xếp lao động quá nặng nhọc ở các kho của Cửa Hàng, tôi bị bệnh ho lao, mỗi ngày đều phải đến trạm y tế chích thuốc. Trong hoàn cảnh bệnh hiểm nghèo như vậy mà còn bị PA25 tra tấn tinh thần thì sức chịu đựng của tôi quả là một phép lạ. Tôi được tay giám đốc cho nghỉ lãnh lương dài hạn và tiếp tục chuỗi ngày lãng tử phiêu bồng. Sau này mấy lần tôi có gặp lại anh Sáu Khôi. Lần đầu tiên tái ngộ tại nhà Nguyễn Xuân Hàm, anh ruột

Nguyễn Xuân Phổ tức nhà thơ phong trào Hàm Phố, bạn tôi. Lần đó nhân kỷ niệm sinh nhật Sáu Khôi, tôi có cao hứng đọc gheo anh hai câu:

*SÁU KHÔI có một KHÔI SÂU
Bò ra lúc nhúc làm rầu nồi canh*

Tục ngữ nói “con sâu làm rầu nồi canh” chẳng sai. Tôi không ám chỉ Sáu Khôi làm rầu nồi canh mà muốn cảnh báo các nhân viên của sếp. Rằng ở đất nước Việt Nam đầy đau khổ này không có “địch”. Những kẻ cầm thù thề không đội trời chung với chế độ cộng sản đã “gô” hết rồi. Trong nước chỉ toàn văn nghệ sĩ “sĩ khí rụt rè gà phải cáo” nơm nớp uốn cong ngòi bút vì sợ vi phạm chủ trương đường lối. Báo chí truyền thanh truyền hình thì nói cùng một giọng như được mặc đồng phục. Tìm được người làm thơ viết văn viết báo dám ăn dám nói đếm trên đầu ngón tay. Đã không biết trân trọng giữ gìn những kẻ sĩ “đối lập cuối” đó để làm “bình phong nhân quyền” mà lại còn sinh nghi theo dõi theo kiểu mật thám Gia-ve trong NHỮNG NGƯỜI KHÔN KHỔ của Victor Hugo thì thật là tự vạch áo cho quốc tế xem lưng ghe chóc. Nếu có “địch” thì đó chính là bọn tham nhũng hối mại quyền thế, bọn cơ hội chính trị tranh thủ mua quan bán tước, đội trên đạp dưới, luôn sâu leo cao... để hiếp đáp hãm hại nhân dân. Chính những kẻ làm ô danh Đảng đó mới là đối tượng, là địch để A25 và PA 25 theo dõi.

Hai câu vè tạm gọi là thơ làm gheo anh Sáu không hiểu sao được đồn đại rất nhanh trong giới giang hồ văn nghệ và được biến cải như sau: “*Sáu Khôi là một Khôi Sâu - Bò ra lúc nhúc làm rầu nhân dân*”. Những lần tái ngộ kế tiếp thì Sáu Khôi đã về hưu sau khi giữ chức Trưởng Công An quận 1. Thịnh thoảng gặp nhau anh nhìn tôi với đôi mắt ngậm ngùi. Tôi không hiểu là anh thương tôi hay anh thương anh hay anh đang thương hai kẻ từng là cựu chiến binh Thành Đoàn lạc lõng giữa cuộc đời duy vật do chính mình gây ra đây?

Hương Lan, người yêu tôi thường nói rằng “*Anh là con cưng của Thượng Đế*”. Thực vậy, mỗi lần bị đẩy đến chân tường là tự nhiên tôi “*cùng tắc biến, biến tắc thông*”. Trong thời gian rảnh rỗi, tôi tha hồ ngao du sơn thủy. Tôi chở em xuống Bình Dương chơi cùng với ông anh thi sĩ giang hồ bạt tụy Thùy Dương Tử và em ruột ông là ca sĩ bụi đời Nguyễn Hải. Có những lúc cặp Trần Mạnh Hảo và Tôn Nữ Giáng Tiên tháp tùng. Cũng cần mở ngoặc đơn chỗ này để nói về Nguyễn Hải. Hải dân gốc Quảng Nam nguyên là Ban Công Nhân Thành Đoàn xuống xí nghiệp dệt làm công tác văn nghệ phong trào, từng đoạt huy chương vàng đơn ca hội diễn toàn quốc những năm đầu 1975. Giai thoại về Nguyễn Hải cũng khá ly kỳ, người nhà kể rằng anh không học trường nhạc mà luyện giọng bằng cách rúc đầu vào lu nước gặm rống. Mỗi lần anh hát là kinh động hàng xóm trong vòng bán kính 50 mét, mỗi lần anh ngâm thơ là mọi người im bật có thể nghe được tiếng lá rơi. Nguyễn Hải yêu kính mẹ như yêu kính Quan Thế Am, anh hát bài “*Có người mẹ đi tìm con - Trên đỉnh đồi hoang vắng...*” của Phạm Duy xúc động đến nỗi tôi phải làm bài thơ tặng anh.

MẸ MIỀN TRUNG

*“Có người mẹ đi tìm con
Trên đỉnh đồi hoang vắng”
Thằng bạn hát mà ngó về Đà Nẵng
Mây trắng bay lâu Hoàng Hạc đến bao giờ
Có phải mẹ ở miền Trung sợi tóc như tơ
Không cột được gót thằng con trai lêu lổng
Nên bạn cứ ôm guitar đi tìm giấc mộng
Thức trăm năm mà khóc với cây đàn*

Tại Bình Dương tôi có dịp tiếp xúc với Lê Vĩnh Thọ, một thầy giáo thất nghiệp kiêm nhà thơ bất đắc chí ngồi dựa lưng vào tường suốt 10 năm sau giải phóng như Đạt Ma Sư Tổ khiến vôi tường nứt nẻ thành hình cái bóng của một con người. Cái bóng ấy vừa phụ vợ con xay xe bán nước mía vừa đạp xe thồ hàng đêm chở bao tạ than lên Sài Gòn bỏ mối kiếm sống như danh tướng Trần Khánh Dư của nhà Trần thời xưa. Các bạn thử tưởng tượng đường Bình Dương – Sài Gòn xa hun hút, đầy bão kê thồ phi mã lộ dọc đường, thế mà Lê Vĩnh Thọ vẫn nghiên răng mỗi đêm leo dốc mà đạp. Sự đau khổ ấy của ông được trả giá bằng vô số bài thơ nhân tình thế thái cực hay. Tôi và ông rất nhiều lần thù tạc với nhau về thi ca ứng khẩu trong lời ca tiếng nhạc minh họa của Nguyễn Hải. Tôi có làm tặng ông một bài thơ kỷ niệm:

GÁC KIẾM Ở BÌNH DƯƠNG

*Đúng là về đây nương thân
Ròng không gặp lúc phong vân, vẫn Ròng
Về đây vào rẫy ra đồng
Thấy mây thấy gió chạy cong đuôi nhìn
Thấy ta giống hệt bình minh
Mặt trời mọc tự trong mình mọc ra
Mặt trời đỏ hết thịt da
Bình Dương chưa chắc đã là Quốc Oai
Bình Dương, Bò Bản ơ hay
Tiếng con chó sủa đủ lay ngại vàng
May mà treo ấn từ quan
Dạy dăm đứa trẻ xiên quàng tích xưa*

*Tích xưa sáng nắng chiều mưa
Trang Chu thức giấc đỏ thừa nôi kê
Bướm vàng chi khéo rủ rê
Mộng đi mà tỉnh quên về, thật sao?
Giận là giận Chúa cường hào
Thương là thương nỗi lao đao Chu Thần
Bình Dương, Bò Bản hay chăng*

Cờ Thang, Vũ dụng chẳng cần Thuấn, Nghiêu

*Đúng là về muộn mới yêu
Về trung niên cũng đánh liều trái tim
Văn như Thánh Quát cũng chìm
Thà làm viên sỏi nằm im đáy hồ
Thà là một chữ trong thơ
Đợi trang giấy đẹp bất ngờ ta reo
Chữ Tình ai dám bảo nghèo
Không tin cứ hỏi Thầy Kiều lâu xanh...*

Trời cao cuội cùng cũng có mắt. Sau này về Sài Gòn tôi nghe anh em văn nghệ Bình Dương nói rằng thầy giáo Lê Vĩnh Thọ trúng vé số cặp độc đặc đủ để... đốt nhà lá xây nhà lầu. Không biết ông còn giữ cái bóng hình nhân trên tường của mình trong suốt 10 năm ngôi dựa chờ thời hay không?

Riêng Thùy Dương Tử thì “cỏi trên” hơn. Tôi từng nghe các anh Tư Đồng, Sáu Đầu Rồng, Tôn Thất Mạnh Tường kể về giai thoại lúc Thùy Dương Tử lãnh giải nhất Thơ Tao Đàn Bạch Nga của tiên sinh Nguyễn Vỹ. Khi ôm cọc tiền thưởng từ cầu thang bước xuống trước ống kính máy quay của báo chí, Thùy Dương Tử không đi hết các bậc cầu thang mà bung cọc tiền “thùm lùm” tung tóe xuống phía dưới. Một trong những người thu hoạch tài chánh li xì bất ngờ của ông chính là nhà thơ châm biếm Cung Văn. Kể sơ sơ như thế để thấy sự ngông cuồng hào khí ngất trời của một thi sĩ tự do trọng nghĩa khinh tài thuở đó. Tôi còn nghe đồn rằng Thùy Dương Tử rất giỏi Kinh Dịch và bảm Nhâm Độn. Có lần tôi chở Hương Lan trên xe đạp ghé căn nhà điều hieu của ông trong tận cùng ngõ ngách khu Phú Nhuận. Trong cơn mơ màng, ông bật dậy chạy ra hét lớn “*Thằng em thiên tài chở vợ tới*”. Tôi hét hồn nhìn ông thì ông trợn mắt khẳng định: “*Chắc chắn chú mày sẽ lấy mỹ nhân này. Anh nhìn thấu kiếp trước lẫn kiếp sau của chú*”. Mọi chuyện tưởng như giỡn chơi ai ngờ “linh ứng” vào năm sau. Đáng tiếc bây giờ Thùy Dương Tử đã quy tiên, nếu không tôi sẽ còn thăm vấn ông về vận mệnh đất nước để nhờ ông đoán điềm giải mộng...

Đám cưới của Bùi Chí Vinh và Hương Lan

Ngoài cô dâu chú rể còn có: Võ Ngọc An, Lê Công Giàu, Trần Bạch Đằng, Phạm Chánh Trực, vợ chồng Võ Như Lanh, Bến Nghé, Nguyễn Chơn Trung

Tháng 8-1988 tôi và Hương Lan làm đám cưới tại khuôn viên Hội Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam. Chúng tôi chỉ có ái tình và hai bàn tay trắng. Anh Huỳnh Tấn Mẫm, Chủ tịch Hội lúc ấy và chị Giám hầu như lo cho tôi miễn phí hết mọi sự, từ mặt bằng đến lều bạt, âm thanh. Huỳnh Tấn Mẫm nguyên là Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn thời tôi tham gia phong trào học sinh tranh đấu. Anh yêu mến thơ tôi, tôn trọng cá tính của tôi và sẵn sàng tâm sự với tôi những chuyện không thể kể cho nhiều người. Đám cưới được hình thành từ công sức của bạn bè. Thiệp do Nhã Bình, Đỗ Trung Quân in tặng. Gửi thiệp tới quan khách do nhóm Trần Hữu Dũng đảm nhiệm. Bài “Oui Devant Dieu” nổi lên, bao nhiêu ân oán giang hồ rũ sạch, mọi nghi kỵ thù hận nhỏ nhen tan biến. Quan khách đến dự tiệc cưới có mặt từ lãnh đạo trung ương, thành phố cho đến văn nghệ sĩ bụi đời. Bàn “các sếp” có ông Trần Bạch Đằng, Phạm Chánh Trực, Nguyễn Chơn Trung, Huỳnh Tấn Mẫm, Dương Văn Bảy, Lê Công Giàu, Bảy Câu, Bến Nghé, bà Chín Ngân, vợ chồng Võ Như Lanh... Bàn nhạc sĩ có Miên Đức Thắng, Diệp Minh Tuyên, Phan Bá Chúc, Nguyễn Duy... Bàn họa sĩ có vợ chồng diễn viên Lê Chánh, Hồ Hữu Thủ, Rừng, Hải Nguyễn, vợ chồng Hồ Thành Đức, Bé Ký... Bàn dịch giả có Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Phan Thịnh, Nguyễn Ngọc Trân... Bàn văn thi sĩ có vợ chồng ông Cung Tích Biền, Hà Nguyên Thạch, vợ chồng Lê Thị Kim, Trần Hữu Dũng, vợ chồng Đoàn Thạch Biền, vợ chồng Nguyễn Lương Vy... và rất nhiều anh em chiến hữu văn nghệ khác mà tôi không thể nhớ hết tên. Trong tiệc cưới, quan khách có cấp bậc cao nhất tham dự là ông Trần Bạch Đằng tức chú Tư Ánh đương nhiên đóng

vai cương vị chủ hôn. Về việc này tôi có nói sơ trong GIAI THOAI CỦA THI SĨ các phần trước. Lúc lên phát biểu chú Trần Bạch Đằng có khuyến cáo vợ tôi rằng “*Lấy thằng Vinh là con phải trang bị một khẩu súng để bóp cò lúc cần thiết*”.

Câu nói của ông làm vợ tôi hoảng hồn. Tôi phải xoa dịu em bằng bài thơ dịu dàng khắc ra tại chỗ:

ĐÊM OUI DEVANT DIEU

*Kìa Oui Devant Dieu
Mau quỳ xuống trước bàn thờ đi em
Đừng cắn tay, đừng ngó lên
Trước khi chớp mắt đừng quên liếc chàng
Lát chàng nâng ngón tay ngoan
Nhớ hôn mặt nhẵn nói thầm: anh ơi
Lát môi chàng chạm vào môi
Nhớ suyt khe khẽ: suốt đời nghe anh!*

Lời khuyên hữu ích của chú Tư Ánh đã khiến đời tôi rẽ qua một bước ngoặt khác. Ông Trần Bạch Đằng như nhiều người biết từng là Đệ Nhất Công Thần của cách mạng miền Nam trong hai thời kỳ kháng chiến, ông tuy mang tiếng về hưu nhưng cương vị chính trị trong hậu trường còn lớn hơn thời còn tại vị. Vai trò ông quan trọng đến mức tôi thường gọi đùa ông là “quân sư Nguyễn Trãi” thiếu minh chúa Lê Lợi để phò tá. Đến chơi nhà ông nhiều lần, tôi được biết và chứng kiến không ít các vị lãnh đạo tối cao của nhà nước vừa nhậm chức đến gõ cửa ông nhờ tư vấn. Nhưng cho dù ông có làm đến “ông trời” đi nữa thì tôi vẫn yêu mến và kính trọng ông như bậc cha chú, như một người làm thơ đàn anh có tâm huyết thật sự với đất nước. Ông có hai câu thơ hào khí ngất trời khiến tôi rất thích:

*Dưới hăm đọc Lục Vân Tiên
Bỗng nghe vó ngựa bình Phiên thuở nào*

Trong thời kỳ cánh cửa “bé quan tòa cảng” vừa hé mở, không ai khác mà chính Trần Bạch Đằng mở toang cánh cửa văn hóa ra thế giới bên ngoài qua bộ phim nhựa chiếu trên đài truyền hình nhiều tập đầu tiên VÕ TẮC THIÊN do ông mang về. Bộ phim đã gây sóng gió với nhiều dư luận khác nhau từ giới chính trị bảo thủ. Nếu kẻ phổ biến bộ phim trên là một nhân vật khác không phải Trần Bạch Đằng thì ắt đã nằm trong tầm ngắm của công an văn hóa. Kỷ niệm của gia đình tôi và ông càng sâu đậm thêm vào mỗi dịp Tết. Cứ cuối năm lần nào đến thăm ông, tôi cũng được ông dành sẵn cặp rượu XO hiệu Martell hoặc Hennessy thượng hạng kèm theo một phong bao lì xì cho thằng nhóc con Bùi Vương của tôi tương đương một tháng lương. Đặc biệt đến thăm Trần Bạch Đằng mà không có Hương Lan vợ tôi là ông sa sầm nét mặt. Có lần vợ tôi bận bịu công việc, chỉ có hai cha con tôi xông đất thì ông nhăn nhó: “*Sao mà không dẫn con Lan đến, nó là con gái nuôi của tao. Tao gửi nó cho mày để nó làm mày thuần tính. Nhớ đó*”... Một lần khác gần đây

trước khi ông mất, ông còn viết một bài nhận định tổng kết khá dài trên báo Tuổi Trẻ để nói về những người làm nên diện mạo văn hóa chữ nghĩa cho thành phố, cho miền Nam đang bị nền báo chí thực dụng cố tình lãng quên. Trong bài báo ông có nhắc tên Sơn Nam... như nhà văn hóa lớn, và nhắc tên tôi như một thi sĩ dân gian đặc sản của Nam Bộ. Con người ông đại khái là vậy, ai nói gì ai xầm xì gì mặc kệ, ông đã vượt ra ngoài tầm mọi “thủ đoạn chính trị” của các phe nhóm để cuối cuộc đời sống như một con người. Những chuyến đi nước ngoài ông kể lại cho tôi làm tôi nhớ đến bài thơ ĐI SÚ SINGAPORE của thi hào Cao Bá Quát khi bị lưu đày theo sứ bộ Phạm Phú Thứ ngày xưa. Xin mạn phép chép lại để các bạn nghiền ngẫm:

THƠ CAO BÁ QUÁT

*Tân Gia từ vượt con tàu
Mới hay vũ trụ một bầu bao la
Giật mình khi ở xó nhà
Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi
Không đi khắp bốn phương trời
Vùi đầu án sách uổng đời làm trai*

Rõ ràng cái chết của chú Tư Ánh tức ông Trần Bạch Đằng là một mất mát quá lớn đối với đất nước. Không còn ông tư vấn về mặt nhân tâm và đạo lý, tình hình xã hội trở nên rối như mớ bòng bong. Những bế tắc vừa qua trong việc giải quyết tham nhũng từ trên xuống dưới đã chứng thực điều ấy.

Bước ngoặt đời tôi xảy ra sau đám cưới khoảng vài tháng. Một hôm ông Lê Thanh Hải tức Mười Hải, giám đốc Sở Nhà Đất thành phố mời tôi và nhạc sĩ giang hồ Nguyễn Hải đến dự tiệc tại tư gia. Ông Mười Hải trước kia là một trong những lãnh đạo Thành Đoàn thời bí mật, từng ở tù Côn Đảo và rất có máu mê văn nghệ. Ông nghe các phụ tá đồn đại về khả năng xuất khẩu thành thơ cay đắng của tôi nên muốn được thưởng thức cụ thể. Hôm đó Nguyễn Hải hát và ngâm bài thơ HỒ TRƯỜNG của Nguyễn Bá Trác cùng bài thơ PHẢN TÓNG BIỆT HÀNH của tôi xuất thần đến nỗi ông Mười Hải lặng người. Và tôi đọc tiếp bài ÔNG GIÀ BẮT RẰN làm ông chết điếng. Bài thơ ÔNG GIÀ BẮT RẰN ra đời khi tôi và Hồ Lê Thuần (con trai cố bí thư Thành Đoàn Hồ Hảo Hớn) ngồi nhậu tại một quán rượu chiều mưa trên đường Trần Quang Khải. Đang nhậu bỗng một người đàn ông trung niên tiêu tụy đeo bị gậy tiến lại. Hai thằng mời vị hành khát ngồi vào bàn. Rượu vào lời ra mới biết người hành khát khắc khổ từng là cựu sĩ quan chế độ cũ sau khi học tập cải tạo về phải hành nghề bắt rắn để nuôi thân...

ÔNG GIÀ BẮT RẰN

*Đột nhiên uống rượu gặp ông già
Hai thằng đều thuộc loại không cha
Cha ta ngày trước chưa hành khát*

Sao ông già xách bị thăm ta?

Quá may chai rượu còn phân nửa
Ta nâng ly thù tạc bạn già
Đêm nay không xin mà như xin
Tiếng cười theo giọt lệ lã ra

Không gặp nói chi, bằng đã gặp
Chiến tranh dứt, sao mô còn đắp?
Mời bố cạn ly rồi cười khà
Chôm hóm coi đời thua con mắt

Ông già, thằng nhỏ cụng ly “túc”
Khè khè không kém rắn hổ mang
Thiên hạ cao tay bằng ngón út
Giang sơn thu lại vắt trên bàn

Ông già kể: “Nếu ưng nhậu rắn
Mời mấy em lên núi một lần
Khô hồ, khô trăn “qua” chất đóng
Gọi là có dịp ngộ tri âm

“Qua” bắt rắn bằng dây thông lọng
Khác thầy mo bắt rắn bằng bùa
Mãng xà cắt cổ “qua” làm tiết
Xực vào là khoái chuyện mây mưa

Chưa hết, mới xong màn tiết rắn
Còn sáu món chờ anh hùng ẩm
Luộc, xào, lẩu, nướng, gỏi, cà ri
Anh hùng ẩm tưu, anh hùng tận

Nhưng mấy em ơi, “qua” đã già
Cháu chết thì đang thời khát sữa
Đành nửa đêm băng núi đi xa
Nói dóc xuống Sài Gòn đòi nợ

Mà xuống đồng bằng, “qua” là hổ
Con thú làm sao có mái nhà
Trời thương cho ngủ ngoài xó chợ
Đêm về nước mắt tương sương sa

May mà gặp chú dòng hảo hớn
Mời cụng ly không sợ dơ bàn

*Chỉ tiếc thiếu một khoanh khô rắn
Cắn vào quên nỗi sợ công an”*

*Ông già xách bị chào mấy đứa
Bố ơi, đất nước lắm ăn mày
Tụi con trúng mánh nhờ phụ nữ
Thời này con gái dễ đưa cay*

*Thời này con gái như con rắn
Đem nướng phơi khô nhậu đã đời
Tụi con giống bố thân hành khát
Thường xin tiền phụ nữ mua vui*

*Còn hơn ăn trộm bằng ngòi bút
Vua quan trăm kiểu hái ra tiền
Tụi con tính trời cho háo sắc
Ra phố thường ăn trộm trái tim*

*Mưa xuống, ba người không chỗ ở
Ông già bắt rắn đã đi xa
Riêng ta đi kiếm dây thông lọng
Đợi nàng rắn cái lén đi qua!*

Sau khi hỏi thăm cụ thể về quá trình công tác, ông Mười Hải dặn tôi và Nguyễn Hải làm ngay hai hồ sơ cá nhân để ông thu xếp công việc phù hợp với chuyên môn từng người tại Sở Nhà Đất TP. Tôi và Hải cùng nộp hồ sơ theo yêu cầu nhưng không hiểu sao chỉ mình tôi được nhận về Ban Nghiên Cứu của Sở. Ngày đầu tiên đến cơ quan trình diện, Mười Hải khẳng định với tôi “*Em về chỗ anh là để phát huy khả năng làm báo. Sở Nhà Đất đang xin phép ra một tờ báo hằng tuần. Không sử dụng tài nghệ viết lách của em là rất uổng*”. Như vậy trong khi chờ đợi tờ báo ra đời, tôi tạm thời sinh hoạt tại bộ phận tham mưu cho giám đốc được mệnh danh là Ban Nghiên Cứu. Đó là một ban quy tụ các anh hào tứ xứ từ các nguồn khác nhau đổ về. Dân tập kết có, dân học sinh miền Nam có, dân hoạt động nội thành có và dân chính quyền cũ lưu dụng lại cũng có nốt. Đó là các chuyên viên tài năng trên các mặt ngân hàng, tài chính, địa ốc, văn hóa dân tộc. Tại đây tôi cùng các anh Lộc, Tiếp, Trí, Lân... soạn thảo một cuốn sách văn bản pháp quy giải đáp những thắc mắc của mọi người về phương diện tranh chấp đất đai, quyền sở hữu nhà cửa và các thứ linh tinh khác. Cuốn sách như một thứ cảm nang được tôi biên soạn hành văn một cách linh động và dí dỏm. Tôi còn được Mười Hải tin nhiệm giao cho việc ngoại giao báo chí khiến nhiều đồng nghiệp cũ trong giới làm báo đến Sở Nhà Đất gặp tôi ngỡ ngàng. Trong đó có cả anh Huỳnh Bá Thành. Đáng tiếc duyên nợ của tôi với Sở Nhà Đất khá ngắn ngủi. Tôi rơi vào hoàn cảnh “*rất uổng*” như sếp Mười Hải vô tình dự đoán trước. Bởi một lẽ giản dị cuối cùng không có giấy phép ra tờ báo và Mười Hải nhận quyết định về hưu. Trong một buổi gặp gỡ riêng vị sếp mê văn nghệ nói với tôi: “*Huỳnh Bá Thành bên báo Công*

An TP đánh tiếng với anh muốn xin em về làm báo. Bên đó phù hợp với em hơn ở đây. Ở đây không có tờ báo mà anh lại sắp về hưu thì ai lo cho em? ”.

Thế là xong. Một năm hương lửa đang nồng, trượng phu chưa muốn động lòng xuất chinh thì... tôi đã phải từ giã Sở Nhà Đất. Đúng là tôi không có lộc ở cơ quan được đôn là “xịn” nhất trong các cơ quan làm ra của cải tiền bạc cho thành phố. Tôi chưa vội vã gặp họa sĩ Ớt tức anh Huỳnh Bá Thành. Tôi quyết định phiêu lưu xuống miền Tây theo đề nghị của báo Văn Nghệ TP để viết loạt phóng sự giang hồ về các cây bút lừng danh miền sông nước. Nhân sự chuyến đi gồm có Kim Tuấn, Trần Hữu Dũng, Vũ Ngọc Giao và tôi. Bốn người làm thành một phái đoàn mà thiên hạ gọi là Tây Du Ký. Còn phải hỏi, nhà thơ Kim Tuấn vốn tính tình điềm đạm nho nhã lại lớn tuổi nhất, là tác giả các bài thơ phổ nhạc nổi tiếng trước giải phóng như ANH CHO EM MÙA XUÂN, NHỮNG BƯỚC CHÂN ÂM THẦM... xứng đáng làm thầy chùa Tam Tạng thỉnh kinh. Nhạc sĩ guitar cổ điển Vũ Ngọc Giao vốn dĩ háo sắc, mê các em và mê nhậu hơn mê âm nhạc nên tục gọi Trư Bát Giới là phải đạo trời. Nhà thơ Trần Hữu Dũng thì lúc nào cũng ậm ừ, tịnh khẩu một cách bí ẩn thành thử được mệnh danh là Sa Tăng. Còn tôi tính khí ngang tàng, thấy việc ngứa mắt là phát biểu, giao tiếp rộng rãi cả hai phe chánh tà nên anh em phong làm Tề Thiên Đại Thánh. Phái đoàn chúng tôi lên đường chu du đủ lục tỉnh, làm nên loạt phóng sự nhiều kỳ HẢO HÓN MIỀN TÂY vang dội. Vũ khí duy nhất của tôi trong chuyến Tây Du Ký vẫn là những bài thơ tình đặc sản Nam bộ mà đồng nghiệp và công chúng yêu cầu đọc lên trong những đêm thơ. Xin giới thiệu bài thơ CON GÁI BA MIỀN đọc trong chuyến đi lưu diễn:

GÁI BẮC

*Con gái Bắc rất chịu chơi
Ta dân Nam bộ ngỏ lời cầu hôn
Chịu chơi vì lắm hồi môn
Chẳng hạn răng khềnh, má tròn đồng xu
Chưa kể con mắt tiểu thư
Dáng đi công chúa, lời ru thiên thần
Ta thường dễ động lòng trần
Thấy con gái Bắc manh tâm ngó hoài*

*Các em mình hạc xương mai
Thấp cao vẫn nhớ, mập gầy vẫn thương
Chanh chua vẫn ngọt như đường
Nói xạo cách mấy vẫn tương tư hoài
Nhớ em lời hết lỗ tai
Lỡm hai con mắt, lời mười ngón chân
Em tên Bích, Thảo, Thu, Vân
Hay Kim, Oanh, Yến có lần chịu chơi
Từng yêu khi mới chào đời
Đêm nay gọi các em ơi, ta buồn*

Hà Nội băm sáu phố phường
Ngó môi em hết nhớ đường về Nam

GÁI HUẾ

Con gái Huế rất khó chơi
Ta dân Nam bộ thốt lời vũ phu
Khó chơi vì hát như ru
Nói như chim hót, bước như rắn trườn
Cộng lại thì thành văn chương
Trừ ra thì dễ bắt thường động tâm

Sơn bất tận, thủy bất thâm
Lên núi Ngự mới ớn thâm sông Hương
Ta từ xưa thích du dương
Ủa trèo núi, khoái bơi xuống lội sông
Giang hồ một phút yếu lòng
Kêu lên hai tiếng mặn nồng: Huế ơi
Dù các em rất khó chơi
Nhưng ta cũng thử ngỏ lời bướm ong

Các cô gái Huế nghe không
Kêu thêm phụ nữ đến cùng ta đi

GÁI NAM

Con gái Nam rất ham chơi
Ta dân cùng xứ ngỏ lời biểu dương
Ham chơi đến lúc lên giường
Em còn xuống giọng cái lương rất mùi
Sáng đèn nhớ lúc tối thui
Giàu sang nhớ củ khoai lùi dính tro
Các em như miếng cá kho
Ngó vô thấy đã, cắn vô thấy bà
Cắn vô xương gỡ không ra
Trừ khi trình diện ông già của em

Lên Đồng Nai, xuống Long Xuyên
Các em má lúm đồng tiền bắt ham
Chỉ người ngu mới không tham
Ta chưa ngọc muốn gỡ làm vốn riêng
Kệ đồng tiền trắng hay đen
Ngày ta bỏ túi, đợi đêm bỏ mùng

*Các em mới liếc đã khùng
Hèn chi thi sĩ, anh hùng phải tiêu
Mỹ nhân nghĩ thiệt trớ trêu
Xưa nay danh tướng biết điều dưới cơ
Vòng Bến Tre, bọc Cần Thơ
Ở đâu ta cũng choán giờ cơ quan
Nước dừa em tắm thả giàn
Ta vốn đàng hoàng cũng lén rình coi
Rình coi con quạ kêu rồi
Quạ kêu “nam đáo” nữ ơi đề phòng*

*Phải không Đào, Cúc, Thu, Hồng
Anh trai khác họ đem lòng nhớ thương!*

Trong chuyến đi tôi có dịp làm quen với Trịnh Bửu Hoài, Phù Sa Lộc, Nguyễn Văn Bồn, Võ Minh Đường, Trúc Linh Lan, Nguyễn Lập Em, Phạm Hữu Quang, Huỳnh Duy Lộc, Trần Thế Vinh, Hồ Thanh Điền, Thiện Chiến, Trần Thanh Phong, Trương Công Thuật, Ngô Khắc Tài, Song Hảo... Đáng tiếc là lộ trình lưu diễn không đi qua Bến Tre và Long An để gặp bạn bè cũ là anh Mặc Tuyền, Đinh Thị Thu Vân, Hồ Trường, Bảy Dân, Nguyễn Tùng, Kim Ba, Ngọc Diệp... Tôi cũng không gặp các huynh đệ quen thuộc Nguyễn Trọng Tín, Võ Đắc Danh, Võ Đắc Dự... vì họ không còn ở chỗ cũ. Chuyến đi đọng lại hai hình ảnh anh hùng hảo hớn cả văn lẫn võ. Đó là Phạm Hữu Quang và Huỳnh Duy Lộc, một kẻ vai bạn, một người vai em.

Phạm Hữu Quang râu quai nón như Lỗ Trí Thâm, tướng tá kèn càng như con gấu nhưng có ánh mắt và nụ cười thật dễ thương. Phạm Hữu Quang ăn ý với tôi ở chất Lục Vân Tiên, tại Long Xuyên hề gặp chuyện bất bình là anh sẵn sàng ra tay can thiệp nên thường “xa huy chương mà gần tù tội”. Anh lập gia đình có một vợ hai con, hồi học đại học Sư Phạm trên Sài Gòn cùng lớp với Nguyễn Nhật Ánh. Thơ Phạm Hữu Quang phải nói là độc đáo và có cá tính. Đọc những bài thơ phiêu bạt, khinh mạn của anh làm tôi liên tưởng đến thi sĩ Hà Thúc Sinh thời vàng son trước 1975. Hai anh em có một đêm nằm tâm sự với nhau và anh dúi vào tay tôi bài thơ mới làm từ chuyến viễn du miền Trung chống stress. Bài thơ được tôi đưa cho Tổng Biên Tập báo Văn Nghệ TP là anh Chim Trắng đăng ngay lúc phái đoàn Tây Du Ký trở về. Bài thơ nổi tiếng đến mức hai câu cuối cùng tới bây giờ vẫn còn lưu truyền trên mạng internet:

*Giang hồ ta chỉ giang hồ vật
Nghe tiếng com sôi đã nhớ nhà*

Khi tôi viết những dòng chữ này thì họ Phạm đã vĩnh biệt cõi đời sau một cơn bạo bệnh. Những dòng chữ xem như nén nhang thương tiếc một con người tài hoa sinh bất phùng thời.

Ngược lại với Phạm Hữu Quang, xuống Cần Thơ tôi đụng độ một hiền đệ gặp lúc thời vận ăn nên làm ra nhưng vẫn giữ nguyên tắc hảo hớn miền Tây “*kiến nghĩa bất vi vô đông già*”. Đó là Huỳnh Duy Lộc, giám đốc khách sạn Hào Hoa kiêm thi sĩ kiêm võ sĩ Thần quyền. Cuộc gặp mặt có cả Vũ Ngọc Giao như một chứng nhân. Xét về thơ thì Huỳnh Duy Lộc ăn nói cực kỳ khiêm tốn. Xét về võ thì họ Huỳnh khởi sự bằng cách nhai ly rôm rốp và nuốt chửng. Chuyện đó tôi cũng làm được, tôi ghé răng hất ly xây chùng vào miệng rồi nhai như bánh trắng đập lể. Huỳnh Duy Lộc chuyển sang võ bí mật. Hiền đệ họ Huỳnh đặt một trái quýt lên đỉnh đầu con người cao tới 1m74 là tôi, sau đó hiền đệ tung một cú giò lái từ thân thể cao chưa tới 1m60. Trái quýt bị đá văng khỏi đầu tôi như một luồng gió thốc. Sấn đà cao hứng, hiền đệ xách con dao chặt dừa ra chẻ phăng một trái dừa xiêm. Cũng con dao đó, họ Huỳnh chém vào ngực trần của mình bình bịch. MÀN biểu diễn võ gông chấm dứt mà da thịt Huỳnh Duy Lộc không hề trầy trụa hay sút mẻ. Được biết trước khi trở thành thi sĩ, Huỳnh Duy Lộc từng bôn ba sóng gió giang hồ. Lộc từng thành danh đại ca bên đất nước chùa Tháp, từng hỗ trợ tích cực chính quyền địa phương trong việc săn bắt tội phạm hình sự.

Vợ chồng Bùi Chí Vinh

Năm 1989 tôi làm việc tại Lãng Ông Lê Văn Duyệt. Trong một lần họp mặt truyền thống Thành Đoàn tại nhà anh Sáu Quang, tôi được Sáu Quang tức Nguyễn Chơn Trung (bí thư Thành Đoàn thứ nhì sau anh Năm Nghị) kêu về Bình Thạnh, nơi anh đương chức Bí thư Quận Ủy. Anh và Tư Phương tức Nguyễn Xuân Thượng phụ

trách kinh doanh du lịch đang rất cần một đảng viên có năng lực để điều hành và vực dậy di tích Lăng Ông Lê Văn Duyệt trong tình trạng xuống cấp. Anh Sáu Quang từng chỉ đạo trực tiếp báo Tuổi Trẻ từ ngày mới thành lập và tương đối am hiểu con người nổi loạn của tôi, bởi anh cũng là một người làm thơ phong trào dưới bút hiệu Thiên Lý và là Chủ tịch Tổng Đoàn Học Sinh Sài Gòn trước cả Lê Văn Nuôi. Chỉ đáng tiếc tôi chưa hề là đảng viên nên tôi quyết định giới thiệu Lê Văn Cường, một nhạc sĩ đảng viên bên lực lượng TNXP cho anh vì Cường cũng chưa có việc làm, đang chờ chuyển ngành. Thế là hai đứa tôi cùng về phòng Văn Hóa Quận một lượt. Lê Văn Cường được bổ nhiệm làm giám đốc Lăng Ông. Trong GIAI THOẠI CỦA THI SĨ những phần trước, tôi đã nói sơ sơ về Cường. Đại khái tôi và Lê Văn Cường là cặp bài trùng một thơ một nhạc đi đến đâu tạo niềm vui cho đám đông ở đó. Vì vậy thoát đầu nhận chức ở Lăng Ông, Cường và tôi đã quy tụ anh em hào kiệt tứ xứ khắp nơi. Nòi tình đồng điệu gặp nhau, khu di tích Lăng Ông thuở ấy khá hùng mạnh với bố già Sơn Nam làm cố vấn, với đạo diễn Trần Văn Hưng phụ trách nhà hát vừa xây dựng xong, với Đoàn Vị Thượng làm chánh văn phòng, với Nguyễn Hải làm quản lý Lăng... và võ thuật do Hồ Hoàng Khánh, huấn luyện viên Không Thủ Đạo, con trai cố võ sư lừng danh Hồ Cẩm Ngạc đảm nhiệm. Cuộc đời tương xuôi chèo mát mái nhưng... tương vậ mà không phải vậ. Giống như 108 anh hùng Lương Sơn Bạc ngày xưa, thời từng anh hùng còn “solo” chơi với nhau thật tình nghĩa, chia cơm xẻ áo hết mình, đến khi bị Tống Giang, Ngô Dụng gom sông lại thì năm bè bảy mối, tan đàn xẻ nghé nghi kỵ lẫn nhau. Trong đạo Công Giáo có câu *“Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đảng”*. Ê kíp chúng tôi cũng không thoát khỏi định mệnh. Sau một thời gian “bạo phát” dưới hình thức kinh doanh mượn duy linh để làm duy vật, Lăng Ông “bạo tàn” nhanh chóng. Tôi không thể đấu tranh với chính bạn bè mình nên đành chia tay trong sự ân hận. Duy nhất một kỷ niệm đẹp mà tôi còn giữ: đó là lần đầu tiên tôi và nhạc sĩ Trần Tiến kết hợp nhau làm Đêm thơ nhạc thu hút khá nhiều sự bình phẩm của giới chuyên môn ở Lăng Ông...

Nghỉ Lăng Ông tôi rơi vào tình thế chỉ mảnh treo chuông vì gia đình tôi sắp có con trai đầu lòng. Đúng lúc đó chiếc đũa thần từ tay Huỳnh Bá Thành gõ xuống. Huỳnh Bá Thành tức họa sĩ Ốt bí danh Ba Trung, nổi tiếng với nét cọ châm biếm cự Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chỉ bằng một nét vẽ mà giống cực kỳ. Anh hoạt động tình báo trong An Ninh T4 và là phụ tá báo chí của Đại tướng Dương Văn Minh (Tổng Thống cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa). Tôi biết anh ngay từ thời tôi còn phụ trách trang văn nghệ báo Tuổi Trẻ. Thuở ấy anh bị “đi” ná thờ. Một trong những lý do bị thượng cấp nghi ngờ là tại sao anh làm tình báo mà không bị ở tù hoặc bị địch phát hiện, lại còn được Tổng Thống “ngụy” trọng dụng? Thế là có lúc Huỳnh Bá Thành sa cơ phải công tác tại bãi giữ xe trước cửa Sở Công An TP trên đường Trần Hưng Đạo. Có lúc nhà anh đói đến mức thi sĩ giang hồ Mặc Tuyền từ Long An lên phải viện trợ gạo. Cả họa sĩ Ngôéo, một đồng chí vẽ châm biếm tài hoa, cũng từng giúp đỡ vật chất cho anh. Chính từ những ngày hàn vi ấy mà Huỳnh Bá Thành thấm thía hết sự bất công. Anh nhạy cảm trong sự phân biệt chính tà thiện ác và dám đầu tư nhân sự cho tờ báo Công An TP theo ý riêng của

mình. Tại nhà hàng Continental (thời bia quốc doanh) anh, tôi, Ngụy Ngũ, Sáu Du, Hồ Ngọc Xum từng chia nhau từ miếng bánh mì cho đến ly bia hơi tem phiếu.

Tôi làm việc trong Ban cố vấn của tờ báo. Ban cố vấn là tên gọi một cách nôm na, thực chất đó là bộ phận tham mưu chiến lược cho Huỳnh Bá Thành bao gồm Ngụy Ngũ, Lưu Trọng Văn, Sơn Nam, Vũ Hạnh và tôi. Bằng kinh nghiệm lịch lãm của một người làm báo Sài Gòn cũ, Huỳnh Bá Thành đã đưa tờ Công An TP từ chỗ vô danh cho đến vị trí bán chạy nhất trong làng báo Việt Nam với con số phát hành kỷ lục. Mỗi ngày Huỳnh Bá Thành bắt tôi phải đến tờ báo vài tiếng đồng hồ buổi sáng để họp riêng với anh, chủ yếu là làm trang Văn Hóa Văn Nghệ, viết phóng sự hài hước, chuẩn bị những kịch bản phim viết chung cho hãng phim Người Bảo Vệ mới thành lập, và cả chuyện viết chung Feuilleton. Anh tin tôi đến mức có lần phát biểu trong một cuộc họp báo trà dư tửu hậu lúc ra mắt hãng phim: *“Bùi Chí Vinh đại diện cho tôi, những gì Bùi Chí Vinh phát biểu là tôi phát biểu”*.

Tôi đã không phụ lòng tin của anh. Bất chấp sự đa nghi của một số kẻ bảo thủ trong tờ báo, tôi và anh đã hoàn thành truyện dài nhiều kỳ LUẬT NHÂN QUẢ đăng trên báo Văn Nghệ TP, truyện cũng được chuyển thể thành kịch bản phim chung hai người mang tên MỆNH MÔNG TÌNH BUỒN do Hồ Ngọc Xum làm đạo diễn, Nguyễn Ánh 9 làm nhạc phim. Ngoài ra năm 1989 lần đầu tiên trong đời, một ông anh khác là Vũ Quang Hùng, phó Tổng biên tập báo Công An TP kiêm phụ trách Nhà in Nguyễn Minh Hoàng cũng hỗ trợ cho tôi in thiếu tập THƠ TÌNH BÙI CHÍ VINH do NXB Trẻ cấp giấy phép với số lượng bước đầu 5.000 bản. Anh Vũ Quang Hùng vốn là dân ám sát thuộc An ninh T4 sau giải phóng chuyển qua làm báo đúng như niềm mơ ước thời sinh viên của anh. Cũng như họa sĩ Ba Ót, anh Hùng rất “sính” kiểu cách làm thơ ngang tàng của tôi nên anh em tri ngộ nhau tương đắc. Tôi đôi khi đóng vai trò hòa giải các ý kiến khác nhau giữa hai sếp bằng những bài thơ dụ ngôn. Nhờ sự trợ lực của Vũ Quang Hùng, tập THƠ TÌNH BÙI CHÍ VINH in ra gây tiếng vang lớn trên thi đàn cả nước và công chúng trẻ. Đã có những cuộc hội thảo về tập thơ “vĩa hè”, “đáng đọc nhất thế kỷ” trên báo chí lẫn các trường đại học mà tôi đã từng đề cập.

Huỳnh Bá Thành có những tham vọng riêng, tham vọng nào cũng đứng trên nền tảng quyền lợi của nhân dân hơn quyền lợi cá thể. Tuy nhiên cách hành xử luôn đi trước thời đại của anh khiến nhiều người ngộ nhận, trong đó có cả thượng cấp. Cũng may anh được ông Phạm Hùng (Phó Chủ tịch HĐBT phụ trách Bộ Nội Vụ lúc đó) ủng hộ nên nhiều vụ tai qua nạn khỏi. Trong một xã hội nhiều nhượng, con người tài năng cho dù đức độ vẫn luôn đầy dẫy kẻ thù, trường hợp Ba Ót tức Huỳnh Bá Thành cũng như vậy. Có lần anh bị một số báo chí hùa nhau vây đánh về vụ che chở cho Việt kiều Nguyễn Quốc Bảo tức Bảo Sơn trong thương vụ điện ảnh. Anh phần nộ tâm sự với tôi, nhờ tôi viết loạt bài phản kích. Tôi chỉ hỏi anh một câu: *“Tôi tin anh. Nhưng vụ Bảo Sơn với pháp luật là đúng hay sai. Nếu sai thì tôi sẽ không làm”*. Khi Huỳnh Bá Thành khẳng định rằng anh am tường pháp luật và việc bảo vệ chuyện làm ăn hợp pháp của Việt kiều là đúng, thì tôi liền hoàn tất hồ sơ phản biện báo chí theo yêu cầu của anh. Kết quả hậu trường sau đó êm xuôi,

lời ong tiếng ve cũng biến mất. Huỳnh Bá Thành tuyên bố một câu ngậm ngùi trong bữa nhậu tại nhà trước nhiều người: “*Cháy nhà ra mặt chuột. Trải qua hoạn nạn mới biết đá biết vàng. Mới biết trong báo chí trong đồng hương xứ Quảng của mình, ai là kẻ lừa thầy phản bạn*”.

Huỳnh Bá Thành qua đời vào mùng 2 Tết, lúc anh thở phào nói với tôi: “*49 bước qua, 53 bước lại, cụng ly với anh chúc mừng qua năm tuổi*”. Đêm đó tại nhà anh, hai vợ chồng tôi và hai vợ chồng anh Nguyễn Đăng Trùng (là người em cột chèo với anh) là những kẻ ngồi lại khuya nhất. Khi tôi và Hương Lan về, chỉ còn luật sư Nguyễn Đăng Trùng và bà xã ở lại. Đến khoảng 2 giờ sáng thì nhà văn Từ Kế Tường gọi điện thoại báo tin khẩn cấp cho tôi là anh Ba Ớt đã đột tử, xác quàng tại chùa Đại Giác, và các anh Vũ Quang Hùng, Hà Phi Long đề nghị tôi có mặt tại báo Công An TP suốt những ngày sau đó. Cái chết của Huỳnh Bá Thành gây chấn động làng báo trong và ngoài nước, anh chết cũng bất ngờ như vị lãnh đạo từng che chở anh đã qua đời trước đó là ông Phạm Hùng, đều cùng một nguyên nhân được giải thích là “nhồi máu cơ tim”. Cái chết của Huỳnh Bá Thành đi vào kỷ lục quốc gia về số lượng người thấp nhang đưa tiễn. Kỷ lục Guinness đau buồn này ghi nhận cho đến giờ chỉ có 3 đám ma đông người đến viếng nhất. Đó là đám ma nữ nghệ sĩ Thanh Nga làm sập bờ tường do công chúng hâm mộ xô đẩy. Đó là đám ma diễn viên Lê Công Tuấn Anh với công chúng điện ảnh trẻ tràn ngập khắp Sài Gòn như một cuộc mít tinh. Đó là đám ma Huỳnh Bá Thành với thập loại chúng sinh đến viếng, từ lãnh đạo trung ương địa phương đến bà con lao động nghèo khổ, giang hồ du đãng, bán vé số, đập xích lô, đập xe ba bánh, thương binh ngồi xe lăn cả hai chế độ. Phải nói rằng đám ma anh Ba Ớt là đám ma “nhân dân” đúng nghĩa nhất, con người suốt đời làm từ thiện cứu nhân độ thế như anh đã được đền đáp đích đáng bằng nước mắt của những người cô thế mà anh từng giúp đỡ...

Đêm đầu tiên quan tài anh Ba Ớt đặt tại tòa soạn, tôi đã thức suốt một đêm với anh bên cạnh anh Ba Tung và Sáu Du. Đêm đó anh Ba Tung, người từng đánh mình thủy ngân sập cầu nổi chợ Bến Thành, người từng làm Trưởng phòng hình sự Sở Công An TP, từng bị báo chí đánh toi bởi vụ Đường Sơn Quán khiến đưa con gái thân yêu nhất của anh phải tự tử vì hổ thẹn. Đêm đó mắt Ba Tung róm lệ. Tôi hiểu con người coi cái chết nhẹ tựa lông hồng như anh bị uất ức ra sao khi bó tay trước những kẻ ám hại mình. Tôi cũng như anh, những lúc mặt lộ đều có sự hỗ trợ tinh thần cần thiết của anh Ba Ớt. Chính báo Công An TP là báo duy nhất đăng tin con gái Ba Tung tự tử chết vì áp lực tàn khốc từ một vài tờ báo lớn của thành phố. Đêm đó dù Lưu Trọng Văn đã viết sẵn một bài điệu văn thương khóc Huỳnh Bá Thành nhưng hai phó Tổng Biên Tập Vũ Quang Hùng, Hà Phi Long vẫn yêu cầu tôi tức tốc làm một bài thơ tưởng niệm Huỳnh đại huynh để đăng báo ngay sáng hôm sau. Mùng 3 Tết Quý Dậu bài thơ KHÓC ANH HUỲNH BÁ THÀNH đăng báo và đến bây giờ vẫn còn nhiều anh em nhớ mãi. Bài thơ sau này được in trong cuốn sách KÝ SỰ NHÂN VẬT của cố Họa sĩ Ớt, tức Huỳnh Bá Thành do NXB Trẻ phát hành năm 2002:

KHÓC ANH HUỲNH BÁ THÀNH

*Cái chết đến thật bất ngờ
Người kỵ sĩ chưa hề thấm mệt
Con ngựa Quan Công nhắm mắt như mơ
Dây cương đứtt hai bờ nhật nguyệt*

*Năm tuổi của anh đi qua như gánh xiếc
Tiếng thị phi lẫn tiếng anh hùng
Anh không có đủ 72 phép thần thông bất diệt
Suốt đời ôm giấc mộng Tôn Ngộ Không*

*Khi trần gian chưa sòng phẳng sự công bằng
Khi ma quỷ vẫn còn đeo mặt nạ
Cây cọ của anh vẽ từ nhân dân
Lật tẩy bọn vua quan nguy trá*

*Khi máu đào còn tuôn như nước lã
Người nhìn nhau chưa hiểu được lòng mình
Ngòi bút của anh có đường gân thớ lá
Lá rách lá lành đùm bọc nghĩa đệ huynh*

*Nho sĩ ngày xưa đợi Mạnh Thường Quân
Thế thiên hành đạo nuôi người khó rách
Buổi nhiều nhưong của đạo quân thân
Tâm nghiêng ngã giữa dơ và sạch*

*Anh đã sống hết giấc mơ kiếm khách
Cái chết giống như một lưỡi gươm cùn
Trái tim khép ngay thời mở cửa
Để nén nhang đời cháy đỏ rưng rưng*

*Oi nghĩa tử cũng là nghĩa tận
Ai khanh tướng công hầu, ai họa sĩ nhân dân?*

Chị Ninh (vợ anh Huỳnh Bá Thành) nói với tôi trong đám giỗ đầu: “*Anh Ba hồi còn sống hay nói họ Bùi có hai kẻ chọc trời khuấy nước là Bùi Giáng và Bùi Chí Vinh. Ông Giáng ghé thấp nhang rồi, bây giờ Bùi Chí Vinh đốt cho anh Ba điếu thuốc đi*”. Nhân nhắc đến Bùi Giáng, tôi chợt nhớ khoảng đầu năm 1990 tôi có chở Hương Lan lúc đó mang bầu đứa con đầu lòng ghé chơi nhà Nguyễn Lương Vy, thi sĩ kiêm Trưởng phòng Văn Hóa Thông Tin quận Phú Nhuận. Tại phòng khách có mặt sẵn hai dị nhân Bùi Giáng và Joseph Huỳnh Văn. Anh Huỳnh Văn thì tôi không xa lạ gì, anh cùng đạo Công Giáo với tôi và là nhà thơ có hai câu thơ đầu đón đến tuyệt mỹ:

*Một đêm ta uống hết sông đầy
Một đêm ta khóc hết thơ ngầy*

Tôi với anh Hiến tức Joseph Huỳnh Văn thân nhau như huynh đệ, nhưng với Bùi tiên sinh thì khác. Sau khi làm thủ tục chào hỏi, Bùi tiên sinh hất hàm với tôi: “*Phu nhân của Bùi hậu sinh có chữa hả, đặt tên gì chưa?*”. Tôi trả lời rằng chưa thì Bùi Giáng vỗ bàn cái rầm: “*Trẫm đề nghị đặt tên cho hậu duệ Bùi hậu sinh là Bùi Vương. Bởi họ Bùi chưa có ai làm vua cả*”. Phát ngôn của Bùi Giáng làm cả bàn phì cười, lúc đó tôi giả tảng nhắc lại kỷ niệm cùng với Hồ Lê Thuần hội ngộ ông ở chùa Long Huê, Gò Vấp. Kỷ niệm sâu sắc đến mức tôi ghi lại bằng bài thơ HỌ BÙI đọc ra trước mặt ông:

HỌ BÙI

*Ta kiếm hoài một gã họ Bùi
Trong lịch sử từng làm hoàng đế
Chỉ thấy họ Đinh, Lê, Trần, Lý
Thay phiên nhau mặc áo long bào
Gượng cười ba tiếng mà rơi lệ
Bùi gia trang tuyệt giống rồi sao?*

*Không xưng vương thì ắt cường hào
Ta bỏ sử đi tìm kinh sách
Nguyễn Đình Chiểu đui mà thấy hết
Gọi ngay ông Bùi Kiệm đến chào
Chao ôi thủy tổ nhà ta lạ
Kính ngại vàng, mê gái thật sao?*

*Không xưng vương thì ắt xưng tao
Ta bỏ sách đi lùng tứ phía
Chùa Long Huê có người mũ tía
Trái chiếu rom viết một chữ Bùi
Ta giả nhà sư đi ngắm nghĩa
Biết rằng Bùi Giáng ghé am chơi*

*Thế thì dòng dõi nhà ta quây
Tứ sắc đều say đến bốc trời
Không lập đế vì ưng rượu đế
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi
Không lập chúa vì ưng nữ chúa
Thà lên... Bùi mãi, chẳng lên ngôi!*

Bài thơ HỌ BÙI hiện giờ nằm trên mạng internet toàn cầu, là niềm tự hào của trang web “gia phả họ Bùi”. Bài thơ cũng được nhà báo kiêm nhà thơ trẻ Phan Hoàng in lại trong cuộc phỏng vấn tôi trên báo Người Đương Thời. Một lần trả lời phỏng vấn của Phan Hoàng trên báo Sài Gòn Giải Phóng tôi cũng đã giải thích về cái tên họ cụt ngắn của thằng con Bùi Vương do Bùi Giáng đặt. Bởi tôi là dân Sài Gòn gốc Nam Định, không phải dân miền Trung thường đặt tên con “hai chữ”.

Phan Hoàng đã hỏi tôi thật các có về chuyện Bùi Giáng mất và bị khá nhiều câu lạc bộ kinh doanh thơ, thư pháp... lợi dụng, thì tôi đã trả lời rõ ràng: Rằng sự nghiệp thơ Bùi Giáng không nằm trong sáng tác mà nằm trong chính cuộc đời của ông khi giả điên và dân thân như một Hành giả. Những kẻ ăn theo cái chết Bùi Giáng có thể liệt kê vào thành phần nguy quân tử, thiếu lương tâm và vô đạo đức. Vì lúc còn sống Bùi tiên sinh không hề quan tâm đến họ mà chỉ chơi với trẻ con, chuồn chuồn, châu chấu. Hôm quan tài Bùi Giáng quàng ở chùa Vĩnh Nghiêm có mặt chị Kim Cương, điêu khắc gia Phạm Cung, thân tộc họ Bùi là Bùi Bảy... tôi đã lập lại lời nói đó. Và được nghệ sĩ Kim Cương, người mà Bùi Giáng cực kỳ hâm mộ, người lo hậu sự cho ông, đã ủng hộ tôi tối đa. Chị Kim Cương hào hứng tới nỗi lôi tôi và hai ông Phạm Cung, Bùi Bảy lên xe hơi của chị chạy ra phố Pasteur làm một châu lai rai bồi dưỡng. Cũng cần thiết mở ngoặc đơn chỗ này: nhà của Phạm Cung là tiền trạm ghé chân của khá nhiều danh sĩ như Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư, Phạm Duy, Phan Nhật Nam... trong nhà có tượng đồng bán thân Bùi Giáng, Phạm Duy và một bức tranh sơn dầu Phạm Cung phóng bút vẽ tình bạn của ba người Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư và ông. Xuất thân từ một điêu khắc gia nhưng tranh của ông vô cùng sắc sảo khi đề cập đến thân phận loài người dưới đáy xã hội. Hồi Huỳnh Bá Thành còn sống, chính anh Thành cùng tôi đến tận nhà Phạm Cung mời ông khai trương phòng triển lãm từ thiện đầu tiên tại báo Công An và cuộc triển lãm đó đã thành công rực rỡ cả tài chánh lẫn nghệ thuật.

Nhiều người trong giới văn nghệ (ngay cả chị Ninh, vợ Huỳnh Bá Thành) đều nghĩ rằng anh Ba Ót “đai” là tôi hết đất sống. Trong độ tuổi “tứ thập bất hoặc” bốn mươi không còn gì để nghỉ ngơi, tôi vẫn tiếp tục tự mưu sinh thoát hiểm chẳng cần ai đỡ đầu. Tôi còn nhiều chuyện không thể kể ra đây hết được đối với nhiều người vì các lý do tế nhị khác nhau. Những chuyện thoát nghe tưởng như giai thoại nhưng đều trả giá bằng đạo nghĩa ân oán phân minh. Nửa đêm trần trọc nằm vắt tay lên trán nhớ lúc đổi meo ra Đà Lạt gặp nhà thơ Bùi Minh Quốc, gặp bạn cũ Phan Minh rồi được nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự đánh xe hơi rước đi đọc thơ ở trường đại học Đà Lạt. Rồi lần nhậu dựa lưng cùng thi sĩ đàn anh Thu Bồn tại Hội Văn Nghệ bàn chuyện diệt bạo trừ gian, diệt bọn cầm bút vô lại và trừ đám gian thần nịnh hót. Rồi có lần cùng Nguyễn Trọng Tín, Trần Hữu Dũng, Võ Đắc Danh thuê hai chiếc xích lô xuống trường Đảng ở Thủ Đức nhậu, trong lúc ai nấy đều say khướt tôi bất ngờ cứu mạng Võ Đắc Danh khỏi một đường dao oan nghiệt, đến bây giờ bàn tay tôi còn thẹo. Rồi có lần cùng Nguyễn Quốc Chánh dẫn phái đoàn nho sĩ Bắc Hà đi chơi, cuối cùng nhà văn Nguyễn Ngọc phải “bỏ dép chạy lấy người” tại Xóm Chùa. Rồi bỗng dưng nhớ lại hồi còn làm báo Công An với Huỳnh Bá Thành, tôi có dịp cứu cô cháu gái của nhà thơ Hoàng Nhuận Cầm bỏ nhà vô Nam đi bụi qua bản tin đăng trên báo. Rồi nhớ lại những lần cụng ly với nhà doanh nghiệp xe lăn Tiến Toàn, mỗi lần đọc một bài thơ ứng khẩu là vị thương gia có máu Mạnh Thường Quân móc ra chi ngay cho tôi “một vé”. Rồi tiếp tục nhớ lần ra Bắc họp đại hội Nhà văn trẻ toàn quốc được sự đón tiếp bằng lòng hiếu khách đặc biệt của thi sĩ Nguyễn Quang Thiều với “anh hai Sài Gòn” theo cách của Thiều mà chỉ tôi mới hiểu. Rồi lần ra Bắc tiếp theo để nhận tặng thưởng đặc biệt của NXB Kim Đồng cho bộ truyện thiếu niên 5 Sài Gòn, gặp dịch đau mắt bị Nguyễn Quang

Lập lậ, lúc về Sài Gòn bế quan cả một tuần lễ. Tiếp tục nhớ thời bo bo xách súng cùng nhạc sĩ Nguyễn Hữu Thiết, họa sĩ trình Thanh Tùng đi săn cải thiện nhưng không dám bắn chim cu đất vì nó giống chim bồ câu biểu tượng cho hòa bình. Nhớ lần chớ Vũ Ngọc Giao ngồi trên sườn trước chiếc xe đạp bỏ môi kẹo, khi đổ dốc Cầu Kiệu xe đạp tự nhiên gãy làm đôi, mỗi thằng ôm một nửa cái xe, không biết làm sao bèn quăng luôn xuống sông Cầu Kiệu. Tôi lại nhớ lần cố gắng dùng văn hóa “cứu bồ” nhà hàng Điềm Hẹn Sài Gòn của sếp báo Tin Sáng kiêm cựu dân biểu Dương Văn Ba cách đây vài năm bằng một đêm thơ nhạc trong đêm Noel với ba người “Bùi Chí Vinh, Phan Vũ, Miên Đức Thắng”, nhưng mọi thứ đã muộn màng vì nhà hàng có quyết định đóng cửa. Gần đây nhất nhớ lần lên Đà Lạt cùng đạo diễn Nguyễn Chánh Tín làm phim ma NGÔI NHÀ BÍ ẨN được nhiếp ảnh gia MPK Phước Khùng coi bói rằng ngôi nhà hoang ở Trại Mát đúng là có ma thật... Tất cả những hồi ức ấy loang loáng như một giấc mơ, như một kiếp nạn mà tôi bắt buộc phải trải qua. Trải qua để trở về CÁI CHUÔNG NGỰA của mình, cái chuông ngựa biểu trưng cho mái ấm gia đình mà tôi đã từng xuất khẩu thành thi chép cho anh Nam Dao trước khi anh đi Mỹ. Bài thơ tam sao thất bản mà Nam Dao đăng trên mạng như một kỷ niệm ngày tôi và anh quen nhau những năm đầu 75:

CÁI CHUÔNG NGỰA

*Tụi nó cười lên lưng ta như cười ngựa
Khiến mông ta có đuôi và sau gáy mọc ra bờm
Ta vừa hí vừa nặn mình nôn mửa
Một đồng lạ lũng nửa áo nửa com*

*Tụi nó còn đưa ra trước đầu ta một giỏ cỏ thơm
Có mùi văn chương, có hương nghệ thuật
Ta cắn răng nhai một cách cuồng cuồng
Đến khi ợ mới hay mồm tàn tật*

*Tụi nó định vỗ tay mừng ta tự sát
Nhưng nước mắt của em đã đông lại thành chuông
Ta sẽ cố sai dù bốn chân cà nhắc
Để nhớ rằng mình còn có một quê hương*

Có lần tôi tái ngộ Trần Tiến Dũng sau hơn 20 năm. 20 năm trước tôi cùng Hồ Lê Thuần xuống chợ Bình Tây thăm gian hàng bán đồ chơi của đôi vợ chồng sắp cưới Trần Tiến Dũng. Lần ấy Dũng chưa trở thành nhà thơ trường phái tự do, Dũng nhà quê trong sáng như một “người nông dân nổi dậy” gặp tôi liền xin bài thơ chép tay mang tựa CÂY DUỜNG ỒM sáng tác khi lên vùng đất Siberi Duyên Hải. Tôi không ngờ sau chừng ấy năm Trần Tiến Dũng còn giữ bài thơ đó và đọc lên cho tôi cùng giáo sư toán nổi tiếng Cù An Hưng nghe tại quán cà phê Bích Câu. Khoảnh khắc thiêng liêng của chữ thật cảm động. Xin giới thiệu kỷ niệm đó ở đây:

CÂY DUỜNG ỒM

*Sẽ tìm được một cây dương ồm nhất
Cởi áo ra ta đứng tựa trời trông
Tiếp tục cởi hết quần dài quần cụt
Các em nhìn ta có giống cây không?*

*Sẽ đứng vậy bởi vì chiều lắm gió
Chiều im hơi ta sẽ duỗi chân nằm
Đàn ông nằm thô tục hơn thiếu nữ
Các em nhìn ta giống bóng cây không?*

*Sẽ xuống biển nếu cây dương bật gốc
Cây dương duyên sinh, ta phải tự trầm
Kể từ đó sóng buồn như khóc
Các em nhìn ta giống rễ cây không?*

*Sẽ không chết nữa nếu cây dương mập
Nếu các em cũng từ khước áo quần
Nếu các em đừng nhìn ta lén lút
Oi biết biển còn nhớ đến cây không?*

*Thì ta cứ là cây dương ồm nhất
Cho các em nhìn suốt bốn ngàn năm ...*

Tháng vừa rồi gặp lại Hồ Thi Ca, con người muôn năm cũ, từ thời học đại học Sư Phạm sau Nguyễn Nhật Ánh một khóa. Hồ Thi Ca cùng lớp với các nhà văn nữ Lý Lan, Lưu Thị Lương. Gặp lại để mà nhớ thuở ban đầu tôi đang làm báo Tuổi Trẻ và Hồ Thi Ca cũng như nhiều văn nghệ sĩ khác đang là cộng tác viên trang văn nghệ do tôi cùng anh Hoàng Nghĩa phụ trách. Lúc đó họ Hồ chưa làm thơ mà được chú ý nhờ viết truyện ngắn, truyện nào cũng có duyên và đầy triển vọng được ký dưới tên thật Hồ Bửu Trân. Họ Hồ chính là một trong những cơ sở hậu cần của tôi thời ấy trong những lúc lang bạt. Tôi và Nguyễn Nhật Ánh thường xuống đường Hòa Hảo ghé tiệm thuốc đông y nhà của cha mẹ Hồ Thi Ca lục com nguội và ngủ lại. Ngày tôi sắp đi bộ đội cũng chính Hồ Thi Ca cùng cô Vinh vợ tương lai tổ chức đêm họp mặt trên sân thượng có nhiều người đưa tiễn, trong đó có Lý Lan, Lưu Thị Lương và các bạn yêu thơ khác. Lần gặp lại này Hồ Thi Ca chỉ hỏi tôi một câu “Sao không thấy ông làm thơ nữa mà chuyển sang viết kịch bản phim cho Nguyễn Chánh Tín, chẳng lẽ ông hết yêu thơ rồi sao?”. Trời ạ, làm sao có thể bỏ thơ được khi nó là nghiệp chương của mình. Tôi chỉ biết đọc cho Hồ Thi Ca bài THƠ GIẶT ĐỒ để lý giải:

THƠ GIẶT ĐỒ

*Mới đầu ta định làm thơ
Sau cùng cảm thấy giặt đồ hay hơn
Sống như Hàn Tín lòn trôn*

*Hăm bốn chữ cái nuôi mầm không xong
Ra đường sạch giữa đám đông
Về nhà đóng kín thư phòng thấy dơ
Tắm nhiều lưng vẫn trơn trơn
Tổn bao nước rửa, bàn cờ vẫn xoay
Chi bằng sẵn áo quần đây
Ta dọn cái sạch bên ngoài vào trong
Sá gì một chút xà phòng
Mà đi phản bội tâm lòng chậu thau
Nặng lên, phơi áo công hầu
Đợi khô đóng kịch, biết đâu thành người*

Ngoài Hồ Thi Ca, đầu năm 2008 tôi tình cờ tái ngộ lại một người bạn cố tri từ hồi còn học trung học công lập Trần Lục. Đó là Phương A, người bạn cận thị hiền lành ít nói nhà ở Xóm Bến Tắm Ngựa cạnh Xóm Lách của tôi. Phương A giờ đã là một thầy giáo giỏi chuyên môn dạy trường Nguyễn Thị Minh Khai, chủ nhân một blog có uy tín. Tôi không ngờ Phương A theo dõi con đường văn nghiệp gập ghềnh của tôi rất kỹ. Anh còn lưu giữ bài thơ tôi chép tay tặng anh năm học đệ lục (tức lớp 7). Anh “photo” tờ báo Xuân Trần Lục có bài viết của tôi để tặng tôi với nỗi ngậm ngùi. Hai đứa ngồi uống cà phê nhắc những thằng bạn nhà giàu giỏi giang đang lập nghiệp bên Mỹ như Đặng Quốc Thứ, Hoàng Quốc Quý... một cách bồi hồi. Coi, quen nhau năm 12 tuổi rồi bằng đi hơn 40 năm mới gặp lại thì cuộc đời hỏi sao chẳng như một cái nháy mắt. Phương A nháy mắt qua tròng kính cận hỏi tôi về gia đình, vợ con. Tôi chỉ biết đọc cho thằng bạn hành nghề “gõ đầu trẻ” bài thơ GIA HUẤN CA:

GIA HUẤN CA

*Làm thơ tự do cuối năm
Làm thơ tự do trước khi rời thành phố
Thơ đắp mền cho phu nhân
Thơ lau mặt cho quý tử
Thơ có túi như con đại thử
Nhét nhân gian bốn cõi vào lòng
Thơ cuồng nô như cơn lũ
Móng vuốt thành trăm sông*

*Ái chà, ta làm thơ tự do
Tự do chữ, tự do văn tuyệt đối
Không câu nệ, chẳng từ chương
Đời te tua như hủi
Các triều đại thịnh suy vì nói dối
Vua chúa sa cơ cũng giống ăn mày
Thơ ta nghiền nghẹn bầy món chay
Ca ngợi tự do trên thớt*

Tự do của con cá bầm sả ớt

*Cùi không sợ lở, hê hê
Khát vọng tương đương như tuyết vọng
Con trai dòng họ Kennedy lớn lên làm Tổng thống
Chuyện ngày xưa Lộ Lem xấu số hóa nữ hoàng
Ta đã từng nằm mơ đàm đạo với Quang Trung
Lúc thức dậy đất cấm dùi không có
Ai bảo sinh ra ở hóc bà tó
Mà mơ mộng ngai vàng
Thơ hay bá cháy con bọ chét
Cũng bèo như cóc ở trong hang*

*Con trai ta chịu chơi hơn ta
Nó có vương quốc riêng hét sảy
Vũ trụ chứa một tỷ người máy
Hành tinh gom một tỷ quân bài
Nó chơi game bằng một tỷ ngón tay
Ác thú, quái nhân đều nằm chông gọng
Nó trả thù trong trật tự riêng
Trật tự của một ngài Tổng thống*

*Đừng cười anh nghe em
Anh vẫn là gia trưởng
Đừng khi dễ ba nghe con
Ba vẫn là kẻ di truyền sự sống
Có làm cha thiên hạ vẫn muôn đời nói ngọng
Áo mặc không qua khỏi đầu
Sau này con lỡ làm thiên tử
Nhớ đừng quên gia phả chẵn trâu*

Trong cuộc đời đầy sóng gió của tôi có lẽ ông Nguyễn Thắng Vu là ân nhân cụ thể nhất. Nhiều người khác cũng có bụng “lân tãi” giúp đỡ tôi nhưng kết quả thường huyền ảo hơn là hiện thực. Chính ông Nguyễn Thắng Vu, giám đốc NXB Kim Đồng mới là kẻ giao hãn chiếc cần câu cho tôi câu miêng com. Nội vụ bắt đầu từ lúc Trần Đình Nam, cán bộ biên tập NXB Kim Đồng vào miền Nam tìm tôi đặt hàng truyện dài HẢI ĐẠI BÀNG. Cuốn truyện phát hành thuở bao cấp xa xưa gây tiếng vang nhất định. Từ thành công bước đầu ấy, năm 1995 giám đốc Nguyễn Thắng Vu tin tưởng giao cho tôi phóng tác 70 cuốn TỨ QUÁI TKKG của Stefan Wolf qua bản dịch mộc của Vũ Hương Giang. Bằng kinh nghiệm giang hồ và văn phong không giống ai, tôi đã đẩy mỗi cuốn TỨ QUÁI TKKG phát hành hàng tuần lên con số trung bình 6 vạn bản, một con số mà đến giờ này chưa bộ sách nào phá nổi. Bộ TỨ QUÁI TKKG đã giúp tôi xây được một ngôi nhà khang trang đúng nghĩa tại Sài Gòn. Chưa dừng ở đó, năm 1997 giám đốc Nguyễn Thắng Vu tiếp tục đặt hàng tôi viết bộ truyện thiếu niên hành hiệp phiêu lưu mạo hiểm diệt bạo trừ

gian hoàn toàn đặc sản Việt Nam mang tên 5 SÀI GÒN gồm 40 cuốn. Bộ truyện 5 SÀI GÒN cũng tạo được sự chú ý của dư luận với con số phát hành cao điểm mỗi cuốn lên tới 2 vạn bản mỗi tuần. Phải nói đây là lần đầu tiên 2 bộ truyện dành cho tuổi mới lớn trên được bày bán khắp các sạp báo, lẫn lộn và cạnh tranh với báo chí trên toàn quốc.

Xét về mặt năng lực, ngoài Huỳnh Bá Thành từng đưa tờ báo Công An TP từ trong bóng tối ra ánh sáng với con số phát hành kỷ lục gần một triệu số hàng tuần, thì người thứ hai không ai khác chính là Nguyễn Thắng Vu, vị giám đốc tài ba và lão luyện từng vực dậy NXB Kim Đồng cất cánh qua bộ truyện tranh ĐỜ RÊ MÔN, một bộ truyện nhập cảng từ Nhật Bản làm đảo lộn hết những cái nhìn mô phạm cứng nhắc trong kinh doanh của ngành xuất bản bao cấp nội địa. Ông Vu đối với gia đình tôi có những tình cảm đặc biệt. Ông quan tâm đến tôi ngay cả lúc đã về hưu, chuyển sang làm chủ tịch hội đồng cố vấn cho NXB Kim Đồng. Tôi yêu quý và tôn trọng tâm huyết của ông về sự tự do cho trẻ con, sự công bằng cho người lớn khi ông nói về một thế giới mơ ước. Năm 2007 khi báo chí loan tin tôi về với hãng Chánh Tín Film của đạo diễn Nguyễn Chánh Tín để chuyên viết những kịch bản phim nhựa 45 phút đề tài kinh dị, hành động... Ông Nguyễn Thắng Vu đã gọi điện cho tôi nói rằng: “*Xin chúc mừng em chuyển sang bước ngoặt mới. Theo anh thì Bùi Chí Vinh có ba thời kỳ phát lớn trong sáng tác. Đó là thời kỳ làm thơ, thời kỳ viết truyện và bây giờ đến thời kỳ làm phim. Anh luôn tự hào và tin tưởng ở em*”. Cuộc trò chuyện qua điện thoại rất dài và rất nhiều chuyện để nói giữa hai anh em ít khi gặp được nhau. Tôi không phản đối sự chúc mừng hồn nhiên của “lão ngoan đồng” Nguyễn Thắng Vu, tuy nhiên trên thực tế tôi làm gì có thời nào cho mình. Tôi sống bằng nỗ lực tối đa để tự cứu mình, cứu người thân, và cứu đồng loại. Chữ “thời” chỉ xảy ra với những kẻ liên minh quyền lực và tiền bạc trong khi tôi chỉ là một người cầm bút “solo”. Sau lưng tôi chỉ có nhân dân thấp cổ bé miệng, tôi đã bị “đóng đinh” không ít lần trong đời vì chiến đấu cho số đông nhân dân bị quên lãng ấy.

Năm nay 2008 tôi đã bước vào tuổi “ngũ thập tri thiên mệnh”, người xưa nói số tuổi này nắm được mệnh trời. Tôi chẳng nắm gì cả, tôi ghê tởm bọn tham sân si và không thể đánh đu số mệnh giống chúng được. Tôi vẫn tiếp tục sống như một con người dù có lúc bị đẩy vào đường cùng như một con vật. Thậm chí tôi sẵn sàng đề tựa tập thơ NGỰA CŨNG BUỒN của thầy giáo Tiến sĩ dạy toán trường đại học Kinh Tế là Nguyễn Văn Nhân vì tôi cảm thấy hạnh phúc khi đọc một tập thơ có những bài thơ hay. Bài tựa mang tên LỜI TRI KỶ CHO NHÂN mà tôi phóng bút tại chỗ lúc ngồi với Phạm Hồng Danh, Nguyễn Văn Nhân trong một chiều mưa tầm tã. Xin trích bốn câu cuối cùng bài tựa mà tôi viết:

*Đệ nhìn huynh như nhìn... con ngựa
Ngựa chững nhiều khi cũng biết buồn
Ta nhìn đệ như nhìn đóm lửa
Cuối đường hăm leo lét mà thương*

Phạm Hồng Danh, Thạc sĩ toán kiêm thi sĩ đại học Kinh Tế cũng là một chiến hữu từ trên trời rớt xuống. Danh biết tôi từ hồi hấn đi bộ đội năm bệnh xá quân y nghe một sĩ quan Trung đoàn 10 Rừng Sát nằm giường kể bên kể về giai thoại cuộc đời tôi trong đơn vị của anh ta. Mỗi hảo cảm phát sinh nên khi gặp nhau dễ dàng trở nên huynh đệ. Qua Phạm Hồng Danh, tôi có dịp cộng ly với vô số thầy giáo dạy toán nhưng mê thơ như điệu đờ, các hiền đệ như Tuấn guitar chơi đàn ngọt xót và hát không biết mệt. Quan niệm của tôi về thơ và đời nhẹ tênh như câu trả lời phỏng vấn cho một nhà báo báo Tin Tức Cuối Tuần. Khi được hỏi “*Nhà thơ thời chiến tranh bảo vệ tổ quốc, nhà thơ thời thị trường và nhà thơ thời hội nhập trong suy nghĩ của ông?*” thì tôi đã trả lời như sau: “*Nhà thơ thời kỳ nào cũng phải giữ khí tiết và liêm sỉ. Thể chế chính trị có thể thay đổi theo thời gian dẫu bề nhưng tác phẩm và tài năng mãi mãi trường tồn. Tôi còn nhớ sự tích Lý Bạch bắt Cao Lực Sĩ cởi giày, sau đó làm thơ ca tụng nhan sắc Dương Quý Phi, chọc giận Đường Minh Hoàng rồi bỏ triều đình đi giang hồ lãng tử, cuối cùng ôm trăng mà chết. Sự tích đó thật đẹp. Hy vọng các nhà thơ chân tài lấy Lý Bạch làm tấm gương cho cuộc sống của mình*”.

Phát biểu trên thay cho lời khép lại GIAI THOẠI CỦA THI SĨ, PHẦN 4. Cái sự khép mang tính tiên tri trong một bài thơ mà tôi viết cách đây 10 năm, khi thế giới sắp bước vào năm 2000 với những lời sấm truyền về ngày tận thế. Bài thơ vượt qua giới hạn của mọi ràng buộc về quốc tịch, ngôn ngữ để nói lên tiếng cầu cứu của con người cô độc. Thiết nghĩ chép lại bài thơ DỰ BÁO NĂM 2000 ở đây để tạm kết thúc phần tự truyện này vẫn còn nguyên giá trị vượt thời gian:

DỰ BÁO NĂM 2000

*Năm ấy ta 46 tuổi
Theo tử vi thì bụng phệ má bầu
Biết làm tình sớm nên lưng đau
Biết làm ăn muộn nên răng rụng
Đừng võ đoán về sự gây sự thù
Vì chung mập ốm không do con người
Vì chung trái đất không do bầu trời
Thời gian chia hai phân màu sắc
Ban đêm có màu đen súc vật
Ban ngày có màu vàng nhân sinh
Đứa trẻ sinh ra đã chết ngay không tăng thêm điều linh
Thằng già hưởng thụ đã đời rồi nhãn rằng không giảm phần khoái lạc
Con người nhún vai kiếp này rồi xuôi vai kiếp khác
Rồi vẫn mọc hai vai để gánh kiếp con người
Ta chưa hề bố thí kiếm lời
Nên Chúa Phật ban cho cái lỗ
Ta không mua bán với thiên cổ
Ta không đặt cọc với mai sau
Làm thơ như nói tục*

Cục cứt không có đầu

*Ta là một cục cứt năm 46 tuổi
Thối hoăng từ lúc mới sinh
Người ta cấy nhau trẻ con để được cường dương
Ta bị ăn cắp thân thể ngay khi mới đẻ
Những thằng người lớn vì dục tình với nàng hầu, vợ bé
Đã lấy sự khỏe mạnh của ta gieo rắc trên giường
Vì gầy ốm ta thuở nhỏ bắt lương
Vì bụng phệ ta lúc già thành Di Lặc
Con người ăn thịt lẫn nhau rồi biến mất
Cục cứt vẫn không có đầu
Đẻ ra đau
Ỉa ra khoái
Có gì khôi hài hơn khi cục cứt biết nói
Về sự thom tho không tưởng của mình
Rằng con người ta rất văn minh
Rằng con người ta không phải là một cây lau cây sậy
Rằng con người ta biết đái
Như biết thờ cúng ông bà
Tội nghiệp ông bà, trước khi ta được biết ta
Ta chỉ là một con sâu trong cái hình thù cương cứng
Cục cứt ơi đừng lúng túng
Nhà người cứ phải thối hoăng dù trốn ở nhà lâu
Nhà người nhão nhẹt trong cao lâu
Lầy nhầy trong khách sạn
Nhà người đẻ ra phát minh rồi trầm trở tự thân
Coi chừng nguyên tử hủy diệt địa cầu
Nhà người quên rằng mình chẳng thể sống lâu
Trong cái phần thân thể thối
Bộ phận sinh dục của nhà người lên tiếng nói
Công bằng, cơm áo, tự do
Hỡi những triết gia lừa dối
Trước sau gì mày cũng thành con ma*

Ha ha

*Ta là một con ma năm 46 tuổi
Một con ma đói
Vì ăn phải bã con người
Nguyễn Công Trứ chỉ muốn làm cây thông trên đồi
Vì ăn nhằm bổng lộc
Nguyễn Khuyến về già mù mắt
Vì ngó phải công danh
Nguyễn Du vang tiếng lầu xanh*

*Vì dám nhận mình bất lực
Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc
Vì để một lô con cháu chẳng ra gì
Trần Tế Xương nhậu nhẹt li bì
Vì sợ tỉnh ra là biết hết
Cao Bá Quát đâm đầu chết
Thiên tài kỳ cục vậy ta
Rõ ràng con người là một con ma
Lè lưỡi
Thằng giàu có ném thức ăn giỏi
Lưỡi dài
Thằng nghèo túng quanh năm sắn khoai
Lưỡi ngắn
Lưỡi càng cong càng ma vô cùng tận
Ta có hồn ma có xác người
46 tuổi đời
2000 năm tuổi cứt
Không gian lắm chiều nên khi nằm dưới đất
Ta lúc nào cũng có thể bị văng ra
Trái đất tự xoay để tạo ngày giờ
Ta tự thổi rửa để lòi định mệnh
Thời gian giống như một con điếm
Truyền sida trên khắp màu cờ
Đừng tự hào vì quốc kỳ mà chế tạo robo
Khi mọi thứ đều từ đất vụn
Nổ tung trái đất đi, hỡi các nhà vua xuất chúng
Các nút bấm tuyệt vời ở Nga, Mỹ, Nato
Không có lý do gì mùi cứt
2000 năm nay làm thối mũi các nhà thơ*

*Lịch sử sẽ mới nguyên nếu được bới từ tro
Các trái đất khác lại bắt đầu năm thứ nhất
Lẽ dĩ nhiên là bắt đầu thú hoắc!*

THÁNG 11 – 2008
BÙI CHÍ VINH

Nguồn: http://www.viet-studies.net/BuiChiVinh_HoiKy.htm

www.vietnamvanhien.org

